

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO    BỘ LAO ĐỘNG – THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI**

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG – XÃ HỘI**

**NGUYỄN THỊ ÁNH HOÀN**

**VAI TRÒ CỦA NHÂN VIÊN CÔNG TÁC XÃ HỘI TRONG HỖ  
TRỢ PHỤ NỮ NGHÈO ĐƠN THÂN TẠI XÃ TRUNG SƠN,  
HUYỆN LƯƠNG SƠN, TỈNH HÒA BÌNH**

**LUẬN VĂN THẠC SĨ CÔNG TÁC XÃ HỘI**

HÀ NỘI - 2019

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO    BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI**

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG - XÃ HỘI**

**NGUYỄN THỊ ÁNH HOÀN**

**VAI TRÒ CỦA NHÂN VIÊN CÔNG TÁC XÃ HỘI TRONG HỖ  
TRỢ PHỤ NỮ NGHÈO ĐƠN THÂN TẠI XÃ TRUNG SƠN,  
HUYỆN LƯƠNG SƠN, TỈNH HÒA BÌNH**

**Chuyên ngành: Công tác xã hội**

**Mã ngành: 8760101**

**LUẬN VĂN THẠC SĨ CÔNG TÁC XÃ HỘI**

**NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC: T.S ĐẶNG THỊ LAN ANH**

**HÀ NỘI - 2019**

## **LỜI CAM ĐOAN**

Tôi xin cam đoan Luận văn này là công trình nghiên cứu thực sự của cá nhân tôi, chưa được công bố trong bất cứ một công trình nghiên cứu nào. Các số liệu, nội dung được trình bày trong luận văn này là hoàn toàn hợp lệ và đảm bảo tuân thủ các quy định về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ.

Tôi xin chịu trách nhiệm về đề tài nghiên cứu của mình.

**Tác giả**

**Nguyễn Thị Ánh Hoàn**

## LỜI CẢM ƠN

Sau một thời gian nghiên cứu tìm hiểu và khảo sát thực địa, tôi đã hoàn thành luận văn thạc sĩ chuyên ngành Công tác xã hội. Trong quá trình nghiên cứu, tôi đã nhận được rất nhiều sự quan tâm, giúp đỡ của thầy cô giáo, đồng nghiệp, gia đình và bạn bè.

Trước tiên, tôi xin gửi lời cảm ơn sâu sắc tới TS. Đặng Thị Lan Anh, người đã trực tiếp hướng dẫn và truyền đạt cho tôi những kiến thức, kỹ năng, phương pháp và kinh nghiệm quý báu trong suốt thời gian thực hiện luận văn.

Tôi xin chân thành cảm ơn toàn thể lãnh đạo và cán bộ, người lao động, các ban ngành, đoàn thể của Ủy ban nhân dân xã Trung Sơn và các Trưởng xóm, các chi hội, các hộ nghèo trên địa bàn xã đã tham gia khảo sát, tạo mọi điều kiện giúp tôi hoàn thành việc thu thập số liệu phục vụ đề tài nghiên cứu.

Cuối cùng tôi xin gửi lời cảm ơn tới người thân, bạn bè và đồng nghiệp đã luôn quan tâm, giúp đỡ, động viên tôi trong suốt quá trình thực hiện đề tài.

Mặc dù đã có nhiều cố gắng, song do thời gian nghiên cứu và kiến thức còn hạn chế, luận văn chắc chắn không thể tránh khỏi những thiếu sót. Tôi rất mong nhận được ý kiến đóng góp của quý thầy cô, các nhà khoa học, các anh chị đồng nghiệp để tôi hoàn thiện những thiếu sót của luận văn.

Xin trân trọng cảm ơn!

*Hòa Bình, tháng 01 năm 2019*

**Tác giả**

**Nguyễn Thị Ánh Hoàn**

## MỤC LỤC

<b>LỜI CAM ĐOAN</b> .....	<b>I</b>
<b>LỜI CẢM ƠN</b> .....	<b>II</b>
<b>DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT</b> .....	<b>V</b>
<b>DANH MỤC BẢNG</b> .....	<b>VI</b>
<b>DANH MỤC BIỂU ĐỒ</b> .....	<b>VII</b>
<b>LỜI MỞ ĐẦU</b> .....	<b>8</b>
1. Lý do chọn đề tài.....	<b>8</b>
2. Tình hình nghiên cứu .....	<b>9</b>
3. Mục đích, nhiệm vụ nghiên cứu .....	<b>14</b>
4. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu .....	<b>15</b>
5. Phương pháp nghiên cứu và phương pháp nghiên cứu.....	<b>16</b>
6. Những đóng góp mới của luận văn.....	<b>22</b>
7. Kết cấu của đề tài .....	<b>23</b>
<b>CHƯƠNG 1. NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ VAI TRÒ CỦA NHÂN VIÊN CÔNG TÁC XÃ HỘI TRONG HỖ TRỢ PHỤ NỮ NGHÈO ĐƠN THÂN</b> .....	<b>24</b>
1.1. Một số khái niệm liên quan .....	<b>24</b>
1.1.1. Khái niệm Công tác xã hội .....	<b>24</b>
1.1.2. Khái niệm nhân viên Công tác xã hội .....	<b>25</b>
1.1.3. Khái niệm nghèo .....	<b>25</b>
1.1.4. Khái niệm phụ nữ nghèo.....	<b>26</b>
1.1.5. Khái niệm phụ nữ nghèo đơn thân .....	<b>26</b>
1.1.6. Đặc điểm tâm lý của phụ nữ nghèo đơn thân .....	<b>27</b>
1.2. Lý luận về vai trò của Nhân viên Công tác xã hội trong hỗ trợ phụ nữ nghèo đơn thân .....	<b>33</b>
1.2.1. Khái niệm Công tác xã hội trong hỗ trợ phụ nữ nghèo đơn thân .....	<b>33</b>

1.2.2. Khái niệm và mục đích, vai trò của nhân viên Công tác xã hội trong hỗ trợ phụ nữ nghèo đơn thân.....	34
Khái niệm vai trò:.....	34
1.2.3. Một số vai trò của nhân viên Công tác xã hội với phụ nữ nghèo đơn thân .....	36
1.3. Một số yếu tố tác động tới vai trò của nhân viên Công tác xã hội trong hỗ trợ phụ nữ nghèo đơn thân.....	41
1.3.1. Yếu tố thuộc về phụ nữ nghèo đơn thân.....	41
1.3.2. Yếu tố về nhân viên Công tác xã hội.....	42
1.3.3. Yếu tố thuộc về chính sách thực hiện .....	43
1.3.4. Yếu tố thuộc về nhận thức của chính quyền địa phương .....	44
1.3.5. Yếu tố khác .....	45
1.4. Cơ sở pháp lý của vai trò nhân viên Công tác xã hội .....	46
1.4.1. Văn bản liên quan đến nhân viên Công tác xã hội.....	46
1.4.2. Văn bản liên quan đến hoạt động trợ giúp người nghèo .....	47
Tiểu kết chương 1 .....	51
<b>CHƯƠNG 2 THỰC TRẠNG VAI TRÒ CỦA NHÂN VIÊN CÔNG TÁC XÃ HỘI TRONG HỖ TRỢ PHỤ NỮ NGHÈO ĐƠN THÂN TẠI XÃ TRUNG SƠN HUYỆN LƯƠNG SƠN, TỈNH HÒA BÌNH .....</b>	<b>52</b>
2.1. Tổng quan về địa bàn và khách thể nghiên cứu.....	52
2.1.1. Tổng quan về địa bàn nghiên cứu .....	52
2.1.2. Đặc điểm khách thể nghiên cứu.....	56
2.2. Đánh giá vai trò của nhân viên công tác xã hội trong hỗ trợ phụ nữ nghèo đơn thân tại xã Trung Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình.....	65
2.2.1. Đánh giá vai trò của nhân viên Công tác xã hội là người vận động nguồn lực (VĐNL) trong hỗ trợ phụ nữ nghèo đơn thân.....	66

2.2.2. Đánh giá vai trò của nhân viên Công tác xã hội là người kết nối trong hỗ trợ phụ nữ nghèo đơn thân.....	87
2.2.3. Đánh giá vai trò của nhân viên Công tác xã hội là người tham vấn trong hỗ trợ phụ nữ nghèo đơn thân.....	91
2.2.4. Đánh giá vai trò của nhân viên Công tác xã hội là người giáo dục trong hỗ trợ phụ nữ nghèo đơn thân.....	97
2.3. Một số yếu tố ảnh hưởng tới vai trò của nhân viên Công tác xã hội trong hỗ trợ phụ nữ nghèo đơn thân tại xã Trung Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình .....	106
2.3.1. Yếu tố thuộc về phụ nữ nghèo đơn thân.....	106
2.3.2. Yếu tố về nhân viên Công tác xã hội .....	109
2.3.3. Yếu tố thuộc về chính sách thực hiện .....	111
2.3.4. Yếu tố liên quan đến chính quyền địa phương .....	114
2.3.5. Yếu tố khác .....	116
<b>Tiểu kết chương 2.....</b>	<b>119</b>
<b>CHƯƠNG 3. MỘT SỐ GIẢI PHÁP NÂNG CAO VAI TRÒ CỦA NHÂN VIÊN CÔNG TÁC XÃ HỘI TRONG HỖ TRỢ PHỤ NỮ NGHÈO ĐƠN THÂN TẠI XÃ TRUNG SƠN, HUYỆN LƯƠNG SƠN TỈNH HÒA BÌNH .....</b>	<b>120</b>
3.1. Giải pháp phát huy vai trò của phụ nữ nghèo đơn thân .....	120
3.2. Giải pháp nâng cao chất lượng đội ngũ nhân viên Công tác xã hội...	121
3.2.1. Giải pháp nâng cao vai trò là người vận động nguồn lực .....	123
3.2.2. Giải pháp nâng cao vai trò là người kết nối.....	124
3.2.3. Giải pháp nâng cao vai trò là người tham vấn.....	128
3.2.4. Giải pháp nâng cao vai trò là người giáo dục .....	129
3.3. Giải pháp về chính sách thực hiện .....	130
3.4. Giải pháp phát huy vai trò của chính quyền địa phương .....	131

<b>Tiểu kết chương 3.....</b>	<b>135</b>
<b>KẾT LUẬN.....</b>	<b>136</b>
<b>TÀI LIỆU THAM KHẢO.....</b>	<b>137</b>



**DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT**

<b>STT</b>	<b>Chữ viết tắt</b>	<b>Nội dung đầy đủ</b>
1	CTXH	Công tác xã hội
2	CTVCTXH	Cộng tác viên Công tác xã hội
3	DVCTXH	Dịch vụ Công tác xã hội
4	NVCTXH	Nhân viên Công tác xã hội
5	PNNĐT	Phụ nữ nghèo đơn thân

**DANH MỤC BẢNG**

Bảng 2.1: Tổng hợp số lượng hộ nghèo có phụ nữ đơn thân.....	54
Bảng 2.2: Người nghèo được hỗ trợ từ nguồn lực chính sách, pháp luật.....	66
Bảng 2.3: Hộ nghèo được hỗ trợ từ nguồn lực vật chất.....	71
Bảng 2.4: Số lượng cán bộ vận động nguồn lực tại xã Trung Sơn .....	74
Bảng 2.5. Số lượng phụ nữ nghèo đơn thân được hỗ trợ từ nguồn nhân lực tại địa phương .....	75
Bảng 2.6. Số lượng phụ nữ nghèo đơn thân được hỗ trợ từ.....	77
nguồn lực tài chính, kinh tế .....	77
Bảng 2.7. Số lượng hộ nghèo được hỗ trợ từ nguồn lực xã hội.....	78
Bảng 2.8. Số lượng phụ nữ nghèo đơn thân được hỗ trợ từ nguồn lực cộng đồng .....	84
Bảng 2.9. Số lượng phụ nữ nghèo đơn thân được kết nối các nguồn lực, chính sách, dịch vụ xã hội trong năm 2018 .....	88
Bảng 2.10: Số lượng Phụ nữ nghèo đơn thân được tham vấn .....	94
Bảng 2.11: Số lượng phụ nữ nghèo đơn thân được bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng .....	99
Bảng 2.12. So sánh hiệu quả các hoạt động hỗ trợ của nhân viên Công tác xã hội đối với phụ nữ nghèo đơn thân .....	103

**DANH MỤC BIỂU ĐỒ**

Biểu đồ 2.1: Tỷ lệ phụ nữ nghèo đơn thân và nam giới nghèo qua các năm (%)	55
Biểu đồ 2.2: Độ tuổi của phụ nữ nghèo đơn thân (%)	57
Biểu đồ 2.3: Trình độ học vấn của phụ nữ nghèo đơn thân (%)	57
Biểu đồ 2.4: Tình trạng việc làm của phụ nữ nghèo đơn thân (%)	59
Biểu đồ 2.5: Hoàn cảnh gia đình của phụ nữ nghèo đơn thân (%)	60
Biểu đồ 2.6: Nguyên nhân nghèo của phụ nữ nghèo đơn thân (%)	61
Biểu đồ 2.7: Nhu cầu của phụ nữ nghèo đơn thân (%)	64
Biểu đồ 2.8: Mức độ hài lòng của phụ nữ nghèo đơn thân được tiếp cận với các nguồn lực (%)	86
Biểu đồ 2.9: Mức độ hài lòng của phụ nữ nghèo đơn thân được tiếp cận với các nguồn lực (%)	90
Biểu đồ 2.10: Mức độ hài lòng của phụ nữ nghèo đơn thân với hoạt động tham vấn (%)	96
Biểu đồ 2.11: Mức độ hài lòng của phụ nữ nghèo đơn thân về hoạt động giáo dục	102
Biểu đồ 2.12: Tổng hợp đánh giá hiệu quả các hoạt động nhân viên công tác xã hội hỗ trợ phụ nữ nghèo đơn thân	105
Biểu đồ 2.13: Các yếu tố thuộc về phụ nữ nghèo đơn thân (%)	106
Biểu đồ 2.14 : Yếu tố về nhân viên Công tác xã hội	109
Biểu đồ 2.15 : Yếu tố chính sách thực hiện (%)	112
Biểu đồ 2.16: Nhận thức của chính quyền địa phương (%)	115

## MỞ ĐẦU

### 1. Lý do chọn đề tài

Phụ nữ nghèo đơn thân thuộc nhóm đối tượng yếu thế đặc biệt, họ đang phải đối mặt với những rủi ro của sự nghèo khổ cao hơn nam giới do cùng lúc phải gánh vác nhiều vai trò, trách nhiệm liên quan đến gia đình và những định kiến giới chưa thể xóa bỏ. Tỷ lệ phụ nữ nghèo đơn thân đang dần tăng lên cùng những tổn thương mà họ phải gánh chịu càng nặng nề hơn, bởi vì phụ nữ và trẻ em là nhóm bị chịu ảnh hưởng lớn nhất từ đói nghèo; Phụ nữ nghèo đơn thân có thể coi là những người nghèo nhất trong số những người nghèo.

Năm 2014, theo báo cáo Chương trình phát triển Liên hợp Quốc tại Tokyo cho biết: Số người nghèo và cận nghèo trên thế giới lên tới 2,2 tỷ người, trong khi tình trạng nghèo đói đang có chiều hướng giảm trên toàn thế giới thì sự bất bình đẳng và “những tổn thương mang tính cơ cấu” vẫn là mối đe dọa nghiêm trọng, báo cáo cũng nhấn mạnh “Người nghèo, phụ nữ đang có xu hướng phải đối mặt với những khó khăn lớn hơn”. [10]

Ở Việt Nam, kết quả tổng điều tra hộ nghèo, hộ cận nghèo theo năm 2015 theo Quyết định số:1905/QĐ-BLĐTB&XH ngày 28/12/2015 của Bộ Trưởng bộ Lao động - Thương binh & Xã hội phê duyệt cho thấy: Tổng số hộ nghèo trên toàn quốc là 2.338.569 hộ (chiếm 9,88%), hộ cận nghèo là 1.235.784 hộ (chiếm 5,22%). Kết quả điều tra cũng cho thấy, khu vực miền núi Tây Bắc có tỷ lệ hộ nghèo cao nhất cả nước với 34,52%, tiếp theo là miền núi Đông Bắc (20,74%) và Tây Nguyên (17,14%). Đông Nam Bộ có tỷ lệ hộ nghèo thấp nhất cả nước với 1,23%, tỷ lệ hộ nghèo của đồng bằng sông Hồng cũng chỉ 4,76%...[23]

Lương Sơn là một huyện miền núi của tỉnh Hòa Bình, cách thủ đô Hà Nội chưa đầy 40 km, vị trí địa lý rất thuận tiện cho giao thông đi lại, tuy nhiên theo “Báo cáo giám sát chương trình giảm nghèo năm 2018” của Phòng Lao

động - Thương binh và Xã hội huyện Lương Sơn, huyện có tổng số 1.326 hộ nghèo, chiếm tỷ lệ 13,7 % trong đó số phụ nữ nghèo đơn thân là 890 hộ, chiếm tỷ lệ 8,21%. Tại Huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình có tổng số 1.326 hộ nghèo, chiếm tỷ lệ 13,7 % trong đó số phụ nữ nghèo đơn thân là 890 hộ, chiếm tỷ lệ 8,21%. Tỷ lệ hộ là phụ nữ nghèo đơn thân không ngừng tăng lên hàng năm trong khi số hộ thoát nghèo còn thấp. Do vậy, cần có các chính sách và giải pháp để hỗ trợ cho phụ nữ nghèo đơn thân được tiếp cận tốt nhất với các dịch vụ xã hội và đảm bảo các điều kiện sống cơ bản, tăng nữ quyền, bình đẳng giới. Đó cũng chính là mục tiêu quan trọng trong chương trình giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 – 2020 và công tác vì sự tiến bộ của phụ nữ của Đảng và Nhà nước. [43]

Hiện nay, có nhiều đề tài nghiên cứu về Công tác xã hội đối với người nghèo hoặc vai trò của Công tác xã hội đối với người nghèo. Nhưng chưa có nhiều nghiên cứu về vai trò của Nhân viên công tác xã hội trong hỗ trợ phụ nữ nghèo đơn thân. Bởi vậy, tác giả lựa chọn nghiên cứu đề tài “Vai trò của nhân viên Công tác xã hội trong hỗ trợ phụ nữ nghèo đơn thân tại xã Trung Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa bình” nhằm đánh giá thực trạng vai trò của nhân viên xã hội trong việc hỗ trợ phụ nữ nghèo đơn thân trên địa bàn xã. Đánh giá được mức độ hiệu quả, tầm ảnh hưởng của các vai trò, đồng thời xác định các yếu tố rào cản ảnh hưởng. Từ đó, đưa ra một số giải pháp nhằm nâng cao vai trò của nhân viên xã hội trong hỗ trợ, giúp đỡ phụ nữ nghèo đơn thân tiếp cận tốt hơn với các dịch vụ xã hội cũng như đáp ứng những thiếu hụt trong cuộc sống, giúp họ tự nỗ lực vươn lên, giải quyết các vấn đề của bản thân và gia đình, hướng tới cải thiện đời sống xã hội.

## **2. Tình hình nghiên cứu**

Giới và nghèo đói luôn là vấn đề nóng và mang tính toàn cầu, bởi mức độ ảnh hưởng đến nhiều mặt của đời sống kinh tế - xã hội, do đó vấn đề này

thu hút được nhiều sự quan tâm của nhiều nhà khoa học, nhà nghiên cứu, các tổ chức xã hội trong và ngoài nước nhằm tìm ra nguyên nhân, giải pháp cũng như mối liên hệ giữa giới và nghèo đói, trong đó các nhà nghiên cứu đặc biệt quan tâm đến nhóm phụ nữ nghèo cùng những cơ hội mà họ xứng đáng được nhận để giảm bớt những khó khăn mà họ đang gặp phải.

### **2.1. Tình hình nghiên cứu trên thế giới**

Trong ấn phẩm “Gender and economic policy management initiative Asia and Pacific: Gender and economic (Sáng kiến quản lý về giới và chính sách kinh tế ở Châu Á - Thái Bình Dương: giới và đói nghèo) UNDP (Tháng 9/2012) tài liệu đã chỉ ra những định nghĩa và thước đo về đói nghèo, đồng thời tìm hiểu sự tương tác về giới ảnh hưởng tới nghèo đói như thế nào, mối quan hệ giữa nghèo đói và cấu trúc gia đình, các chính sách liên quan đến các quá trình nghèo đói trong khuôn khổ tương tác về giới. [48]

Rebecca Lefton (2013), ấn phẩm “Gender equality and women is empowerment are key to addressing global poverty” (Bình đẳng giới và tăng quyền cho phụ nữ là chìa khóa để giảm nghèo toàn cầu), bài viết đã phân tích các rào cản về giới, văn hóa, xã hội và kinh tế vẫn còn ngăn cản phụ nữ tham gia vào phát triển kinh tế - xã hội, điều này gây cản trở các nỗ lực lớn hơn để chống nghèo đói và các đường hướng tiến tới phát triển bền vững. [29]

Christensen, Hanne (1990) với nghiên cứu “The reconstruction of Afghanistan: A chance for Rural Afghan Women” (Geneva: United Nations Institute for Social Development, 1990). Sự cải cách của Afghanistan: Cơ hội cho những phụ nữ Afghanistan và đời sống những người tị nạn Afghan ở Pakistan, vai trò người phụ nữ trong gia đình và xã hội sau đó đưa ra bài học và khuyến nghị cho quyền lợi của phụ nữ nông thôn trong công cuộc xây dựng lại nông thôn. [50]

Cũng đề cập đến vấn đề phụ nữ nghèo nhưng tác giả Allahdadi F. (2011) trong bài viết “Towards rural women’s empowerment and poverty reduction in Iran” lại cung cấp một cách tiếp cận về trao quyền cho phụ nữ nông thôn trong hoạt động giảm nghèo tại Iran. Nghiên cứu này đã khẳng định đóng góp to lớn của phụ nữ trong công cuộc xóa đói giảm nghèo ở nhiều vùng nông thôn tại các nước đang phát triển. Tác giả đã chỉ ra rằng, việc trao quyền cho phụ nữ nông thôn bị giới hạn bởi những rào cản văn hóa, hạn chế họ tiếp cận các dịch vụ giáo dục và y tế. Những đặc điểm văn hóa đã gây ra những hạn chế rất nghiêm trọng đối với sự tự chủ, đi lại, và các loại hình sinh kế sẵn có dành cho phụ nữ. [1]

UNDP (2011), Social services for human development: Viet Nam human development report 2011 (dịch vụ xã hội phục vụ phát triển con người: Báo cáo phát triển con người Việt Nam 2011). Báo cáo đã chỉ ra một số bằng chứng về sự tiến bộ trong phát triển con người của Việt Nam ở cấp địa phương, tập trung đặc biệt vào việc cung ứng dịch vụ sức khỏe và giáo dục. Báo cáo xem xét những thách thức mà nhiều người Việt Nam đang phải đối mặt trong việc tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản. [49]

## **2.2. Tình hình nghiên cứu trong nước**

Tình trạng đói nghèo là một vấn đề xã hội. Ở mỗi Quốc gia khác nhau và ở mỗi thời điểm lịch sử thì nghèo đói có biểu hiện khác nhau. Vì vậy, tình trạng nghèo đói luôn thu hút sự quan tâm của các nhà nghiên cứu trên thế giới. Tuy nhiên, mỗi quốc gia có sự nghiên cứu, mức độ quan tâm và biện pháp riêng nhằm giải quyết vấn đề nghèo đói. Những nghiên cứu đó được thể hiện trong: Báo cáo phát triển Việt Nam (VDR) (2012); Nghèo đói và xóa đói, giảm nghèo ở Việt Nam, Lê Xuân Bá (cùng tập thể tác giả) (2001), “Nghèo - Báo cáo Phát Triển Việt Nam 2004”, “Một số vấn đề giảm nghèo ở các dân tộc thiểu số Việt Nam” năm 2003. [2]

Năm 2010, nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam công bố “Mục tiêu phát triển thiên niên kỷ 2010 - Việt Nam 2/3 chặng đường thực hiện các mục tiêu phát triển thiên niên kỷ, hướng tới năm 2015”. Báo cáo đã đánh giá những thành tựu Việt Nam đạt được trong mục tiêu xóa bỏ tình trạng nghèo cùng cực, thiếu đói. Báo cáo cũng chỉ ra thách thức công cuộc xóa đói giảm nghèo thời gian tới. [17]

Năm 2014, tác giả Bùi Thị Mai Đông - Học viện Phụ nữ Việt Nam đã thực hiện đề tài nghiên cứu “Tâm trạng của phụ nữ đơn thân trong giai đoạn hiện nay”, đề tài đã chỉ ra những yếu tố ảnh hưởng đến tâm trạng tích cực và tiêu cực, từ đó đề xuất giải pháp nhằm tăng cường các yếu tố ảnh hưởng đến tâm trạng tích cực và hạn chế các yếu tố dẫn đến tâm trạng tiêu cực, góp phần cải thiện đời sống tinh thần cho phụ nữ đơn thân. Đề tài cũng nêu ra các chính sách xã hội dành cho phụ nữ làm mẹ đơn thân còn rất ít và còn lỏng lẻo trong các chính sách khác như: Chính sách cho vay vốn đối với hộ nghèo, chính sách miễn, giảm tiền học phí đối với học sinh thuộc hộ nghèo... Chưa có chính sách riêng đối với phụ nữ đơn thân. Việc thực hiện các chính sách này còn bất cập, ảnh hưởng đến tâm trạng của những phụ nữ làm mẹ đơn thân. Chẳng hạn: Bị xóa khỏi danh sách hộ nghèo mặc dù chưa hết nghèo; khi ra khỏi danh sách hộ nghèo thì không được hưởng bất cứ chính sách nào của phụ nữ đơn thân. [3]

Theo Báo cáo đề dẫn hội thảo “Công tác xã hội với phụ nữ và trẻ em: kinh nghiệm của một số quốc gia”, tác giả Trần Quang Tiến: “Tình trạng nghèo đói vẫn đang là vấn đề toàn cầu, trong đó phần đông người nghèo là phụ nữ và trẻ em gái”. Thống kê của Liên Hợp Quốc cho thấy số lượng phụ nữ sống trong nghèo khổ không giảm đi mà tăng thêm nhiều do suy thoái kinh tế, thiên tai, biến đổi khí hậu và chiến tranh ở một số nước khu vực Trung Đông. Ở Việt Nam, tình trạng nghèo đói đã có sự cải thiện đáng kể nhờ nỗ lực



của Chính phủ, các tổ chức quốc tế và trong nước thông qua triển khai các chương trình, dự án xóa đói giảm nghèo, phát triển sản xuất. Mặc dù vậy, phụ nữ, nhất là phụ nữ đơn thân vẫn có tỷ lệ nghèo đói cao hơn. [33]

Cũng nghiên cứu ở khía cạnh chuyên nghiệp hóa các dịch vụ Công tác xã hội (DVCTXH) nhưng tác giả Hà Thị Thu (2016) lại nghiên cứu trên nhóm đối tượng yếu thế. Bài viết “Sự chuyên nghiệp trong dịch vụ công tác xã hội đối với nhóm đối tượng yếu thế” của tác giả một lần nữa khẳng định nhu cầu DVCTXH ở Việt Nam ngày càng cao. Tác giả cũng đã phân tích vai trò của DVCTXH với nhóm đối tượng yếu thế và chỉ ra hai khía cạnh của sự chuyên nghiệp là “con người chuyên nghiệp” và “môi trường chuyên nghiệp”. [32]

Phát biểu tại diễn đàn “Bình đẳng giới giảm nghèo bền vững”, Chủ nhiệm Ủy ban Các vấn đề xã hội Trương Thị Mai ngoài việc điểm lại những thành tích, nỗ lực trong công cuộc xóa đói giảm nghèo cũng như bình đẳng giới cũng đã cho rằng: “Phụ nữ thường phải gánh chịu ảnh hưởng của nghèo đói nhiều hơn nam giới và chính họ là những người nghèo nhất trong số những người nghèo”. [12]

Một số nghiên cứu khác như “Nghiên cứu các mô hình giảm nghèo của các đối tác Quốc tế ở Việt Nam”. Nghiên cứu về “Thực trạng hoạt động hỗ trợ việc làm cho phụ nữ nghèo tại Yên Bái - tiếp cận theo hướng nâng cao năng lực”. Các tác giả: Nguyễn Trung Hải, Nguyễn Thị Liên, Vũ Thị Giang, Nguyễn Tuấn Anh, Võ Thị Cẩm Ly có “Từ những nghiên cứu về phụ nữ đơn thân đến một số vấn đề đặt ra trong nghiên cứu sinh kế của phụ nữ làm mẹ đơn thân”. [6]

Qua các công trình khoa học nghiên cứu về vấn đề giảm nghèo, DVCTXH đều cho thấy các công trình tập trung nghiên cứu một phạm vi rất rộng, đã đề cập và làm sáng rõ một số vấn đề có liên quan đến đối tượng tiếp

cận một số nhóm dịch vụ xã hội nói chung, các giải pháp mang tính chất tương đối chưa thực sự phù hợp với từng địa phương, vùng miền. Chưa có nghiên cứu đi sâu, bóc tách đối tượng, tìm hiểu cụ thể nhóm đối tượng yếu thế là phụ nữ nghèo đơn thân. Đứng trước vấn đề nghèo đói vẫn còn những khó khăn và thách thức và là vấn đề cấp thiết trong quá trình phát triển kinh tế - văn hóa xã hội của đất nước. Hiện nay, hộ nghèo đang có xu hướng thiên về những đối tượng là phụ nữ đơn thân. Như vậy, nghiên cứu về vai trò của nhân viên Công tác xã hội (NVCTXH) trong hỗ trợ phụ nữ nghèo đơn thân tại xã Trung Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình là một vấn đề cần thiết. Đặc biệt, nghiên cứu vai trò của NVCTXH trong hỗ trợ phụ nữ nghèo đơn thân còn hết sức mới mẻ, chưa có nghiên cứu nào trên địa bàn xã Trung Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình để thấy được vai trò quan trọng mà NVCTXH đã và đang đóng góp cho nền an sinh xã hội xã hiện nay, khi mà giá trị nghề nghiệp của NVCTXH vẫn trong giai đoạn đang dần được khẳng định là một nghề mới mẻ đối với Việt Nam nói chung và ở xã Trung Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình nói riêng. Tác giả mạnh dạn nghiên cứu về đề tài và nhóm đối tượng Phụ nữ nghèo đơn thân để phần nào làm rõ hơn những đóng góp, vai trò quan trọng của NVCTXH trong việc giúp đỡ, hỗ trợ phụ nữ nghèo đơn thân tại xã Trung Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình.

Nghiên cứu này sẽ kế thừa chọn lọc các thành tựu hệ thống lý luận nghiên cứu đã được công bố, để từ đó làm sáng tỏ những luận điểm nhận thức cá nhân về vấn đề chưa được quan tâm, đó là vấn đề liên quan đến vai trò tất yếu, cần thiết của nhân viên Công tác xã hội trong hỗ trợ phụ nữ nghèo đơn thân tại xã Trung Sơn, Huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình.

### **3. Mục đích, nhiệm vụ nghiên cứu**

#### **3.1. Mục đích nghiên cứu**

Nghiên cứu lý luận và thực tiễn nhằm đánh giá vai trò của nhân viên Công tác xã hội trong hỗ trợ phụ nữ nghèo đơn thân tại địa bàn xã. Phân tích một số yếu tố ảnh hưởng đến vai trò của NVCTXH. Từ đó đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao vai trò của NVCTXH trong hỗ trợ PNNĐT tại xã Trung Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hoà Bình.

### **3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu**

Hệ thống hóa lý luận vai trò của NVCTXH trong hỗ trợ phụ nữ nghèo đơn thân;

Đánh giá thực trạng vai trò của NVCTXH trong hỗ trợ phụ nữ nghèo đơn thân;

Đánh giá một số yếu tố ảnh hưởng tới vai trò của NVCTXH trong hỗ trợ phụ nữ nghèo đơn thân tại xã Trung Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hoà Bình;

Đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả thực hiện vai trò trong hỗ trợ phụ nữ nghèo đơn thân, hướng tới mục tiêu giảm nghèo bền vững, đảm bảo an sinh xã hội trên địa bàn xã Trung Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hoà Bình.

## **4. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu**

### **4.1. Đối tượng nghiên cứu**

#### ***4.1.1. Đối tượng nghiên cứu***

Vai trò của NVCTXH trong hỗ trợ phụ nữ nghèo đơn thân tại xã Trung Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hoà Bình.

#### ***4.1.2. Khách thể nghiên cứu***

Những người phụ nữ nghèo đơn thân (65 người, độ tuổi từ 18 đến 60 tuổi)

Cán bộ địa phương (03 người)

Các tổ chức xã hội: Các hội (03), chi hội (03)

Đại diện các nguồn lực tại cộng đồng: Người dân (04), công ty, doanh nghiệp (02), Trưởng xóm (02).

#### **4.2. Phạm vi nghiên cứu**

- Phạm vi không gian: xã Trung Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình
- Phạm vi Thời gian: năm 2014 đến năm 2019
- Phạm vi nội dung: Đề tài tập chung nghiên cứu các vai trò của NVCTXH trong hỗ trợ phụ nữ nghèo đơn thân tại xã Trung Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hoà Bình.

Bao gồm các vai trò sau:

- + Vai trò là người vận động nguồn lực
- + Vai trò là người kết nối
- + Vai trò là người tham vấn
- + Vai trò là người giáo dục

### **5. Phương pháp nghiên cứu và phương pháp thu thập thông tin**

#### **5.1. Phương pháp nghiên cứu**

Phương pháp luận là hệ thống lý luận về phương pháp nghiên cứu, phương pháp nhận thức và cải tạo hiện thực, là hệ thống chặt chẽ các quan điểm, nguyên lý chỉ đạo tìm kiếm, xây dựng lựa chọn và vận dụng các phương pháp. Tất cả những nguyên lý nào có tác dụng gợi mở, định hướng, chỉ đạo đều là những lý luận và nguyên lý có nghĩa phương pháp luận.

Phương pháp duy vật lịch sử, khi nghiên cứu đòi hỏi phải đặt đối tượng, cụ thể ở đây là vai trò của NVCTXH trong hỗ trợ phụ nữ nghèo đơn thân trong điều kiện kinh tế, xã hội của địa phương, hoàn cảnh môi trường xã hội, thời gian cụ thể mà các hoạt động được triển khai. Cụ thể là bối cảnh về điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương, thực trạng nghèo, nguồn lực và những khó khăn, tiếp đến là vai trò hiện nay của NVCTXH và các thành phần tham gia trên địa bàn. Phương pháp duy vật lịch sử cũng đòi hỏi khi nghiên

cứu phải nắm vững những quan điểm, chủ trương, đường lối ứng với những thời điểm, giai đoạn cụ thể đề ra những phương hướng, giải pháp phù hợp.

## **5.2. Phương pháp thu thập thông tin**

### **5.2.1. Phương pháp nghiên cứu tài liệu**

Sử dụng các kỹ thuật chuyên môn nhằm thu thập thông tin về đối tượng phụ nữ nghèo đơn thân tại xã Trung Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình, các số liệu, tài liệu từ các báo cáo về lĩnh vực Lao động - Thương binh & Xã hội; Các nguồn tài liệu từ Hội Liên hiệp phụ nữ xã cùng các tổ chức xã hội khác tại địa phương, những thông tin cần thiết phục vụ cho quá trình nghiên cứu.

Mục đích của phương pháp: Thu thập thông tin về cơ sở lý thuyết liên quan đến vai trò của NVCTXH trong hỗ trợ phụ nữ nghèo đơn thân; Những kết quả trước đó đã áp dụng có đóng góp cho sự phát triển Kinh tế - Văn hóa - Xã hội của địa phương; Các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước đã triển khai thực hiện, các chính sách an sinh xã hội mà đối tượng đã được tiếp cận; Các số liệu đã thống kê trong những năm gần đây nhằm đánh giá kết quả thực hiện việc hỗ trợ đối với phụ nữ nghèo đơn thân, những hiệu quả, khó khăn, tồn tại và biện pháp khắc phục khó khăn đã triển khai trên địa bàn xã Trung Sơn. Một số tài liệu được sử dụng để phân tích nghiên cứu trong đề tài này bao gồm:

Các văn bản báo cáo ngành Lao động - Thương binh & Xã hội; Kết quả điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo từ năm 2014 đến năm 2018; Báo cáo công tác thực hiện chương trình công tác Bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của Phụ nữ; Kết quả thực hiện chương trình Phòng, chống Bạo lực gia đình; Báo cáo phát triển kinh tế - xã hội của UBND xã Trung Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình; Báo cáo chương trình giảm nghèo từ năm 2014 đến năm 2018. Những văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến chính sách, các chương

trình giảm nghèo, mô hình trợ giúp người nghèo...; Đề án phát triển nghề công tác xã hội, các chương trình giảm nghèo theo từng giai đoạn.

### ***5.2.2. Phương pháp điều tra bảng hỏi***

NVCTXH Thu thập những thông tin cần thiết phục vụ nghiên cứu đề tài, thông qua việc sử dụng một bảng hỏi soạn sẵn, NVCTXH phát bảng hỏi, hướng dẫn cách trả lời, PNNĐT sẽ tự mình ghi câu trả lời ra phiếu bảng hỏi, NVCTXH thu lại và xử lý số liệu.

Số lượng mẫu nghiên cứu là 65 người PNNĐT độ tuổi từ 18 đến 60 tuổi.

Nội dung yêu cầu của bảng hỏi: Thu thập thông tin cơ bản về hộ phụ nữ nghèo đơn thân; Đặc điểm tâm lý và nhu cầu của phụ nữ nghèo đơn thân; Đánh giá thực trạng một số hoạt động trợ giúp trên địa bàn xã Trung Sơn; Đánh giá vai trò của nhân viên CTXH trong hỗ trợ phụ nữ nghèo đơn thân, các yếu tố ảnh hưởng đến vai trò của NVCTXH; Đưa ra một số giải pháp nâng cao vai trò của NVCTXH đối với phụ nữ nghèo đơn thân.

### ***5.2.3. Phương pháp phỏng vấn sâu***

Đối tượng: Trong nghiên cứu này, tác giả lựa chọn và phỏng vấn sâu 06 phụ nữ nghèo đơn thân tại các xóm, trong đó tập trung vào xóm Lạt, xóm Chũm, xóm Mái là 03 xóm có tỷ lệ phụ nữ nghèo đơn thân cao và có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn; 03 cán bộ, lãnh đạo chính quyền địa phương; 03 cán bộ Hội, 03 chi hội; 02 trưởng xóm; 02 doanh nghiệp; 04 người dân.

Nội dung phỏng vấn sâu:

Chủ tịch, Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân xã (02): Nhằm nắm bắt và đánh giá được việc thực hiện chính sách của Nhà nước, quan điểm, chủ trương và sự quan tâm của chính quyền địa phương đối với PNNĐT trên địa bàn, những chương trình riêng của địa phương, tìm hiểu các nguồn lực, hoạt

động đã thực hiện và những đánh giá về hiệu quả vai trò của NVCTXH trong hoạt động trợ giúp PNNĐT.

Công chức LĐTBXH xã (01): Nhằm nắm bắt và đánh giá được các hoạt động cụ thể đã thực hiện, nắm bắt phương pháp, hình thức, cách thức làm việc, những nguồn lực đã kết nối, những thông tin chung về PNNĐT, đánh giá về hiệu quả vai trò của NVCTXH trong hoạt động trợ giúp PNNĐT.

Chủ tịch Hội Liên hiệp phụ nữ xã (01): Nhằm tìm hiểu những hoạt động phối hợp của Hội đã thực hiện và những nguồn lực trợ giúp từ phía Hội, từ phía Hội thực hiện kết nối trong hỗ trợ PNNĐT.

Chủ tịch Hội Nông dân xã (01): Nhằm tìm hiểu những hoạt động phối hợp, trợ giúp của Hội đã thực hiện và những nguồn lực trợ giúp từ phía Hội, từ phía Hội thực hiện kết nối trong hỗ trợ PNNĐT.

Chủ tịch Mặt trận tổ quốc xã (01): Tìm hiểu những hoạt động trợ giúp, kêu gọi vận động của UBMTTQ đã thực hiện và những nguồn lực trợ giúp từ phía Mặt trận, từ phía Mặt trận thực hiện kết nối trong hỗ trợ PNNĐT.

Phụ nữ nghèo đơn thân (06): Tìm hiểu sâu về hoàn cảnh, đặc điểm tâm lý, những khó khăn mà PNNĐT gặp phải, mong muốn, nhu cầu, đời sống vật chất, tinh thần của PNNĐT, những thuận lợi, khó khăn, điểm mạnh, điểm yếu những nguồn lực đã được kết nối và những đánh giá của PNNĐT về hiệu quả trợ giúp của NVCTXH, các vai trò của NVCTXH trong hỗ trợ phụ nữ nghèo đơn thân cũng như các chương trình, kế hoạch, chính sách đã thực hiện đối với phụ nữ nghèo đơn thân. Phỏng vấn tập chung vào các trường hợp sau:

Phụ nữ nghèo đơn thân đang nuôi con dưới 36 tháng

Phụ nữ nghèo đơn thân đang nuôi con đi học

Phụ nữ nghèo đơn thân nuôi con bị mắc bệnh nặng, sức khỏe yếu

Phụ nữ nghèo đơn thân nuôi con không có việc làm thường xuyên

Phụ nữ nghèo đơn thân có hoàn cảnh khác...

Trưởng xóm (02): Tìm hiểu sự quan tâm, giúp đỡ của lãnh đạo xóm tới PNNĐT, các chính sách riêng của xóm nhằm giúp đỡ PNNĐT.

Đại diện công ty, doanh nghiệp trên địa bàn (02): Tìm hiểu sự quan tâm, giúp đỡ cũng như nguồn lực có thể hỗ trợ PNNĐT tại các đơn vị này.

Người dân trên địa bàn (04): Đánh giá sự quan tâm, giúp đỡ của cộng đồng nhân dân đối với PNNĐT, đánh giá việc thực hiện chính sách đối với PNNĐT của chính quyền địa phương cấp xã và xóm.

#### ***5.2.4. Phương pháp thảo luận nhóm***

Nhằm thu thập dữ liệu phổ biến nhất trong các dự án nghiên cứu định tính. Việc thu thập dữ liệu được thực hiện qua hình thức thảo luận giữa các đối tượng nghiên cứu với nhau dưới sự hướng dẫn của nhà nghiên cứu.

Đối tượng: Chia làm 02 nhóm thảo luận:

Nhóm 01 (Nhóm NVCTXH- CTVCTXH) gồm 07 người (01 NVCTXH và 06 CTVCTXH là cán bộ chi hội phụ nữ của 06 xóm trên địa bàn xã)

Nhóm 02 (Nhóm cán bộ địa phương) gồm 10 người gồm: 01 Trưởng ban chỉ đạo giảm nghèo bền vững xã Trung Sơn; 01 công chức Lao động - Thương binh & Xã hội; 01 Chủ tịch Hội LHPN xã; 06 Chi hội trưởng chi hội phụ nữ 06 xóm; 01 chuyên viên huyện phụ trách công tác giảm nghèo của xã.

Nội dung thảo luận: đánh giá thực trạng vai trò của NVCTXH; Vai trò và trách nhiệm của các thành phần tham gia; Các nguồn lực; Các yếu tố ảnh hưởng; Các khó khăn cần khắc phục, sự phối hợp trong nâng cao vai trò của NVCTXH trong hỗ trợ phụ nữ nghèo đơn thân; Đề xuất các chính sách và các giải pháp hỗ trợ.

Mục tiêu: Hiểu được các biện pháp thu thập số liệu định tính cơ bản; Xây dựng được công cụ phù hợp cho đề cương nghiên cứu định tính.

Hướng dẫn thảo luận nhóm:

Các nhóm gồm từ 6 đến 8 người có những đặc điểm tương tự nhau;



Tập hợp để thảo luận về một mối quan tâm được chú trọng hàng đầu;  
 Có một người hướng dẫn thảo luận;  
 Có một người ghi chép (thư ký) lại những khía cạnh không thể hiện bằng lời nói;  
 Các thành viên phát biểu và trao đổi ý kiến;  
 Băng ghi âm được phối hợp cùng các ghi chép này và được gỡ băng để phân tích.

Mục đích: Thu được các thông tin mang ý nghĩa khám phá về các khái niệm, nhận thức, niềm tin để sử dụng xác định trọng tâm nghiên cứu và xây dựng các giả thuyết nghiên cứu; Xây dựng câu hỏi thích hợp cho các điều tra lớn; Cung cấp thông tin ban đầu, bản chất của một vấn đề, hiện tượng; Làm sáng tỏ chủ đề đang được tranh luận, kiểm tra chéo thông tin; Xây dựng các nội dung cho chương trình can thiệp.

#### **5.2.5. Phương pháp quan sát**

Sử dụng phương pháp quan sát để khái quát lại hoàn cảnh và các mối quan hệ của PNNĐT một chính xác và khách quan. Bằng phương pháp quan sát, xác nhận được các thông tin về những người PNNĐT, từ đó kết nối họ và gia đình với các nguồn lực hỗ trợ.

Thực hiện quan sát về đời sống của những người PNNĐT 2 lần/ tuần và địa điểm quan sát là ở khu vực lao động sản xuất, nơi sinh hoạt và nhà của PNNĐT. Ngoài ra quan sát có thể được thực hiện ngay trong những lần phỏng vấn hoặc tiếp cận trực tiếp với PNNĐT.

Đối tượng quan sát: Quan sát PNNĐT được tiếp cận với NVCTXH như thế nào? Quan sát đặc điểm thể chất, trạng thái tâm lý, môi trường và điều kiện sống, sinh hoạt hàng ngày của họ như: nhà ở, điện, nước...các đồ dùng thiết yếu trong gia đình, bữa ăn.

Quan sát quá trình làm việc của NVCTXH, cộng tác viên, cán bộ chính quyền địa phương, những người tham gia trong quá trình can thiệp, trợ giúp, hỗ trợ PNNĐT.

## **6. Những đóng góp mới của luận văn**

### **6.1. Ý nghĩa khoa học của đề tài**

Đề tài góp phần phân tích và làm rõ hơn về việc áp dụng các lý thuyết, phương pháp của ngành Công tác xã hội vào thực hành và hiệu quả của những lý thuyết đó trong việc trợ giúp cho đối tượng đặc thù hoặc một nhóm yếu thế trong cộng đồng.

Đề tài giúp có cái nhìn tổng hợp, khách quan và toàn diện về những vấn đề khó khăn, những nhu cầu của PNNĐT; Mở ra hướng tiếp cận mới trong hoạt động trợ giúp dưới góc độ Công tác xã hội, gợi mở những đề tài nghiên cứu tiếp theo với quy mô lớn và sâu hơn.

Bổ sung những trải nghiệm từ thực tế làm phong phú thêm kho tàng kiến thức lý thuyết Công tác xã hội trong lĩnh vực này.

### **6.2. Ý nghĩa thực tiễn của đề tài**

Chỉ ra và đánh giá được thực trạng đời sống của những người PNNĐT thông qua tìm hiểu những thông tin chung, khó khăn, nhu cầu của PNNĐT tại xã Trung Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình.

Chỉ ra và đánh giá được thực trạng vai trò của NVCTXH trong hỗ trợ PNNĐT tại xã Trung Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình.

Những chương trình, chính sách đã được thực hiện đối với nhóm PNNĐT và hiệu quả thực hiện vai trò của NVCTXH mang lại.

Những yếu tố ảnh hưởng tới vai trò của NVCTXH trong hỗ trợ PNNĐT tại địa phương này.

Qua đó đưa ra một số giải pháp nâng cao hiệu quả hỗ trợ đối với nhóm PNNĐT và phát triển hơn nữa vai trò của NVCTXH trong việc hỗ trợ cho PNNĐT tại xã Trung Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình.

## **7. Kết cấu của đề tài**

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo và phụ lục, luận văn gồm 3 chương:

Chương 1: Những vấn đề lý luận về vai trò của nhân viên Công tác xã hội trong hỗ trợ phụ nữ nghèo đơn thân.

Chương 2: Thực trạng vai trò của nhân viên Công tác xã hội trong hỗ trợ phụ nữ nghèo đơn thân tại xã Trung Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình.

Chương 3: Một số giải pháp nâng cao vai trò của nhân viên Công tác xã hội trong hỗ trợ phụ nữ nghèo đơn thân tại xã Trung Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình.

## CHƯƠNG 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ VAI TRÒ CỦA NHÂN VIÊN CÔNG TÁC XÃ HỘI TRONG HỖ TRỢ PHỤ NỮ NGHÈO ĐƠN THÂN

### 1.1. Một số khái niệm liên quan

#### 1.1.1. Khái niệm Công tác xã hội

Theo Hiệp hội nhân viên CTXH quốc tế và các trường đào tạo CTXH quốc tế (2011): “Công tác xã hội là nghề nghiệp tham gia vào giải quyết vấn đề liên quan tới mối quan hệ của con người và thúc đẩy sự thay đổi xã hội, tăng cường sự trao quyền, giải phóng quyền lực nhằm nâng cao chất lượng sống của con người. CTXH sử dụng các học thuyết về hành vi con người và lý luận về hệ thống xã hội vào can thiệp sự tương tác của con người với môi trường sống”. [8]

Theo từ điển Bách khoa ngành CTXH: “Công tác xã hội là một ngành khoa học xã hội ứng dụng nhằm giúp con người thực hiện chức năng tâm lý xã hội của mình có hiệu quả và tạo ra những thay đổi trong xã hội để đem lại sự an sinh cao nhất cho con người”, là “một nghệ thuật, một khoa học, một nghề giúp người dân giải quyết vấn đề từ cấp độ cá nhân, gia đình, nhóm, cộng đồng”. [35]

Trong đề tài nghiên cứu sử dụng khái niệm Công tác xã hội của tác giả Bùi Thị Xuân Mai: “*Công tác xã hội là một nghề, một hoạt động chuyên nghiệp nhằm trợ giúp các cá nhân, gia đình và cộng đồng nâng cao năng lực đáp ứng nhu cầu và tăng cường chức năng xã hội, đồng thời thúc đẩy môi trường xã hội về chính sách, nguồn lực và dịch vụ nhằm giúp cá nhân, gia đình và cộng đồng giải quyết và phòng ngừa các vấn đề xã hội góp phần đảm bảo an sinh xã hội*”. [11]

### **1.1.2. Khái niệm nhân viên Công tác xã hội**

Nhân viên Công tác xã hội (social worker) được Hiệp hội các nhà công tác xã hội chuyên nghiệp Quốc tế - IASW định nghĩa: “Nhân viên xã hội là người được đào tạo và trang bị các kiến thức và kỹ năng trong công tác xã hội, họ có nhiệm vụ: trợ giúp các đối tượng nâng cao khả năng giải quyết và đối phó với vấn đề trong cuộc sống; Tạo cơ hội để các đối tượng được tiếp cận được nguồn lực cần thiết; Thúc đẩy sự tương tác giữa các cá nhân, giữa cá nhân với môi trường tạo ảnh hưởng tới chính sách xã hội, các cơ quan, tổ chức vì lợi ích của cá nhân, gia đình, nhóm và cộng đồng thông qua hoạt động nghiên cứu và hoạt động thực tiễn”. [8]

### **1.1.3. Khái niệm nghèo**

Theo Tổ chức Liên hiệp quốc (2008): “Nghèo là thiếu năng lực tối thiểu để tham gia hiệu quả vào các hoạt động xã hội. Nghèo có nghĩa là không có đủ ăn, đủ mặc, không được đi học, không được khám chữa bệnh, không có đất đai để trồng trọt hoặc không có nghề nghiệp để nuôi sống bản thân, không được tiếp cận tín dụng. Nghèo cũng có nghĩa là không an toàn, không có quyền và bị loại trừ, dễ bị bạo hành, phải sống trong các điều kiện rủi ro, không tiếp cận được nước sạch và công trình vệ sinh”. [14]

Theo từ điển bách khoa toàn thư: Nghèo được mô tả là “Sự thiếu cơ hội để có thể sống một cuộc sống tương ứng với các tiêu chuẩn tối thiểu nhất định. Thước đo các tiêu chuẩn này và các nguyên nhân dẫn đến nghèo nàn thay đổi tùy theo địa phương và theo thời gian”. [7]

Hiện nay, Việt Nam đang áp dụng chuẩn nghèo theo Quyết định số 59/2015/QĐ-TTg ngày 19 tháng 11 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016-2020. Theo đó, đưa ra các tiêu chí tiếp cận đo lường nghèo đa chiều là tiêu chí về thu nhập và tiêu chí về thiếu hụt tiếp cận dịch vụ xã hội cơ bản; Đánh giá

chuẩn hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ có mức sống trung bình dựa theo mức thu nhập bình quân đầu người theo hai khu vực nông thôn và thành thị. [22]

#### **1.1.4. Khái niệm phụ nữ nghèo**

*Khái niệm phụ nữ:*

Theo Bách khoa toàn thư: Phụ nữ hay đàn bà là từ chỉ giống cái của loài người. Phụ nữ thường được dùng để chỉ một người trưởng thành, còn con gái thường được dùng chỉ đến trẻ em gái nhỏ hay mới lớn. Bên cạnh đó từ phụ nữ, đôi khi dùng để chỉ đến một con người giống cái, bất kể tuổi tác, như là trong nhóm từ “quyền phụ nữ”. [7]

Nghiên cứu sử dụng khái niệm: “*Phụ nữ là chỉ một, một nhóm hay tất cả nữ giới đã trưởng thành hoặc được cho là đã trưởng thành về mặt xã hội*”.

*Khái niệm phụ nữ nghèo:*

Theo tổ chức Escap, tại hội nghị chống đói nghèo năm 1993 đưa ra cách hiểu: “Phụ nữ nghèo là những người chỉ có điều kiện thỏa mãn một phần nhu cầu tối thiểu cơ bản của cuộc sống và có mức thu nhập thấp hơn mức sống trung bình của cộng đồng xét trên mọi phương diện”. [4]

Khái niệm phụ nữ nghèo sử dụng trong nghiên cứu này là: “*Những phụ nữ có mức sống thấp hơn mức sống trung bình của cộng đồng dân cư, không được thụ hưởng những nhu cầu cơ bản ở mức tối thiểu dành cho con người và thiếu cơ hội lựa chọn, tham gia vào quá trình phát triển của cộng đồng*”.

#### **1.1.5. Khái niệm phụ nữ nghèo đơn thân**

*Phụ nữ đơn thân:*

Trong tác phẩm: “*Gia đình phụ nữ thiếu vắng chồng*”, 1996, của Trung tâm nghiên cứu Khoa học về gia đình và Phụ nữ, tác giả Lê Thi đề cập tới khái niệm “phụ nữ cô đơn” là “*những phụ nữ có thể chưa lấy chồng hay không muốn lấy chồng, sống một mình hay sống với gia đình họ hàng. Họ có thể có con (hay con nuôi) hay không có con*”. [30]

Trong bài viết: “*Cuộc sống của những người phụ nữ đơn thân giữa xã hội Việt Nam hiện đại*” tác giả Phạm Thị Thu, khoa Tiếng Việt, trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, Đại học quốc gia Hà Nội có viết: “*Phụ nữ đơn thân là phụ nữ thiếu vắng chồng hoặc có chồng nhưng không sống chung cùng chồng*”. [31]

Khái niệm phụ nữ đơn thân nghiên cứu sử dụng là: “*Những người phụ nữ chưa lấy chồng hoặc không muốn lấy chồng, những người phụ nữ góa bụa, ly hôn, ly thân hoặc bị chồng ruồng bỏ. Họ có thể có con, hay có con nuôi, hoặc không có con. Họ có thể sống một mình hay sống cùng con cái, gia đình, họ hàng*”.

*Phụ nữ nghèo đơn thân:*

Nói về phụ nữ nghèo đơn thân, trong luận văn thạc sĩ “*Công tác xã hội cá nhân với phụ nữ nghèo đơn thân tại xã Nghĩa Thái, huyện Tân Kỳ, tỉnh Nghệ An*”, tác giả Vũ Thị Phương Hảo có mô tả: “*Phụ nữ nghèo đơn thân là những người nghèo có học vấn thấp, nuôi con một mình, có hoặc không có việc làm ổn định, gặp rất nhiều khó khăn trong cuộc sống và sinh hoạt*”. [5]

Trong nghiên cứu này sử dụng khái niệm phụ nữ nghèo đơn thân là: “*Những phụ nữ mang hai đặc tính: nghèo và đơn thân. Đó là những phụ nữ không có chồng hoặc chồng chết, hoặc bỏ chồng, không sống chung với chồng, nuôi con một mình; Có mức sống thấp hơn mức sống trung bình của cộng đồng dân cư, không được thụ hưởng những nhu cầu cơ bản ở mức tối thiểu dành cho con người và thiếu cơ hội lựa chọn tham gia vào quá trình phát triển của cộng đồng*”.

### **1.1.6. Đặc điểm tâm lý của phụ nữ nghèo đơn thân**

#### **1.1.6.1. Đặc điểm tâm lý**

Hiện nay, có thể thấy rằng rất nhiều những người phụ nữ đơn thân tự lập, tự chủ tài chính, có địa vị xã hội, họ là những doanh nhân thành đạt và có

nhiều đóng góp to lớn cho cộng đồng. Họ tích cực tham gia các hoạt động thiện nguyện trong xã hội, họ có đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng con cái và tạo điều kiện tốt nhất sự phát triển của con cái. Những người phụ nữ đơn thân này rất tự tin, mạnh mẽ, độc lập, quyết đoán, ở họ có sự thành công nhất định cả trong công việc lẫn cuộc sống cá nhân. Dù họ chủ động lựa chọn cho mình cuộc sống đơn thân nhưng đôi khi những người phụ nữ đơn thân thành công vẫn phải đối diện với sự cô đơn. Tuy vậy, những phụ nữ đơn thân như trên không quá nhiều, họ thường sống ở những thành phố lớn, còn lại chiếm tỷ lệ thấp ở các khu vực nông thôn.

Nghiên cứu này tập chung đi sâu vào tìm hiểu, khai thác đặc điểm của phần lớn những phụ nữ đơn thân thuộc hộ nghèo tại vùng nông thôn, họ là những phụ nữ còn gặp nhiều vấn đề, khó khăn trong cuộc sống.

Họ thiếu hụt tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản: kiến thức về làm ăn kinh tế, nuôi dạy con cái, nghề nghiệp chủ yếu là làm nông nghiệp, thu nhập bấp bênh, phụ thuộc vào thời tiết, thiên tai... Tất cả những điều đó khiến cho phụ nữ nghèo đơn thân bị xung đột vai trò, những vai trò trách nhiệm đan xen chồng chéo không giải quyết được khiến tâm lý nặng nề, cáu gắt, lo âu...và dẫn đến khủng hoảng vai trò.

Từ những đặc điểm và hoàn cảnh nêu trên một số phụ nữ nghèo đơn thân có nhận thức tốt, bản lĩnh và sự hỗ trợ, động viên của gia đình, người thân sẽ cố gắng lao động sản xuất, biết nhờ sự tương tác hỗ trợ từ chính những người phụ nữ có hoàn cảnh giống họ, vận động anh em, họ hàng thân thiết, các cơ quan, đơn vị, tổ chức xã hội để tạo điều kiện tham gia phát triển kinh tế gia đình. Đây có thể coi là động lực để họ cố gắng vươn lên thoát nghèo, chăm sóc, nuôi dạy con cái trưởng thành. Nhưng cũng có không ít những người phụ nữ thể hiện sự buông xuôi, cam chịu, thiếu nghị lực và động lực, họ chấp nhận hoàn cảnh thực tại như một lẽ đương nhiên. Theo quan sát,



khi phụ nữ nghèo đơn thân tham gia vào buổi sinh hoạt do chi hội Phụ nữ xóm tổ chức định kỳ hàng tháng, họ có mặt rất đúng giờ, tuy nhiên khi được mời tham gia vào các hoạt động thảo luận của nhóm lại không mạnh dạn và rụt rè, thiếu tự ti khi nói lên chính suy nghĩ của bản thân. Tâm lý e ngại, tự ti khiến cho PNNĐT thu mình lại trước tập thể và khi tiếp xúc với người lạ. Đây vô tình trở thành rào cản đối với PNNĐT, các mối quan hệ của họ bị thu hẹp lại, việc họ được ảnh hưởng tích cực từ những người xung quanh bị hạn chế đi rất nhiều.

Việc chủ động tìm kiếm sự giúp đỡ của chị em phụ nữ nghèo đơn thân có nhưng hầu như rất ít, họ chủ động giải quyết công việc theo ý kiến của mình. Có số ít tìm kiếm sự giúp đỡ của những người có uy tín trong xóm, khu dân cư nhưng hầu như cũng không tìm được lời giải thích rõ ràng, bởi người mà họ tìm kiếm trợ giúp cũng thuộc hoàn cảnh như họ và họ không đưa ra được lời khuyên cũng như chính kiến cho người khác. Còn đối với những người có uy tín thì họ hay đưa ra những tư vấn, lời khuyên kinh nghiệm từ chính bản thân họ. Những điều này phần nào giúp cho PNNĐT giải quyết được phần ngọn của sự việc nhưng không giải quyết được những vấn đề cốt lõi, nguyên nhân gốc rễ của vấn đề mà họ đang gặp phải.

Những người khỏe mạnh thì tinh thần cũng khỏe mạnh, thể chất và tinh thần của một người có sự tác động qua lại lẫn nhau. Nhà danh y lớn của Việt Nam thế kỷ 18 - Hải Thượng Lãn Ông Lê Hữu Trác đã viết trong cuốn sách “Nội kim yếu” đã chỉ rằng: *“Thể chất và tinh thần luôn luôn khang kiện, mà tận hưởng hết tuổi thọ, ngoài trăm tuổi mới có thể chết”*. Tư tưởng đó của ông thể hiện cách xem xét sức khỏe của con người trong mối quan hệ hữu cơ giữa thể chất và tinh thần. Cơ thể khỏe mạnh thì tinh thần mạnh mẽ. Cả thể chất và tinh thần khỏe mạnh thì tuổi thọ của con người cũng sẽ dài lâu. Phụ nữ nghèo đơn thân có hoàn cảnh éo le, tâm trạng mang nhiều yếu tố tiêu cực,

lại khó khăn về kinh tế, nhà cửa không đảm bảo, không có thu nhập hoặc thu nhập thấp, nhiều người phải bươn trải kiếm sống từng ngày, ít có điều kiện được khám chữa bệnh nên đa số họ ít quan tâm đến sức khỏe của bản thân [34]. Một số còn có tâm lý, ốm nhẹ thì sẽ tự khỏi khi bị ốm nặng mới chịu uống thuốc, có những người bị ốm vẫn không chịu nghỉ làm, chỉ đến khi bị ngất khi đang làm việc mới được đưa đến trạm y tế xã để chuyển nước. Sức khỏe của họ dễ bị hao mòn do làm việc cật lực, suy nhược do quá sức.

Trong Báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu đề tài: *“Tâm trạng của phụ nữ làm mẹ đơn thân trong giai đoạn hiện nay”* của tác giả Bùi Thị Mai Đông, có nêu: “Không chỉ là những khó khăn về vật chất và tinh thần, những người mẹ đơn thân còn gặp không ít khó khăn trong vấn đề sức khỏe. Hầu hết các bà mẹ đơn thân hiện nay trên thế giới đều gặp vấn đề về sức khỏe, từ những bệnh nhỏ nhất, vật vãnh nhất đến những bện nan y khó chữa. Có trăm ngàn lý do dẫn đến những khó khăn này, nhưng ở các nước hiện đại, phụ nữ làm mẹ đơn thân chịu ảnh hưởng nhiều của tâm lý mà gây nên bệnh. Khi không có một gia đình hoàn hảo, họ phải “gồng” mình để gánh vác gia đình, chăm lo cho con cái như một người đàn ông trụ cột, nhưng họ cũng phải mềm mỏng, dịu dàng như một người mẹ; bên cạnh đó là những áp lực về công việc và tài chính. Chính vì thế, các bà mẹ đơn thân phải chịu sức “nặng” tâm lý gấp ba bốn lần người bình thường”. [3]

*Các mối quan hệ xã hội:*

Hệ thống các mối quan hệ xã hội của PNNĐT bị thu hẹp là do tâm lý mặc cảm, tự ti nên ngại tiếp xúc, giao tiếp với bên ngoài. Đa số là giao tiếp với người thân trong gia đình hoặc một vài người bạn thân quen từ trước, họ ít đi đây đó để gặp gỡ bạn bè, giao lưu, ít tham gia các hoạt động tập thể như hội họp...chính vì vậy mà các mối quan hệ của họ cũng rất hạn chế.. Mặt khác, do ảnh hưởng của nền văn hóa phong kiến, phụ nữ nghèo đơn thân

không được xã hội, cộng đồng coi trọng. Một số địa phương còn có những định kiến với phụ nữ bỏ chồng hoặc bị chồng bỏ, phụ nữ không lấy chồng mà có con...vì thế tiếng nói của những phụ nữ này ít có trọng lượng do ít được lắng nghe...Tất cả những điều này đã làm giảm cơ hội được quan tâm, chia sẻ, được hỗ trợ, giúp đỡ từ những người khác của phụ nữ nghèo đơn thân.

Tóm lại, ngoài những đặc điểm cá nhân và một số nét tiêu biểu tích cực như: chịu thương, chịu khó, yêu thương con cái, lo lắng chu toàn cho gia đình thì đặc trưng cho tình trạng nghèo đơn thân của họ vẫn là tâm lý mặc cảm, tự ti, cam chịu, rất khó khăn về kinh tế; việc làm không ổn định, thu nhập bấp bênh... Họ rất cần được sự hỗ trợ từ phía cộng đồng và xã hội để thoát nghèo.

Tuy rằng, phụ nữ nghèo đơn thân thường có những đặc điểm về tâm lý tiêu cực nhưng trong số họ đều ẩn chứa nghị lực sống mạnh mẽ, có ý chí và mong muốn vươn lên. Bản thân họ có những thế mạnh riêng, có những kinh nghiệm, trải nghiệm sống quý báu mà không phải ai cũng có được. Nhân viên công tác xã hội chính là người sẽ dùng kỹ năng tham vấn giúp đỡ họ tự nhận xét, đánh giá, khám phá ra cảm xúc của chính mình, từ đó giúp họ thay đổi suy nghĩ, cảm xúc, nhận thức của bản thân để tự tìm ra các giải pháp cho vấn đề, hỗ trợ họ nhận thức được tiềm năng, nguồn lực, kế hoạch cá nhân giúp họ phát huy năng lực, vươn lên trong cuộc sống.

#### *1.1.6.2. Những khó khăn của phụ nữ nghèo đơn thân*

*Khó khăn về việc làm, thu nhập:* Đa số PNNĐT không có nghề nghiệp ổn định, chủ yếu là thu nhập thấp, lao động chân tay. Nhiều người làm thuê, không công việc ổn định, làm nghề thủ công, mây tre đan, thu nhập hàng tháng thấp, bấp bênh, không đủ trang trải cho sinh hoạt hằng ngày.

*Khó khăn về nơi ở:* Hầu hết PNNĐT có nhà cửa bán kiên cố, xuống cấp hoặc có nhà nhưng vật liệu chính thường lâu đời, cũ kỹ, tường không được chắc chắn và mái dột.

*Khó khăn về sức khỏe thể chất, tinh thần:* PNNĐT ít chăm sóc sức khỏe y tế, bởi vậy có nhiều bệnh mãn tính. Sức khỏe tinh thần bị ảnh hưởng từ những khó khăn do hoàn cảnh bản thân. Sự kỳ thị và phân biệt đối xử của cộng đồng, xã hội vẫn còn những định kiến luôn coi thường những người không có chồng, không chồng mà chữa, chữa hoang... nên làm cho PNNĐT luôn có tâm lý mặc cảm tự ti, tội lỗi.

*Thiếu thốn tình cảm:* PNNĐT thường sống một mình hoặc sống cùng cha mẹ, con cái, tuy nhiên họ thiếu một chỗ dựa vững chắc là bờ vai của người chồng, họ không có người để tâm sự, chia sẻ niềm vui nỗi buồn cũng như những gánh nặng trong cuộc đời mà họ gặp phải.

*Khó khăn trong tham gia các hoạt động xã hội:* PNNĐT ít có điều kiện tham gia các hoạt động xã hội khi thời gian chủ yếu của họ là làm việc kiếm tiền. Bên cạnh đó, tâm lý lo sợ, không tự tin khiến họ ngại giao tiếp, không mạnh dạn tham gia vào các hoạt động tập thể và nếu có tham gia thì họ cũng tham lầy lẹ và không có chính kiến và ý kiến riêng của mình.

*Một số hình ảnh về đời sống của hộ phụ nữ nghèo đơn thân*



*Hộ chị B.T.H –PNNĐT, xóm Lạt, xã Trung Sơn*



Hộ chị N.T.D – PNNĐT, xóm Lộc Môn, xã Trung Sơn

### *1.1.6.3. Nhu cầu cơ bản của phụ nữ nghèo đơn thân*

Đặc trưng của phụ nữ nghèo đơn thân là khó khăn về kinh tế, việc làm không ổn định, thu nhập bấp bênh, vì vậy, nhu cầu cơ bản nhất của họ là được hỗ trợ để có công ăn việc làm; Được vay vốn sản xuất, kinh doanh, mang lại thu nhập ổn định để lo cho con cái, để cải thiện cuộc sống vật chất; Ngoài ra nhu cầu được động viên, chia sẻ về tinh thần, tâm lý giúp họ vượt qua sự mặc cảm, tự ti, hòa đồng cùng bà con làng xóm để được cảm thông, tôn trọng, sau đó mới đến các nhu cầu khác như chăm sóc sức khỏe, nhà ở, giáo dục con cái... Hơn ai hết, PNNĐT luôn muốn hòa nhập cộng đồng, không bị tách rời cộng đồng, muốn tham gia các hoạt động xã hội như những người phụ nữ khác.

## **1.2. Lý luận về vai trò của Nhân viên Công tác xã hội trong hỗ trợ phụ nữ nghèo đơn thân**

### *1.2.1. Khái niệm Công tác xã hội trong hỗ trợ phụ nữ nghèo đơn thân*

Hiện nay, công tác xã hội trên thế giới chủ yếu hướng đến các đối tượng yếu thế trong xã hội như: người nghèo, người cao tuổi, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, người nhiễm HIV/AIDS, mại dâm... một nhóm đối tượng quan trọng của công tác xã hội đó là phụ nữ nghèo nói chung và phụ nữ

nghèo đơn thân nói riêng, đây là nhóm đối tượng chiếm phần lớn trong các hộ nghèo, là nhóm cần nhận được sự trợ giúp của công tác xã hội. Với đối tượng này công tác xã hội không chỉ can thiệp giải quyết các vấn đề cá nhân do những hạn chế về sức khỏe thể chất, sức khỏe tinh thần mà còn có thể cung cấp, kết nối họ tiếp cận các nguồn lực nhằm giải quyết những vấn đề khó khăn trong cuộc sống. Những trợ giúp của nhân viên công tác xã hội được thực hiện bằng các phương pháp chuyên môn như công tác xã hội cá nhân, công tác xã hội nhóm hay phát triển cộng đồng cùng với việc sử dụng các kỹ năng chuyên môn như: kỹ năng lắng nghe, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng tham vấn, kỹ năng quan sát, kỹ năng đánh giá vấn đề, kỹ năng biện hộ, kỹ năng kết nối, kỹ năng thu thập thông tin ... và tổng hợp dữ liệu.

Trong nghiên cứu này vận dụng cách hiểu chung nhất về công tác xã hội đối với phụ nữ nghèo đơn thân như sau: *“Công tác xã hội với phụ nữ nghèo đơn thân là hoạt động trợ giúp chuyên nghiệp của NVCTXH đối với cá nhân phụ nữ nghèo đơn thân nhằm thay đổi cảm xúc tâm lý, thay đổi nhận thức, nâng cao năng lực và chức năng xã hội cho phụ nữ nghèo đơn thân, đồng thời thúc đẩy các chính sách liên quan đến nghèo đói, huy động nguồn lực, dịch vụ nhằm giúp phụ nữ nghèo đơn thân giải quyết vấn đề nghèo đói và đảm bảo an sinh xã hội cho họ”*.

### **1.2.2. Khái niệm và mục đích, vai trò của nhân viên Công tác xã hội trong hỗ trợ phụ nữ nghèo đơn thân**

*Khái niệm vai trò:*

“Vai trò thường là tính từ chỉ tính chất của sự vật, sự việc hiện tượng, dùng để nói về vị trí chức năng, nhiệm vụ, mục đích của sự vật, sự việc, hiện tượng trong một hoàn cảnh, bối cảnh và mối quan hệ nào đó. Là sự kết hợp của khuôn mẫu tác phong bên ngoài (hoạt động) và tác phong tinh thần bên trong (suy nghĩ). Tuy nhiên, không phải lúc nào, ở vai trò xã hội đương

nhiệm, các cá nhân phải thực hiện các hoạt động một cách cứng nhắc, độc đoán; mà có thể co giãn, linh động các hoạt động khác nhau, do nó chịu ảnh hưởng, tác động của phía chủ thể và nhận thức của chủ thể về vai trò đó”.[7]

*Khái niệm vai trò của nhân viên Công tác xã hội trong hỗ trợ phụ nữ nghèo đơn thân:*

*“Vai trò của nhân viên công tác xã hội trong hỗ trợ phụ nữ nghèo đơn thân là những đòi hỏi của nghề nghiệp CTXH đặt ra với nhân viên công tác xã hội. Những đòi hỏi này được xác định căn cứ vào các chuẩn mực xã hội và quy định nghề nghiệp công tác xã hội. Những vai trò chỉ ra cụ thể cách thức nhằm đạt được mục tiêu mà nhân viên công tác xã hội sẽ trợ giúp cho phụ nữ nghèo đơn thân thực hiện và hoàn thành được kế hoạch, nhiệm vụ của bản thân đưa ra, đồng thời chỉ ra những nội dung hoạt động cần thiết đòi hỏi phải có trong một bối cảnh hoặc tình huống cho sẵn”.*

Phụ thuộc vào đặc điểm tâm lý, nhu cầu, tính cấp thiết và những khó khăn thực tế của PNNĐT mà NVCTXH vận dụng các vai trò phù hợp nhằm đạt được hiệu quả trợ giúp cao nhất.

*Mục đích vai trò của nhân viên Công tác xã hội trong hỗ trợ phụ nữ nghèo đơn thân:*

Thực hiện vai trò của nhân viên CTXH có ảnh hưởng và tầm quan trọng trong hỗ trợ phụ nữ nghèo đơn thân. *“Mục đích vai trò của NVCTXH là sự thể hiện các vai trò được quy định trong nghề nghiệp CTXH nhằm giúp đỡ phụ nữ nghèo đơn thân nhận biết được vấn đề, nâng cao năng lực để thoát nghèo bền vững, giúp họ đối mặt với những rủi ro về bệnh tật, thất học, thiếu việc làm, thiếu vốn...”*. Bên cạnh đó, mục đích khi sử dụng vai trò của mình, NVCTXH còn: *“Thúc đẩy các điều kiện xã hội để phụ nữ nghèo đơn thân được tiếp cận các chính sách, nguồn lực xã hội, đáp ứng các nhu cầu cơ bản. Qua đó nhằm nâng cao năng lực, chức năng xã hội của phụ nữ nghèo đơn*

*thân; Phát triển và cải thiện chính sách, thúc đẩy các chính sách liên quan tới giảm nghèo bền vững; Huy động các nguồn lực, dịch vụ nhằm giúp đỡ họ giải quyết vấn đề nghèo đói và hướng tới giảm nghèo bền vững, đảm bảo an sinh xã hội”.*

Kết nối, phân phối các vai trò của NVCTXH trong hỗ trợ tương ứng cho phụ nữ nghèo đơn thân cũng như các thành viên trong hộ phù hợp với tình hình thực tế và các hoạt động trợ giúp xã hội khác phù hợp với nhu cầu của từng đối tượng nhằm giúp họ sử dụng các nguồn lực hỗ trợ này một cách có hiệu quả.

Mục đích về vai trò của NVCTXH nhằm cung cấp các dịch vụ hỗ trợ phụ nữ nghèo đơn thân và gia đình nhận thức được vấn đề của mình, đánh giá nhu cầu và tìm kiếm, khai thác tiềm năng nội lực kết hợp với các chương trình, chính sách, dự án bên ngoài thực hiện sinh kế bền vững cho bản thân và gia đình.

Cung cấp dịch vụ nhằm nâng cao nhận thức và giáo dục huấn luyện có thể tham gia vào các khóa tập huấn, hướng dẫn cán bộ địa phương biết phương thức giao tiếp, đánh giá nhu cầu, hiểu người dân nghèo cần gì, là nhiệm vụ kết nối người dân nghèo với cán bộ chính quyền địa phương, những người làm công tác giảm nghèo bền vững.

### ***1.2.3. Một số vai trò của nhân viên Công tác xã hội trong hỗ trợ phụ nữ nghèo đơn thân***

#### ***1.2.3.1. Vai trò là người vận động nguồn lực***

Là hoạt động mà NVCTXH là người trợ giúp phụ nữ nghèo đơn thân vận động các nguồn lực cộng đồng để giải quyết vấn đề, các mục tiêu đã đề ra của PNNĐT. Nguồn lực cộng đồng được xem như những gì đóng góp vào sự phát triển của cộng đồng bao gồm: Nguồn nhân lực; nguồn lực vật chất;



Nguồn lực về tài chính và cơ hội kinh tế; Nguồn lực thiên nhiên; Nguồn lực xã hội; Nguồn lực môi trường chính sách.

Yếu tố nguồn lực rất quan trọng trong tiến trình trợ giúp PNNĐT. Hiệu quả sẽ không có tính bền vững, lâu dài nếu như NVCTXH không biết cách tìm kiếm và vận động nguồn lực với PNNĐT. Trong quá trình trợ giúp PNNĐT, nếu NVCTXH chỉ có tư vấn, tham vấn để giúp họ định hướng, đưa ra những quyết định, những kế hoạch để thay đổi hoàn cảnh, vươn lên thoát nghèo nhưng lại không có nguồn lực để giúp họ tăng cường năng lực thì PNNĐT sẽ không có điều kiện, cơ sở để thay đổi chính hoàn cảnh của họ.

NVCTXH trong quá trình trợ giúp cho PNNĐT cần phải tìm kiếm, xác định trước các nguồn lực cho giải quyết vấn đề như: cơ sở vật chất, kỹ thuật, tài chính, thông tin, dịch vụ xã hội, chính sách, nhân lực... Bởi vì mỗi PNNĐT lại có những nhu cầu khác nhau về nguồn lực nên NVCTXH cần xác định được vấn đề khó khăn của từng PNNĐT để xác định chính xác các nguồn lực cần hỗ trợ.

Như vậy, để vận động nguồn lực cộng đồng hiệu quả NVCTXH cần có các hình thức vận động phù hợp với đặc điểm, nội quy, quy định của từng đơn vị, tổ chức, hội... bằng nhiều hình thức phong phú như: Tổ chức gây quỹ thông qua các đợt ủng hộ tài chính từ những nhà hảo tâm, các tổ chức chính trị xã hội, đơn vị kinh tế trong và ngoài cộng đồng. Phối hợp với Đoàn thanh niên, Hội Phụ nữ, Hội Nông dân tổ chức các sự kiện văn nghệ, hội thi... tạo quỹ từ việc bán vé hoặc huy động ủng hộ từ các dịp này. Xây dựng dự án và xin tài trợ. Ngoài ra, NVCTXH còn có thể kêu gọi tình nguyện viên tham gia các hoạt động giúp đỡ ngày công lao động, sửa chữa, dọn dẹp nhà ở cho hộ nghèo... vận động PNNĐT tham gia các cuộc thi, hoạt động cộng đồng. Kêu gọi người dân, các nhà hảo tâm, đơn vị doanh nghiệp hỗ trợ vật chất ủng hộ cho PNNĐT như: quần áo, sách vở cũ, đồ dùng học tập, xe đạp cũ...

Tóm lại, Những hình thức vận động trên là hoạt động phổ biến và đạt được hiệu quả. Tuy nhiên, NVCTXH cần phải tùy hoàn cảnh, bối cảnh, văn hóa truyền thống và đặc trưng của từng địa phương để vận dụng một cách phù hợp.

#### *1.2.3.2. Vai trò là người kết nối*

Là việc NVCTXH thực hiện một số nhiệm vụ cụ thể như: Đánh giá vấn đề, nhu cầu của đối tượng, xác định các nguồn lực cần kết nối và triển khai việc kết nối các chính sách, nguồn lực, dịch vụ...phù hợp với nhu cầu thực tế của PNNĐT.

Mục đích của kết nối sẽ giúp: kết nối được nguồn lực, các chính sách, dịch vụ phù hợp với nhu cầu của đối tượng và nâng cao sự quan tâm của cộng đồng về các vấn đề của họ, xác định được các chính sách, dịch vụ, nguồn lực hiện có trong cộng đồng, xây dựng được kết hoạch sử dụng hiệu quả nhất với những nguồn lực đó và giúp PNNĐT, cộng đồng hưởng lợi từ các nguồn lực. Từ đó nâng cao tính tự chủ của đối tượng và cộng đồng thông qua hoạt động kết nối.

Vai trò kết nối của nhân viên CTXH có thể hiểu ở ba khía cạnh: Kết nối giữa nguồn lực nào đó với thân chủ; Kết nối giữa các nguồn lực khác nhau để cùng giải quyết vấn đề; Trợ giúp thân chủ vận động, kết nối ngay chính nguồn lực bản thân mình và trong cộng đồng. Vì vậy, để hỗ trợ tốt nhất cho PNNĐT trong giải quyết những khó khăn của họ càng cần phải nâng cao hiệu quả của việc kết nối như cả ba khía cạnh nêu trên.

Mục tiêu của hoạt động kết nối là tạo ra mối quan hệ giữa thân chủ, gia đình họ với hệ thống các nguồn lực phù hợp, ví dụ như: các cơ quan, tổ chức, đơn vị cung cấp các dịch vụ cần thiết đối với thân chủ và gia đình.

Trong quá trình thực hiện kết nối cần phải tăng cường vận động nguồn lực, chính là việc khai thác tiềm năng, phát huy nguồn lực từ nhiều cơ quan đối tác để đối phó với những thiếu hụt về tài chính, y tế, giáo dục, xã hội hay

các chuyên môn kỹ thuật trong quá trình hỗ trợ thân chủ và những cá nhân trong gia đình PNNĐT giải quyết vấn đề. Ví dụ: đối với đối tượng là PNNĐT, đa phần nguồn lực về kinh tế không đảm bảo, do yếu tố tâm lý đơn thân nên việc tìm đến các nguồn lực đối với họ cũng hạn chế hơn, vì vậy để hỗ trợ họ giải quyết vấn đề bằng cách kết nối sự trợ giúp từ các cơ quan, đơn vị tới họ.

### *1.2.3.3. Vai trò là người tham vấn*

Tham vấn là quá trình tương tác giữa NVCTXH (người có chuyên môn, kỹ năng, người có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp) và thân chủ (là PNNĐT) thông qua sự trao đổi, chia sẻ thân mật, chân tình (dựa vào nguyên tắc đạo đức và mối quan hệ mang tính nghề nghiệp) giúp thân chủ hiểu và chấp nhận thực tế của mình, tự tìm thấy tiềm năng bản thân để giải quyết vấn đề của chính mình, tăng cường khả năng ứng phó và phục hồi chức năng tâm lý xã hội của thân chủ trong tương lai.

Mục đích tổng quát của tham vấn là giúp thân chủ thay đổi nhận thức, tăng cường khả năng ứng phó với hoàn cảnh khó khăn không chỉ trong hiện tại mà cả trong tương lai.

Giúp thân chủ thay đổi trạng thái cảm xúc, hành vi tiêu cực, cải thiện và tăng cường các động cơ tích cực.

Giúp thân chủ tăng cường hiểu biết về chính bản thân họ và hoàn cảnh của họ bằng cách cung cấp cho họ những thông tin có giá trị thích hợp, những giải thích có cơ sở.

Giúp thân chủ đưa ra nhiều hướng giải quyết có thể thực hiện được và từ đó giúp họ lựa chọn giải pháp thích hợp nhất đối với hoàn cảnh và khả năng của họ.

Giúp thân chủ đưa ra những quyết định đúng đắn dựa trên những thông tin mà NVCTXH cung cấp, dựa trên khả năng của đối tượng cũng như tiềm năng hỗ trợ từ các nguồn lực bên ngoài.

Hỗ trợ cho thân chủ kịp thời trong thời gian khủng hoảng.

Hỗ trợ đối tượng thực hiện các quyết định và đi đến giải quyết vấn đề họ đang mắc phải.

Nhiệm vụ của NVCTXH là giúp cá nhân nhận biết được tiềm năng của chính họ, đồng thời giúp cho họ có được một môi trường thuận lợi cho sự thực hiện hoá những tiềm năng đó thông qua việc cải thiện môi trường xã hội của họ.

#### *1.2.3.4. Vai trò là người giáo dục*

NVCTXH Là người cung cấp kiến thức, kỹ năng liên quan tới vấn đề mà phụ nữ nghèo đơn thân cần giải quyết, nâng cao năng lực cho không chỉ riêng phụ nữ nghèo đơn thân mà còn cá nhân, gia đình, nhóm hay cộng đồng thông qua tập huấn, giáo dục cộng đồng để họ có hiểu biết, tự tin và tự mình nhìn nhận ra vấn đề, đánh giá vấn đề, phân tích và tìm kiếm nguồn lực cho vấn đề cần giải quyết.

Mục đích của vai trò giáo dục nhằm trợ giúp nâng cao nhận thức, trình độ và năng lực cho PNNĐT, gia đình, cộng đồng và những người làm công tác giảm nghèo đúng thứ mà họ thiếu, họ cần, các hoạt động giáo dục đảm bảo tính thiết thực, phù hợp với văn hóa, truyền thống của từng địa phương. Qua đó tạo được tinh thần đoàn kết, tương thân tương ái trong cộng đồng, giảm khoảng cách giữa các hộ có thu nhập cao với hộ thu nhập thấp, hướng đến sự đồng thuận trong xã hội.

Các hình thức trong hoạt động giáo dục cần phong phú, đa dạng thể hiện lồng ghép qua các buổi họp, tọa đàm, hội thảo, các buổi sinh hoạt chuyên đề. Các hình thức này cần đảm bảo tính phù hợp thói quen sinh hoạt của từng cá nhân, cộng đồng dân cư, dễ tiếp cận với đối tượng là PNNĐT, tránh những kiến thức xa rời thực tế, cao siêu khó tiếp cận.

Nhiệm vụ của NVCTXH là giúp cá nhân, gia đình PNNĐT và cộng đồng bổ sung, bù đắp những kiến thức còn thiếu hụt, giúp họ có được môi trường thuận lợi để học tập, thực hành những kiến thức đã được tiếp thu.

### **1.3. Một số yếu tố tác động tới vai trò của nhân viên Công tác xã hội trong hỗ trợ phụ nữ nghèo đơn thân**

#### ***1.3.1. Yếu tố thuộc về phụ nữ nghèo đơn thân***

*Nhận thức và trình độ học vấn của phụ nữ nghèo đơn thân:*

Các yếu tố tác động tới vai trò của NVCTXH trong hoạt động trợ giúp, hỗ trợ PNNĐT rất nhiều, song chính yếu tố nhận thức và trình độ của PNNĐT lại là yếu tố chính, quan trọng nhất. Bởi phụ nữ nghèo đơn thân nếu chưa nhận thức hoặc nhận thức không đúng, không đầy đủ về vị trí, vai trò của người nghèo nói chung và của PNNĐT nói riêng thì sẽ ảnh hưởng tới hành động và việc làm của họ, đồng thời có tác động rất lớn tới công cuộc giảm nghèo bền vững và công tác Vì sự tiến bộ của phụ nữ.

Một số phụ nữ nghèo có xuất phát điểm thấp về trình độ, họ ít có cơ hội tiếp cận với công nghệ, đào tạo, từ đó thiếu cơ hội nâng cao kiến thức và kỹ năng cho bản thân, chưa kể kỹ năng tự học, tự tiếp thu kiến thức còn nhiều hạn chế sẽ là một rào cản không nhỏ đối với họ. Gánh nặng về chi phí học hành, phụ nữ nghèo ít quan tâm, chú trọng về vấn đề học hành, tích lũy kiến thức và kỹ năng cho bản thân và con cái của họ, bởi cái họ quan tâm trước mắt là đủ ăn qua ngày.

*Yếu tố sức khỏe:*

Đây là yếu tố ảnh hưởng rất lớn đến cơ hội để tiếp cận các hoạt động, công việc trợ giúp cho đối tượng, bởi bệnh tật và sức khỏe yếu kém còn là yếu tố đẩy con người vào tình trạng nghèo đói trầm trọng hơn, ảnh hưởng trực tiếp đến thu nhập và chi tiêu của họ, làm họ rơi vào vòng tròn lẩn quẩn của nghèo

đói, dẫn đến không có nghị lực, sức bật để vươn lên thoát nghèo cũng như không thiết tha tiếp cận các dịch vụ trợ giúp việc làm, giáo dục...

*Yếu tố tâm lý:*

Phụ nữ nghèo đơn thân gặp rất nhiều trở ngại về tâm lý, họ đang ngày càng trở nên dễ tổn thương trước nghèo đói và những hệ quả tác động của nó. Trở ngại về tâm lý là rào cản lớn nhất trong việc trợ giúp của nhân viên công tác xã hội, họ thiếu sự chủ động, thiếu tự tin, hay ngờ vực dẫn đến thiếu năng lực trong việc giải quyết các vấn đề của chính bản thân và gia đình.

**1.3.2. Yếu tố về nhân viên Công tác xã hội**

*Ngoài NVCTXH thì CTVCTXH là lực lượng cán bộ làm việc trực tiếp* với PNNĐT thông qua cán bộ làm công tác Lao động - Thương binh và Xã hội của huyện và các xã, thị trấn. Một số ít họ được đào tạo đúng với chuyên ngành công tác xã hội, họ làm việc trực tiếp với PNNĐT, tiếp cận với PNNĐT thông qua nhiều kênh khác nhau như: trực tiếp PNNĐT, hàng xóm của PNNĐT, gia đình, anh em bạn bè, các ban ngành đoàn thể của địa phương. Còn lại một số là cán bộ kiêm nhiệm, chưa có bằng cấp đúng với chuyên môn. Trong CTXH, ngoài sự điều phối của NVCTXH thì nhân viên làm việc trực tiếp là lực lượng hỗ trợ quan trọng đối với các hoạt động hỗ trợ. Nếu nhân viên làm việc trực tiếp được đào tạo về chuyên môn CTXH thì sẽ thuận lợi hơn trong hỗ trợ thực hiện các hoạt động, sự có mặt thường xuyên ở các xóm tạo mối quan hệ gần gũi, thân mật, duy trì liên lạc thường xuyên, có thể hỗ trợ kịp thời cho PNNĐT sẽ tạo hiệu quả hỗ trợ cao hơn. Ngược lại, nếu CTVCTXH chưa có chuyên môn về CTXH có thể dẫn tới giải quyết tình huống thiếu tính thuyết phục, chủ quan, gây mất lòng tin, không thu hút vận động nguồn lực và kết nối được các nguồn lực cộng đồng, thậm chí có thể gây rối loạn nhóm, mất đoàn kết, ảnh hưởng đến sự bền vững và hiệu quả trong hoạt động trợ giúp PNNĐT.

NVCTXH ngoài đòi hỏi phải có kiến thức về chuyên môn nghiệp vụ CTXH còn cần có phong kiến thức rộng như : Chính sách xã hội; Tâm lý học; Hiểu biết về văn hóa, phong tục tập quán, tôn giáo của địa phương; Có kiến thức chung về sự phát triển kinh tế - xã hội, hiểu biết về các chương trình, chính sách của Trung ương và địa phương về công tác giảm nghèo bền vững hiện nay; Có nhiều kinh nghiệm thực tiễn (sự hiểu biết về đối tượng trợ giúp đó là phụ nữ nghèo đơn thân) để có thể nhận diện vấn đề một cách khách quan, đầy đủ nhất.

### ***1.3.3. Yếu tố thuộc về chính sách thực hiện***

Việt Nam là nước có số lượng đối tượng cần trợ giúp của các dịch vụ công tác xã lớn và để trợ giúp đối tượng yếu thế Đảng, Nhà nước đã ban hành nhiều chủ trương, chính sách từng bước ổn định và nâng cao đời sống cho đối tượng, bảo đảm an sinh xã hội và phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Đặc biệt, ngày 25 tháng 3 năm 2010, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 32/2010/QĐ-TTg phê duyệt Đề án phát triển nghề CTXH giai đoạn 2010-2020. Với mục tiêu chung: Phát triển CTXH trở thành một nghề ở Việt Nam, nâng cao nhận thức của toàn xã hội về nghề CTXH, xây dựng đội ngũ cán bộ, viên chức, nhân viên, cộng tác viên CTXH đủ về số lượng, đạt yêu cầu về chất lượng gắn với phát triển hệ thống cơ sở cung cấp dịch vụ CTXH tại các cấp, góp phần xây dựng hệ thống an sinh xã hội tiên tiến. [20]

Thông tư liên tịch số:11/2011/TTLT-BLĐTBXH ngày 26 tháng 1 năm 2011 hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện Quyết định số 32/2010/QĐ-TTg ngày 25/3/2010 của Thủ tướng Chính phủ. Với mục đích đảm bảo kinh phí cho công tác triển khai thực hiện Đề án được hiệu quả. [36]

Để thực hiện Đề án 32 một cách đồng bộ, thể hiện tính nhất quán Chủ trương chính sách của Đảng Các tỉnh, thành phố đều xây dựng các Quyết định, Kế hoạch cụ thể như sau:

Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình đã ban hành Quyết định Số: 268/QĐ-UBND ngày 09 tháng 12 năm 2010 về việc phê duyệt kế hoạch triển khai thực hiện Quyết định số số: 32/2010/QĐ-TTg ngày 25/3/2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển nghề công tác xã hội giai đoạn 2010-2020. [41] Kèm theo Quyết định này bản kế hoạch và kinh phí đào tạo nghề Công tác xã hội giai đoạn 2010-2020. Với mục tiêu tổng quát và mục tiêu cụ thể. Trong đó, tổ chức triển khai sâu rộng tới các cấp, các ngành có liên quan. Phân công nội dung công việc, trách nhiệm và quy định, thể hiện rất rõ vai trò, trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị, tổ chức. Mỗi tổ chức, đơn vị sẽ phát huy được hết nguồn lực, thế mạnh của mình để phối hợp thực hiện Đề án, điều này có ý nghĩa rất quan trọng trong công tác giảm nghèo bền vững. Bên cạnh đó là các hoạt động tổng kết giai đoạn, đánh giá kết quả đạt được, những phương hướng, mục tiêu, giải pháp cho giai đoạn tiếp theo.

Thực hiện theo Quyết định số: 383/QĐ-UBND ngày 3/4/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình về việc giao chỉ tiêu biên chế công chức hành chính năm 2012. [27] Ủy ban nhân dân huyện Lương Sơn tổ chức đợt thi tuyển công chức, viên chức trong đó giao chỉ tiêu tuyển 12 công chức LĐTBXH, yêu cầu có trình độ chuyên ngành CTXH và 02 chuyên viên CTXH làm việc tại Phòng LĐTB&XH, qua đó những người có chuyên môn đào tạo về chuyên ngành CTXH có cơ hội được làm việc và thực hành nghề CTXH tại các địa phương, các xã. [46]

Đây chính là việc Nhà nước xây dựng hành lang pháp lý quan trọng đảm bảo phát huy được vai trò, quyền hoạt động chuyên nghiệp, bài bản cho đội ngũ NVCTXH thông qua việc xây dựng và tổ chức thực hiện các chương trình, đề án, chiến lược đào tạo đội ngũ NVCTXH, đề án đào tạo đội ngũ NVCTXH.

#### ***1.3.4. Yếu tố thuộc về nhận thức của chính quyền địa phương***



Nhận thức của chính quyền địa phương về vai trò của người NVCTXH đối với việc hỗ trợ người nghèo nói chung và đối tượng phụ nữ nghèo đơn thân nói riêng là yếu tố căn bản nhất đảm bảo cho chương trình, chính sách hỗ trợ, các giải pháp giảm nghèo, các dịch vụ hỗ trợ được tiếp cận trực tiếp nhất đối với người nghèo và được thực hiện đúng mục đích, ý nghĩa và có hiệu quả cao. Việc nhận thức này sẽ có tác động đến cả hệ thống chính trị, các thành phần tham gia vào quá trình hỗ trợ như: các doanh nghiệp, ngân hàng chính sách...các cá nhân, hộ gia đình, các tổ chức, đoàn hội và cộng đồng người dân hỗ trợ cho công tác giảm nghèo tại địa phương.

Khi hoạch định chính sách CTXH của UBND huyện, Các cấp Lãnh đạo có nhận thức đầy đủ tầm quan trọng của nghề CTXH, vai trò của NVCTXH hay không sẽ là yếu tố ảnh hưởng đến quá trình thành lập, tổ chức thực hiện kế hoạch phát triển nghề CTXH và đội ngũ NVCTXH. Nhằm phát huy vai trò của NVCTXH trong hỗ trợ PNNĐT cần hoạch định các chính sách xã hội thường xuyên hàng năm. Nhân rộng mô hình trợ giúp bằng hình thức thành lập các nhóm PNNĐT có chung nhu cầu, mục đích để hoạt động trợ giúp được nhiều hơn và hiệu quả hơn. Trong quá trình tổ chức thực hiện CTXH cần có sự giám sát, thúc đẩy, điều chỉnh của NVCTXH đối với hoạt động nhóm, giúp hoạt động nhóm trở thành nề nếp, tạo cho PNNĐT có môi trường giao lưu, học hỏi, chia sẻ tâm tư nguyện vọng, giải quyết các vấn đề của cá nhân và những vấn đề chung của nhóm.

### ***1.3.5. Yếu tố khác***

Ngoài các yếu tố trên thì yếu tố về văn hóa, truyền thống, phong tục tập quán được quy định rõ trong hương ước, quy ước, “lệ làng” của từng địa phương, vùng miền, từng khu vực cũng ảnh hưởng không nhỏ tác động đến cả hệ thống chính trị, các thành phần tham gia vào quá trình hỗ trợ cho PNNĐT.

Đối với tất các yếu tố có tác động tới vai trò của nhân viên Công tác xã hội trong hỗ trợ phụ nữ nghèo đơn thân như đã nêu trên ở mỗi yếu tố đều mang một ý nghĩa riêng nhưng lại có vai trò ảnh hưởng, tác động qua lại. Điều này có ý nghĩa nhất định trong các hoạt động trợ giúp chuyên nghiệp. Một kế hoạch có hay đến bao nhiêu mà chính bản thân PNNĐT không biết, không phải là người thực hiện thì hiệu quả mang lại chỉ mang tính thời điểm nhất định. Do vậy, để đảm bảo yếu tố thực tiễn trong kế hoạch trợ giúp thì yếu tố phụ nữ nghèo đơn thân là yếu tố quan trọng nhất. Trường hợp một PNNĐT rất cần nhận được sự giúp đỡ vay vốn ngân hàng chính sách để phát triển kinh tế nhưng lại không được cán bộ hướng dẫn hồ sơ, thủ tục, không biết liên hệ với cơ quan, đơn vị nào và không nắm được các thông tin cần thiết về chương trình vay vốn. Điều này dẫn tới PNNĐT bị hạn chế tiếp cận với nguồn lực và người vận động nguồn lực và chính sách xã hội. Do vậy, để việc hỗ trợ PNNĐT đạt hiệu quả cao cần quan tâm đến yếu tố ảnh hưởng là phụ nữ nghèo đơn thân. Ngoài ra, cần thúc đẩy tất cả các yếu tố ảnh hưởng nêu trên tham gia xuyên suốt vào quá trình trợ giúp cho đối tượng.

#### **1.4. Cơ sở pháp lý của vai trò nhân viên Công tác xã hội**

##### ***1.4.1. Văn bản liên quan đến nhân viên Công tác xã hội***

Nghị quyết số 15-NQ/TW Hội nghị Trung ương lần thứ 5 của Ban chấp hành khóa XI về chính sách xã hội giai đoạn 2012-2020 đã đề ra nhiệm vụ đảm bảo an sinh xã hội, chú trọng đến việc làm, bảo hiểm xã hội, trợ giúp xã hội cho những đối tượng có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, đồng bào dân tộc ít người, đảm bảo mức tối thiểu về thu nhập và một số dịch vụ xã hội cơ bản như khám chữa bệnh, học hành, nhà ở, nước sạch, thông tin, truyền thông. Nghị quyết số: 80/NQ-CP ngày 19/5/2011 của Chính phủ về định hướng giảm nghèo bền vững giai đoạn năm 2011-2020. Mục tiêu hướng đến cải thiện, nâng cao điều kiện sống cho người nghèo. Trong đó, tập chung cải thiện điều

kiện trước hết là về y tế, giáo dục, văn hóa, nước sinh hoạt, nhà ở... Đối tượng hưởng thụ là người nghèo trong các hộ nghèo, trong đó có phụ nữ nghèo. [15]

Thông tư liên tịch số: 07/2015/TTLT/BLĐTBXH-BNV ngày 19/8/2015 quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức ngành CTXH. [37]

Thông tư số: 07/2013/TT-BLĐTBXH ngày 24/5/2013 hướng dẫn tiêu chuẩn công tác viên CTXH cấp xã. [38]

Thông tư liên tịch số: 09/2013/TTLT/BLĐTBXH-BNV ngày 10/6/2013 hướng dẫn chức năng nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của trung tâm cung cấp dịch vụ xã hội. [39]

Thông tư số: 01/2017/TT-BLĐTBXH Ngày 02/2/2107 do Bộ Lao động -Thương binh & Xã hội đã ban hành quy định tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp đối với người làm công tác xã hội. Thông tư đã đưa ra tiêu chuẩn đạo đức của nghề công tác xã hội cũng như trách nhiệm của các ngành liên quan và các cơ sở cung cấp dịch vụ xã hội. [40]

Quyết định số: 32/2010/QĐ-TTg ngày 25/3/2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển nghề Công tác xã hội giai đoạn 2010-2020 (sau đây gọi là Đề án 32). Và ngày 15/9/2016, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số: 1791/QĐ-TTg về Ngày công tác xã hội Việt Nam, thống nhất chọn ngày 25/3 là “Ngày Công tác xã hội Việt Nam”, đây là một tin vui và niềm tự hào đối với những người làm CTXH. [20]

Quyết định số: 268/QĐ-UBND ngày 09 tháng 12 năm 2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình về việc phê duyệt kế hoạch triển khai thực hiện Quyết định số: 32/2010/QĐ-TTg ngày 25/3/2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển nghề Công tác xã hội giai đoạn 2010-2020. [41]

#### ***1.4.2. Văn bản liên quan đến hoạt động trợ giúp người nghèo***

Nghị định số:136/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội. [16]

Quyết định số:1722/QĐ-TTg ngày 02/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ quyết định phê duyệt chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020. [24]

Quyết định số:1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020”. Theo đó, lao động nông thôn thuộc diện hưởng chính sách ưu đãi người có công với cách mạng, hộ nghèo, người dân tộc thiểu số, người tàn tật, người bị thu hồi đất canh tác được hỗ trợ chi phí học nghề ngắn hạn. [19]

Quyết định số:565/QĐ-TTg ngày 25/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu phát triển hệ thống trợ giúp xã hội giai đoạn 2016 -2020. [26]

Quyết định số:14/2012/QĐ-TTg ngày 01/3/2012 của Thủ tướng Chính phủ về khám chữa bệnh cho người nghèo. [21]

Kế hoạch số:20/KH-UBND ngày 05 tháng 02 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình về thực hiện Đề án “Đổi mới, phát triển trợ giúp xã hội giai đoạn 2018 -2025 và tầm nhìn đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Hòa Bình. [46]

Quyết định số:118/KH-UBND ngày 29 tháng 8 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình về triển khai thực hiện chương trình mục tiêu phát triển hệ thống trợ giúp xã hội trên địa bàn tỉnh Hòa Bình giai đoạn 2017-2020. [28]

Hệ thống pháp luật, chính sách xã hội, các chương trình, các đề án trợ giúp tạo môi trường pháp lý, hành chính, xã hội cho NVCTXH phát triển.

Ở Việt Nam, vấn đề bình đẳng giới và bảo vệ quyền của phụ nữ và trẻ em không phải mới được đặt ra, ngay từ bản Hiến pháp đầu tiên, việc tuyên

bổ “đàn bà ngang quyền đàn ông về mọi phương diện” (Điều 9) đã khẳng định với thế giới phụ nữ Việt Nam đã đứng ngang hàng với đàn ông để hưởng mọi quyền công dân. Điều này tiếp tục được khẳng định qua các bản Hiến pháp sau này. Đó là “phụ nữ nước Việt Nam dân chủ cộng hòa có quyền bình đẳng với nam giới về các mặt sinh hoạt chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và gia đình” (Điều 24, Hiến pháp 1959); “mọi công dân đều bình đẳng trước pháp luật” (Điều 59, Hiến pháp 1980). Đến Hiến pháp 1992 về cơ bản, quyền của phụ nữ trong Hiến pháp năm 1992 kế thừa những quy định tiến bộ của Hiến pháp năm 1980, nhưng nhấn mạnh thêm “nghiêm cấm mọi hành vi phân biệt đối xử với phụ nữ, xúc phạm nhân phẩm phụ nữ” (Điều 63). Đặc biệt, Hiến pháp 2013 đã có nhiều quy định mang tính đột phá nhằm đảm bảo bình đẳng giới, bảo vệ quyền của phụ nữ và trẻ em được dư luận trong nước và nước ngoài đánh giá cao, những quy định cởi mở, đậm tính quốc tế về quyền con người được thể hiện tập trung thành mục riêng, tạo thành điểm nhấn về nhân quyền ở Chương II và xuyên suốt toàn bộ Hiến pháp 2013. Theo đó, mọi người có quyền sống, quyền có nơi ở hợp pháp, quyền bất khả xâm phạm về thân thể, về nhà ở, về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân và bí mật gia đình; Được pháp luật bảo hộ quyền tự do đi lại và cư trú ở trong nước, quyền ra nước ngoài và từ nước ngoài về nước; Không bị tra tấn, bạo lực, truy bức, nhục hình hay bất kỳ hình thức đối xử nào khác xâm phạm thân thể, sức khỏe, xúc phạm danh dự, nhân phẩm; Mọi người có quyền hiến mô, bộ phận cơ thể người, hiến xác theo quy định của luật...Nhà nước bảo hộ hôn nhân và gia đình, bảo hộ quyền lợi của người mẹ và trẻ em. Phụ nữ được tạo điều kiện để phát triển toàn diện, phát huy vai trò của mình trong xã hội. Trẻ em được bảo vệ, chăm sóc và giáo dục; được tham gia vào các vấn đề về trẻ em...

Theo Nghị định 136/2013/NĐ-CP, phụ nữ nghèo đơn thân nuôi con nhỏ là một đối tượng hưởng trợ cấp Bảo trợ xã hội ở nước ta, họ được xếp vào nhóm đối tượng Người đơn thân nuôi con nhỏ thuộc hộ nghèo.

Khoản 4 Điều 5 Nghị định 136/2013/NĐ-CP có quy định: “Người đơn thân nghèo đang nuôi con nhỏ là người thuộc hộ nghèo không có chồng hoặc không có vợ; Có chồng hoặc vợ đã chết; Có chồng hoặc vợ mất tích theo quy định của pháp luật và đang nuôi con dưới 16 tuổi hoặc đang nuôi con từ 16 tuổi đến 22 tuổi nhưng người con đó đang học phổ thông, học nghề, trung học chuyên nghiệp, cao đẳng, đại học văn bằng thứ nhất”.

Điểm g và điểm h, Khoản 1, Điều 6 Nghị định 136/2013/NĐ-CP áp dụng cho phụ nữ nghèo đơn thân đang nuôi con nhỏ: Người thuộc hộ nghèo không có chồng; Có chồng đã chết; Có chồng mất tích theo quy định của pháp luật và đang nuôi con dưới 16 tuổi hoặc đang nuôi con từ 16 tuổi đến 22 tuổi nhưng người con đó đang học phổ thông, học nghề, trung học chuyên nghiệp, cao đẳng, đại học văn bằng thứ nhất sẽ được hưởng trợ cấp hàng tháng.

Các chính sách hỗ trợ giảm nghèo bao gồm: Các chính sách hỗ trợ giảm nghèo chung và các chính sách hỗ trợ giảm nghèo đặc thù.

### **Tiểu kết chương 1**

Trong chương 1, đã làm rõ một số khái niệm công cụ để phục vụ nghiên cứu đề tài, bao gồm các khái niệm: Công tác xã hội, nhân viên Công tác xã hội, khái niệm nghèo, phụ nữ nghèo, phụ nữ đơn thân, phụ nữ nghèo đơn thân, các đặc điểm tâm lý, khó khăn và những nhu cầu cơ bản của phụ nữ nghèo đơn thân. Đặc biệt, chương 1 đã hệ thống hóa những vấn đề lý luận về vai trò của NVCTXH trong hỗ trợ phụ nữ nghèo đơn thân và trọng tâm vào bốn vai trò của NVCTXH trong hỗ trợ PNNĐT bao gồm: Vai trò là người vận động nguồn lực; vai trò là người kết nối; vai trò là người tham vấn và vai trò là người giáo dục. Trên cơ sở các vai trò của NVCTXH, tác giả đề cập đến một số yếu tố tác động tới vai trò của NVCTXH trong hỗ trợ phụ nữ nghèo đơn thân tương ứng các vai trò trên, các căn cứ pháp lý của vai trò NVCTXH. Những lý luận này là cơ sở để tác giả tìm hiểu thực trạng vai trò của nhân viên Công tác xã hội trong hỗ trợ phụ nữ nghèo đơn thân tại xã Trung Sơn, huyện Lương Sơn ở chương tiếp theo.

## **CHƯƠNG 2:**

### **THỰC TRẠNG VAI TRÒ CỦA NHÂN VIÊN CÔNG TÁC XÃ HỘI TRONG HỖ TRỢ PHỤ NỮ NGHÈO ĐƠN THÂN TẠI XÃ TRUNG SƠN HUYỆN LƯƠNG SƠN, TỈNH HÒA BÌNH**

#### **2.1. Tổng quan về địa bàn và khách thể nghiên cứu**

##### **2.1.1. Tổng quan về địa bàn nghiên cứu**

###### **2.1.1.1. Vài nét về tình hình kinh tế - xã hội xã Trung Sơn**

Trung Sơn là xã nằm ở phía nam của huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình. Cách trung tâm huyện 28 km. Phía Bắc giáp với xã Trần Phú, huyện Chương Mỹ, phía tây giáp với xã Tiến Sơn, phía nam giáp với xã Tân Thành, phía đông giáp với xã Tuy Lai huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội. Xã có diện tích tự nhiên là 1.290,95 km<sup>2</sup>, với tổng số 1.116 hộ và 4.614 nhân khẩu, xã chia thành 06 xóm với hai dân tộc chủ yếu (Mường và Kinh). Xã được quy hoạch phát triển theo hướng công nghiệp nặng vùng nam của huyện Lương Sơn do có những dãy núi đá chạy dài dọc theo tuyến đường mòn Hồ Chí Minh, là nguồn nguyên liệu dồi dào cho việc khai khoáng và sản xuất vật liệu xây dựng. Xã đã thu hút đầu tư được 12 doanh nghiệp lớn và nhỏ đóng chân trên địa bàn, bao gồm: 02 nhà máy xi măng (nhà máy xi măng Trung Sơn và Nhà máy xi măng Vĩnh Sơn); 01 trường Trung cấp nghề kinh tế kỹ thuật Hòa Bình; 06 cty khai khoáng, sản xuất vật liệu xây dựng; 03 cơ sở sản xuất kinh doanh (sản xuất mi mắt giả, sản xuất than hoạt tính, sản xuất phân bón phụ gia) thu hút và tạo điều kiện thuận lợi về việc làm thường xuyên cho người lao động tại địa phương, giúp tăng thu nhập ổn định cho người lao động, đời sống của người dân dần ổn định. Nhờ đó, diện mạo của xã đã có nhiều thay đổi và từng bước phát triển về mọi lĩnh vực: Kinh tế, văn hóa - xã hội, y tế, giáo dục, an sinh xã hội... với hình ảnh là xã nông thôn mới, cơ sở vật chất, hạng tầng khang trang hơn, giao thông nông thôn được xây mới, đời sống vật



chất, tinh thần của người dân không ngừng được nâng cao. Kinh tế của xã tiếp tục duy trì tốc độ tăng trưởng khá, tổng giá trị sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp tăng và vượt 107 % kế hoạch năm 2018. Thu nhập bình quân đầu người tăng dần qua các năm, năm 2018 bình quân đạt 32 triệu đồng. Đời sống văn hóa xã hội xã Trung Sơn tiếp tục được trú trọng, không ngừng phát triển, các phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”, khu dân cư văn hóa, giáo dục có bước phát triển về quy mô và chất lượng, mạng lưới y tế hoạt động có hiệu quả, chủ động phòng ngừa, khống chế dịch bệnh, phục vụ tốt cho hoạt động chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân. [44]

Bên cạnh những thuận lợi vẫn còn những khó khăn nhất định. Theo báo cáo kết quả chương trình Nông thôn mới năm 2018 của Ủy ban nhân dân xã Trung Sơn, cơ sở hạ tầng còn nhiều bất cập, năm 2019 xã Trung Sơn phải hoàn thành 17 tiêu chí về đích nông thôn mới, tuy nhiên hiện nay còn 4 tiêu chí chưa hoàn thành (trường học, nhà văn hóa trung tâm, đường giao thông nội đồng, y tế), tình trạng ô nhiễm môi trường: khói bụi từ hai nhà máy xi măng xả thải ra môi trường, tình trạng tạm trú làm tăng dân cư, gây nảy sinh nhiều vấn đề xã hội: như các tệ nạn xã hội, giải quyết việc làm cho người lao động bị thu hồi đất nông nghiệp, vấn đề vệ sinh môi trường, vấn đề nghèo đói, chênh lệch mức sống cũng đòi hỏi cần sự quan tâm sâu sát hơn nữa từ các cấp chính quyền và toàn thể người dân. [42]

#### *2.1.1.2. Khái quát chung tỷ lệ phụ nữ nghèo đơn thân trên địa bàn xã Trung Sơn*

Giảm nghèo bền vững là một trong những chỉ tiêu Kinh tế - Văn hóa - Xã hội quan trọng của xã Trung Sơn, với mục tiêu phấn đấu giảm tỷ lệ hộ nghèo xuống còn 4,5 % đến năm 2020, trong những năm qua xã Trung Sơn đã nỗ lực không ngừng triển khai các giải pháp giảm nghèo, giúp người dân thoát nghèo bền vững, nâng cao đời sống, đảm bảo an sinh xã hội cho nhân dân. Tuy nhiên, tỷ lệ hộ nghèo hiện nay so với mặt bằng chung của một số xã trong huyện vẫn còn cao, tỷ lệ phụ nữ nghèo đơn thân là một vấn đề cần được

quan tâm. Theo báo cáo giám sát chương trình giảm nghèo của UBND xã Trung Sơn năm 2018, tổng số hộ nghèo trên địa bàn toàn xã là 112 hộ (chiếm tỷ lệ 10,04 %) với 291 khẩu nghèo, hộ cận nghèo 63 hộ (chiếm tỷ lệ 5,65 %) với 107 khẩu nghèo. Trong đó, tổng số hộ nghèo có phụ nữ đơn thân là 65 hộ chiếm 58,03 % với 123 khẩu cận nghèo. Biểu tổng hợp dưới đây cho thấy sự chênh lệch số hộ nghèo nghèo giữa các xóm, tỷ lệ hộ nghèo ở một số xóm ở khu vực dọc tuyến đường mòn Hồ Chí Minh thấp hơn một số xóm ở khu vực xa khu trung tâm xã, cách xa đường quốc lộ, số hộ nghèo có phụ nữ đơn thân trong diện hộ nghèo chiếm tỷ lệ tương đối cao so với số hộ nghèo trung bình của toàn xã. [43]

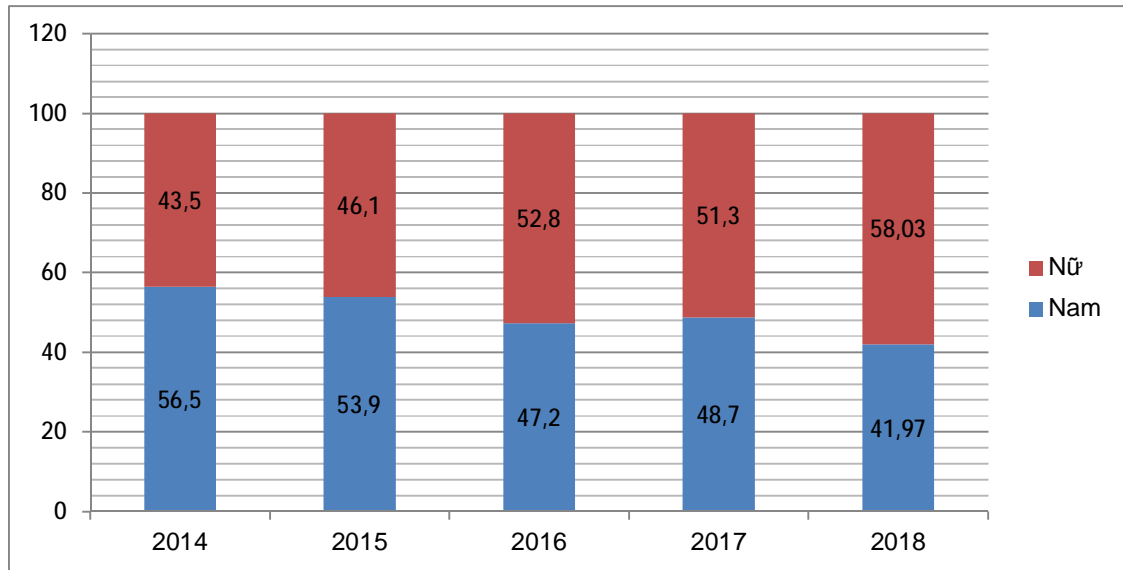
**Bảng 2.1: Tổng hợp số lượng hộ nghèo có phụ nữ đơn thân**

TT	Xóm	Tổng số hộ nghèo	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1	Xóm Bến Cuối	10	7	70
2	Xóm Lộc Môn	12	5	41,7
3	Xóm Mái	25	13	52
4	Xóm Chũm	27	17	62,9
5	Xóm Lạt	29	18	62,1
6	Xóm Tân Sơn	9	5	55,6
<b>Cộng:</b>		<b>112</b>	<b>65</b>	<b>58,03</b>

(Nguồn: Báo cáo kết quả giảm nghèo năm 2018, của Ban chỉ đạo giảm nghèo bền vững xã Trung Sơn)

Qua bảng tổng hợp trên cho thấy: Số hộ nghèo của xã là 112 hộ thì số hộ nghèo có phụ nữ đơn thân là 65 hộ, chiếm tỷ lệ 58,03 %, là tỷ lệ tương đối cao khi so sánh tương quan với hộ nghèo nói chung đa phần là nam giới. Đặc

biệt, tỷ lệ này tăng theo hàng năm trong khi tỷ lệ hộ nghèo giảm, để có cái nhìn tổng quát hơn về sự gia tăng phụ nữ nghèo đơn thân, số liệu phụ nữ nghèo đơn thân được so sánh với hộ nghèo có chủ hộ là nam giới tổng hợp qua 5 năm gần đây như sau:



**Biểu đồ 2.1: So sánh tỷ lệ phụ nữ nghèo đơn thân và nam giới nghèo từ năm 2014 đến năm 2018**

(Nguồn: Báo cáo kết quả giảm nghèo giai đoạn 2010-2015 & giai đoạn 2016-2020 của Ban chỉ đạo giảm nghèo bền vững xã Trung Sơn)

Qua biểu đồ trên cho thấy tỷ lệ phụ nữ nghèo đơn thân có chiều hướng tăng theo từng năm, tỷ lệ giữa phụ nữ nghèo đơn thân (phụ nữ là chủ hộ nghèo) so với tỷ lệ nam giới (là chủ hộ) có sự chênh lệch, năm 2014 tỷ lệ phụ nữ nghèo đơn thân chiếm 43,5 %, đến năm 2016 là 52,8 % đến năm 2018 tăng lên 58,03 % (từ năm 2014 đến năm 2018 tăng 14,53 %). Điều này còn chứng minh rằng tỷ lệ thoát nghèo của phụ nữ nghèo đơn thân thấp hơn so với nam giới và phụ nữ là chủ hộ ở các hộ cận nghèo có nguy cơ rơi vào nghèo rất cao.

*Tiêu chí phân loại chuẩn nghèo:*

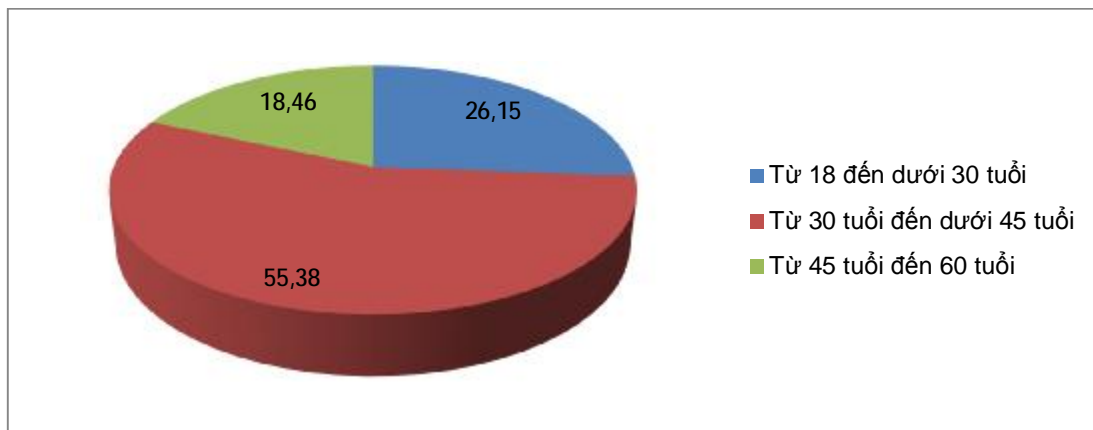
Hộ nghèo tiếp cận đa chiều (hộ nghèo đa chiều) được xác định dựa trên các tiêu chí về thu nhập và tiêu chí mức độ thiếu hụt tiếp cận dịch vụ xã hội cơ bản. Các tiêu chí này được xác định dựa trên quy định của Quyết định số: 59/2015/QĐ-TTg ngày 19/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016-2020. Theo đó, các tiêu chí tiếp cận đo lường đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016-2020 gồm tiêu chí về thu nhập, mức độ thiếu hụt tiếp cận dịch vụ xã hội cơ bản.

*Nhóm phụ nữ là chủ hộ cận nghèo có nguy cơ rơi vào nghèo:*

Theo kết quả điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo cuối kỳ năm 2018 xã Trung Sơn, Tổng số hộ cận nghèo toàn xã là 63 hộ (chiếm tỷ lệ 5,64 %). Trong đó, hộ cận nghèo có phụ nữ đơn thân là 39 hộ (chiếm tỷ lệ 61,9 %). Khoảng cách giữa hộ nghèo và hộ cận nghèo rất gần nên việc hộ cận nghèo có nguy cơ cao rơi vào nghèo, đặc biệt với nhóm phụ nữ đơn thân. Các chính sách trên cơ sở hỗ trợ chính cho hộ nghèo có mở rộng thêm cho hộ cận nghèo, song mức hỗ trợ và phạm vi còn hạn chế. Hầu hết các hộ này có hoàn cảnh khó khăn do ốm đau, bệnh tật, thiếu nguồn lao động...họ có nguy cơ rơi vào ngưỡng hộ nghèo nếu không có các giải pháp hỗ trợ kịp thời.

**2.1.2. Đặc điểm khách thể nghiên cứu**

*Độ tuổi:*

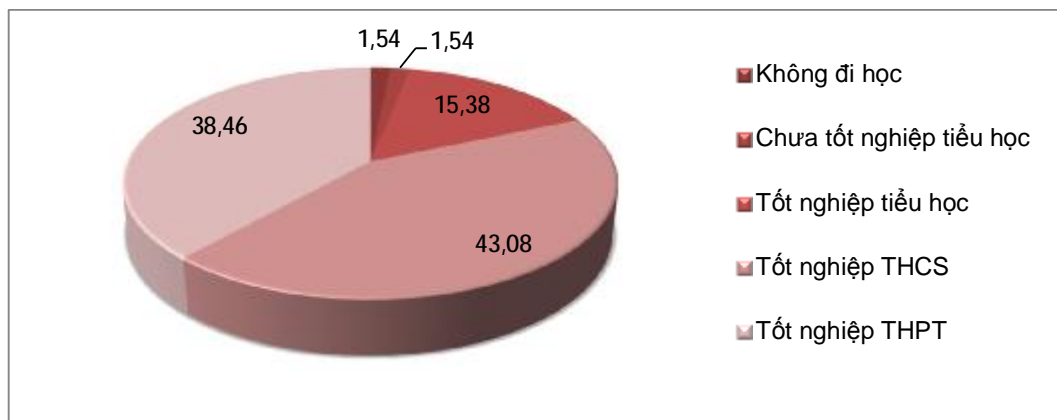


### Biểu đồ 2.2: Độ tuổi của phụ nữ nghèo đơn thân

(Nguồn: Kết quả khảo sát tháng 4/2019)

Trong tổng số 65 phụ nữ nghèo đơn thân được khảo sát, có 12 người (chiếm 18,46 %) thuộc nhóm từ 45 tuổi đến 60 tuổi, nhóm tuổi này đối với phụ nữ đã bước vào giai đoạn Trung niên, sức khỏe, tâm sinh lý có nhiều thay đổi, nhóm tuổi từ 30 đến dưới 45 tuổi có 36 người (chiếm 55,38 %), nhóm tuổi từ 18 đến dưới 30 tuổi là 17 người (chiếm 26,15 %) đây là nhóm trong độ tuổi thanh niên nhưng hầu hết lại sống trong hoàn cảnh hôn nhân khuyết thiếu, sống đơn thân nuôi con.

*Trình độ học vấn:*



### Biểu đồ 2.3: Trình độ học vấn của phụ nữ nghèo đơn thân

(Nguồn: kết quả khảo sát tháng 4/2019)

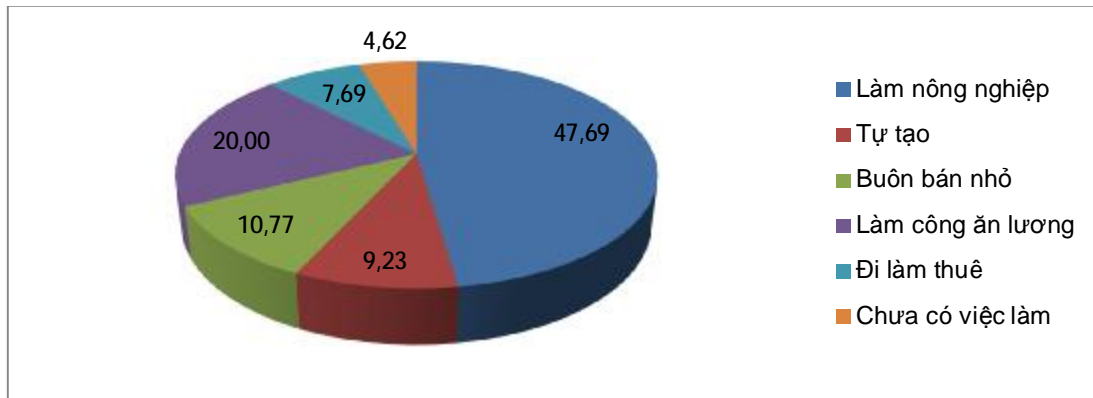
Tổng hợp kết quả khảo sát về trình độ học vấn của phụ nữ nghèo đơn thân được đánh giá trên cơ sở trình độ về học vấn cao nhất đạt được theo các nhóm cấp học. Kết quả cho thấy cấp học Trung học phổ thông là cấp học phổ biến nhất trong các nhóm mẫu được khảo sát có 25 người, chiếm 38,46 %, tiếp đến là tỷ lệ phụ nữ học tới cấp Tiểu học cơ sở có 10 người, chiếm 15,38 %, cấp Trung học cơ sở 28 người chiếm 43,08 %, số chưa tốt nghiệp tiểu học có 01 người, chiếm 1,54%, không có trình độ 01 người, chiếm 1,54 %. Như

vậy, phụ nữ nghèo đơn thân hầu hết là biết đọc, biết viết, chỉ có rất ít người không có trình độ rơi vào nhóm người bị khuyết tật từ nhỏ. Tuy nhiên tỷ lệ phụ nữ nghèo đơn thân có tay nghề (đào tạo từ sơ cấp trở lên) không có.

Từ những thông tin trên, trong hoạt động hỗ trợ cho PNNĐT, đối với số phụ nữ nghèo trình độ tốt nghiệp từ THCS, THPT có điều kiện sức khỏe tốt, có thể hỗ trợ xin việc làm tại các doanh nghiệp đứng trên địa bàn như: Nhà máy xi măng Trung Sơn, nhà máy xi măng Vĩnh Sơn, học nghề may và làm việc tại Nhà máy may công nghiệp Ba Nhất... Đối với mức trình độ trung bình dưới cấp THCS như trên, đưa đến một số giải pháp phù hợp phổ biến và đơn giản nhất trong công tác hỗ trợ dạy nghề và việc làm là dạy cho họ những công việc giản đơn như trồng trọt, chăn nuôi, dạy nghề móc vòng ren, thêu, chủ yếu là lao động chân tay... tuy nhiên mức thu nhập ở những công việc này lại không cao.

#### *Nghề nghiệp:*

Nghề nghiệp của họ là những công việc giản đơn. Đối với phụ nữ nghèo đơn thân ở xã Trung Sơn thì sản xuất nông nghiệp vẫn là nguồn thu nhập chính của gia đình họ, một số hộ mất đất nông nghiệp thì đi làm thuê, phụ hồ... thời gian tranh thủ buổi tối thì làm thêm móc vòng ren, làm mây tre đan kiếm thêm thu nhập, dù vậy với tính chất công việc bấp bênh thì thu nhập của họ thấp và không ổn định, chỉ có một tỷ lệ rất thấp đang làm công ăn lương tại các công ty, doanh nghiệp, cơ sở sản xuất trên địa bàn xã, một số phụ nữ nghèo đơn thân đang nuôi con đi học được hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng. Cụ thể như sau:



**Biểu đồ 2.4: Tình trạng việc làm của phụ nữ nghèo đơn thân**

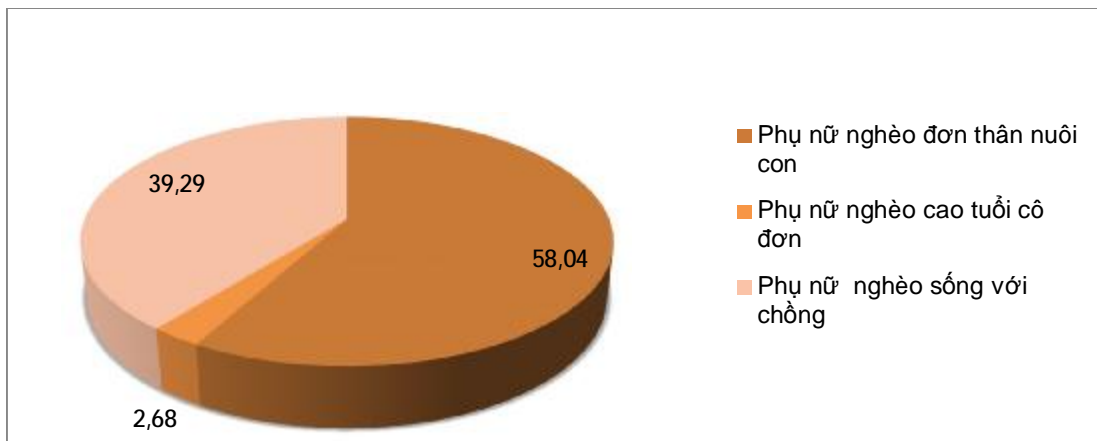
(Nguồn: Kết quả khảo sát tháng 4/2019)

Tổng hợp trên phản ánh tình trạng việc làm của phụ nữ nghèo đơn thân: việc làm chủ yếu là làm nông nghiệp có 31 người chiếm 47,69 % tập chung ở xóm Lạt, Chũm, Tân Sơn và xóm Mái do diện tích đất nông nghiệp ở các xóm này còn tương đối nhiều, có 06 người tự tạo việc làm tại nhà chủ yếu làm mây tre đan, móc vòng ren do sức khỏe yếu không đi làm thuê được, buôn bán nhỏ có 07 người, chiếm 10,77 % tập chung ở xóm Bến Cuối và xóm Lộc Môn do có đường mòn Hồ Chí Minh chạy qua, họ bán chủ yếu là rau và các sản phẩm nông nghiệp tự trồng vào các buổi chiều cho người dân. Số phụ nữ làm công ăn lương có 13 người, chiếm 20 % tập chung tại xóm Bến Cuối và xóm Lộc Môn vì hiện nay phần lớn diện tích đất nông nghiệp đã bị thu hồi để xây dựng Nhà máy xi măng, diện tích cho sản xuất nông nghiệp còn lại rất ít, 05 người đi làm thuê và làm việc theo thời vụ, 03 người chưa có việc làm rơi vào những trường hợp đang nuôi con nhỏ, sống chủ yếu dựa vào trợ cấp của người thân và trợ cấp xã hội hàng tháng. Phần lớn thu nhập mà phụ nữ nghèo đơn thân tạo ra còn thấp, ở lĩnh vực nông nghiệp, việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi đối với họ tương đối chậm, khiến họ rơi vào tình trạng lúng túng, bởi họ vừa thiếu kinh nghiệm, thiếu kiến thức, nguồn vốn và trình độ, họ gặp nhiều rào cản về cơ hội việc làm. Nhiều gia đình phải tự tạo việc làm

để kiếm sống, những công việc chân tay, thời vụ, đi làm thuê hoặc buôn bán nhỏ lẻ, không ổn định và thu nhập bấp bênh. Cần quan tâm, thường xuyên tổ chức các lớp tập huấn kỹ thuật trồng trọt, chăn nuôi; hỗ trợ vay vốn ngân hàng phát triển kinh tế; tìm đầu ra cho sản phẩm cho những người có nguồn thu chủ yếu từ việc sản xuất nông nghiệp vì đối với họ đây là công việc quen thuộc, dễ làm và họ đều có kinh nghiệm thực tế. Tuy nhiên, kỹ thuật chăm sóc, chất lượng sản phẩm sẽ là vấn đề khó khăn nếu không đảm bảo sản phẩm đủ chất lượng trở thành hàng hóa tiêu thụ.

*Hoàn cảnh gia đình:*

Để nhận diện sâu hơn nữa về hoàn cảnh phụ nữ nghèo đơn thân, thì cần tìm hiểu đặc điểm nhân khẩu xã hội của nhóm đặc trưng hầu hết của phụ nữ nghèo đơn thân đó là thiếu hụt một trong hai trụ cột chính của gia đình, đây chính là rào cản lớn đối với việc tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản của họ.



**Biểu đồ 2.5: Hoàn cảnh gia đình của phụ nữ nghèo đơn thân**

*(Nguồn: Kết quả khảo sát tháng 5/2019)*

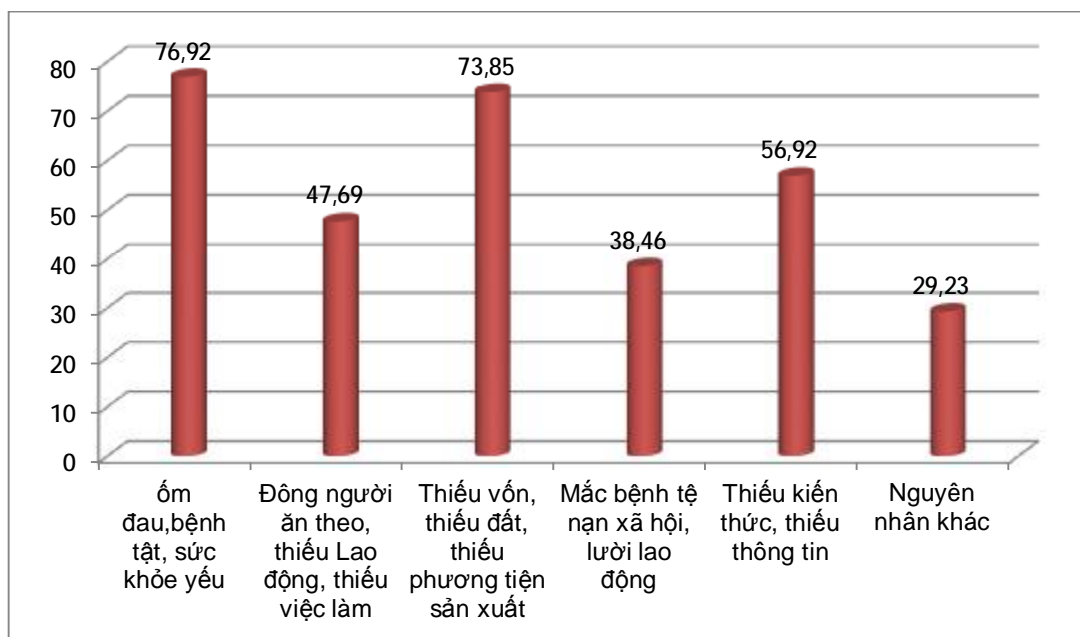
Kết quả khảo sát cho thấy trong tổng số 112 hộ nghèo có 65 hộ là phụ nữ nghèo đơn thân (đang nuôi con), tỷ lệ khiếm khuyết là 50,8 %, có 03 người, chiếm tỷ lệ 2,68 % là phụ nữ nghèo cao tuổi cô đơn, những người này hết tuổi lao động, sống chủ yếu nhờ anh em họ hàng, họ vẫn tham gia làm



việc nhưng chủ yếu là công việc nhà, không có thu nhập, 44 người phụ nữ còn lại sống cùng chồng trong gia đình nghèo, chiếm 39,29 %. Một vấn đề rất đáng được quan tâm đó là nhóm phụ nữ đơn thân có biểu hiện gia tăng trong những năm gần đây.

*Nguyên nhân nghèo:*

Nguyên nhân dẫn tới nghèo của phụ nữ nghèo đơn thân rất đa dạng, bao gồm các nguyên nhân khách quan và chủ quan, mỗi hộ có thể có nhiều nguyên nhân nghèo khác nhau, các nguyên nhân có thể chia thành 06 nhóm theo biểu đồ dưới đây:



**Biểu đồ 2.6: Nguyên nhân nghèo của phụ nữ nghèo đơn thân**

*(Nguồn: Kết quả khảo sát tháng 5/2019)*

Thực tế, mỗi hộ có nhiều nguyên nhân dẫn tới nghèo khác nhau, theo kết quả khảo sát 65 hộ phụ nữ nghèo đơn thân về nguyên nhân nghèo, Nguyên nhân do yếu tố thiếu vốn, đất sản xuất, phương tiện sản xuất có 48 người chọn, chiếm 73,85%; Nguyên nhân do ốm đau, bệnh tật, sức khỏe yếu có 50 người chọn, chiếm 76,92%; Nguyên nhân thiếu kiến thức thông tin có

37 người chọn, chiếm 56,92 %; Nguyên nhân do đông người ăn theo, thiếu lao động, thiếu việc làm có 31 người chọn, chiếm 47,69%; 25 người chọn do gia đình có người mắc tệ nạn xã hội, lười lao động chiếm 38,46%; 19 người chọn do nguyên nhân khác chiếm 29,23%. Như vậy, mỗi hộ không phải chỉ do một nguyên nhân mà có thể do vài nguyên nhân dẫn đến nghèo, điều này đặt ra nhiều thách thức đối với đội ngũ NVCTXH trong việc tìm ra những nguyên nhân chính để hỗ trợ phụ nữ nghèo đơn thân giải quyết được vấn đề họ đang gặp phải.

Trong quá trình nghiên cứu đề tài, thông qua phương pháp phỏng vấn sâu tác giả tìm hiểu nguyên nhân dẫn đến nghèo của hộ PNNĐT, phần nào làm rõ hơn cách thức nhận diện nguyên nhân nghèo tại địa bàn xã. (PVS, chị BTH – PNNĐT, nữ, 37 tuổi, xóm Lạt) chia sẻ: *“Gia đình tôi thuộc diện hộ nghèo đã nhiều năm nay, nhà chỉ có 03 mẹ con, ruộng đất thì ít, nhà có 03 người mà ai cũng có bệnh trong người, tôi thì mắc bệnh tiền đình, hàng ngày đi phụ hồ với đội thợ trong xóm mà tháng được có gần hai chục công, bản thân cũng chẳng biết chữ, tiền công thì thấp, lấy tiền không đủ mua thuốc thang, ăn uống đứa con trai lớn của tôi đang học phải nghỉ giữa chừng vì tôi không có tiền đóng học, năm ngoái nó đi đám cưới bạn trên đường về bị tai nạn giao thông, trong nhà còn gì bán được tôi đem bán hết chạy chữa cho con, thậm chí còn phải vay ngân hàng nhưng cũng không qua khỏi, người thì mất mà nợ vẫn còn, hàng tháng tôi vẫn phải chạy lo ăn, lo trả lãi, lo tiền thuốc và cố cho thằng út học hết lớp 12. Thằng út nhà tôi sức khỏe cũng yếu, đẻ ra đã bị bệnh tim, người thì cao mà không làm được việc nặng, sắp tới được nghỉ hè nó muốn xin mẹ đi làm thêm kiếm tiền nộp học phí mà không biết có làm nổi với người ta không, trong nhà bây giờ không có gì có giá trị nữa, nhà cửa cũng bị hỏng rồi, mùa mưa bão tới chưa biết phải làm sao”*.

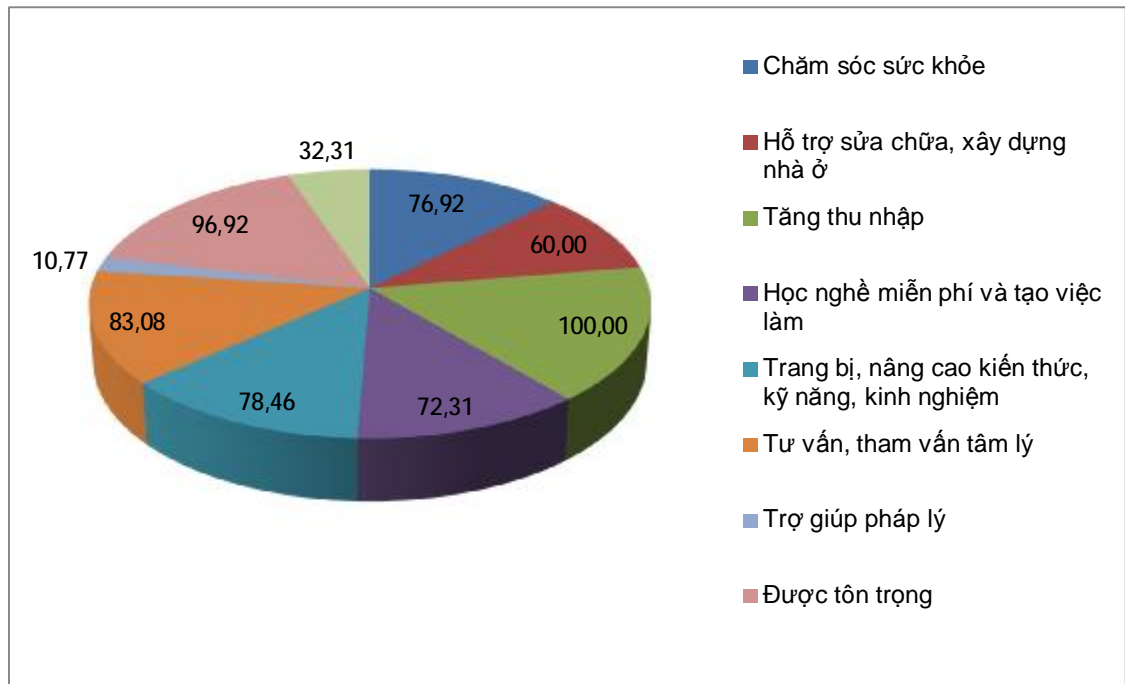
Tham dự buổi làm việc ở nhóm 2, qua quan sát có ý kiến thảo luận như sau: *“Nguyên nhân nghèo bao gồm cả những yếu tố khách quan và chủ quan,*

*trong đó phần lớn là do yếu tố khách quan mang lại như tai nạn rủi ro, ốm đau, bệnh tật, trình độ, thiếu đất, thiếu vốn..còn yếu tố chủ quan bây giờ ngoài những nguyên nhân như lười lao động cũng chưa đánh giá được hết và tôi cho là khó mà đánh giá được, bởi nó phụ thuộc vào ý thức và ý chí vươn lên của mỗi người, nhất là các hộ nghèo”.*(Thảo luận nhóm 02 - Cán bộ địa phương, ông HTQ - Phó chủ tịch UBND xã Trung Sơn - Trưởng ban giảm nghèo bền vững xã, nam, 45 tuổi).

Trên thực tế, thông qua việc quan sát đời sống hàng ngày, lối sinh hoạt, công việc, tình trạng sức khỏe của các hộ gia đình PNNĐT cũng rất khó để xác định đâu là yếu tố đầu tiên gây ra tình trạng nghèo, nguyên nhân và hậu quả lại thể hiện rất đa dạng.

Quan sát buổi làm việc nhóm cán bộ địa phương, các thành viên nhóm ngoài việc đưa ra các nguyên nhân cốt lõi dẫn đến nghèo bền vững của một số hộ PNNĐT như việc ốm đau nặng, bệnh tật, thiếu lao động, còn đưa ra được các giải pháp hữu ích hỗ trợ cho họ như: vận động các chi hội, đoàn thanh niên đến hỗ trợ ngày công lao động cho hộ trong dịp ngày mùa, hỗ trợ hộ thực hiện các thủ tục vay vốn ngân hàng để chăn nuôi bò...Đây đều là những giải pháp thiết thực phù hợp với hoàn cảnh thực tế của hộ. Qua đây cũng cho thấy nhóm làm việc đã đạt được một số hiệu quả nhất định như: Tổ chức họp được đúng các thành phần có liên quan, tìm hiểu đầy đủ các thông tin, nhu cầu, hoàn cảnh của hộ cần trợ giúp, tìm được giải pháp hỗ trợ thiết thực cho PNNĐT, vận động được PNNĐT tham gia vào kế hoạch trợ giúp của nhóm. Tuy nhiên, vẫn còn biểu hiện một số khó khăn, vướng mắc như chưa thu hút được sự quan tâm đúng mức của lãnh đạo, chính quyền địa phương trong các hoạt động nghiên cứu, tìm hiểu đối tượng, cùng sự vào cuộc của các tổ chức chính trị xã hội trên địa bàn xã, một số phản ánh về PNNĐT chưa cụ thể, chủ yếu thu thập thông qua các kênh thông tin khác như: anh em, họ hàng, hàng xóm...

Trước khi tiến hành hỗ trợ cho PNNĐT việc khảo sát hoàn cảnh, nhu cầu của phụ nữ nghèo đơn thân để xác định các vai trò mà NVCTXH sẽ sử dụng sao cho phù hợp, linh hoạt đảm bảo yếu tố cần thiết, kịp thời và hiệu quả trong việc hỗ trợ cho phụ nữ nghèo đơn thân.



**Biểu đồ 2.7: Nhu cầu của phụ nữ nghèo đơn thân**

(Nguồn: Kết quả khảo sát tháng 5/2019)

Như vậy, trong số 65 người tham gia khảo sát, 100 % các hộ đều có nhu cầu tăng thu nhập cho gia đình, 54 người có nhu cầu tham vấn tâm lý chiếm tỷ lệ 83,08%, 50 người có nhu cầu chăm sóc sức khỏe, chiếm 76,92 %, 78,46 % cần được trang bị kiến thức, kỹ năng, kinh nghiệm với 51 người chọn, cùng với đó là nhu cầu học nghề, việc làm miễn phí với 47 người chọn chiếm 72,31 %, chọn nhu cầu hỗ trợ vay vốn, phương tiện sản xuất, cùng tiếp cận các chính sách ưu đãi là 21 người, chiếm 32,31%, sửa chữa nhà ở với 39 người chọn chiếm 60 %, bên cạnh đó khảo sát còn cho thấy nhu cầu được tôn trọng của phụ nữ nghèo đơn thân có tới 63 người chọn chiếm 96,9 % là một

trong những nhu cầu rất cao, điều này còn chứng tỏ bên trong những người phụ nữ mặc cảm, tự ti vào bản thân họ đều là những con người khao khát được khẳng định mình, khao khát được tôn trọng như những người bình thường, và điều quan trọng nhất đó chính là sự thừa nhận của xã hội, rằng họ đều cũng như những người khác, ở một phương diện nào đó họ còn có những sức mạnh, ý chí và nghị lực vươn lên rất mạnh mẽ để khẳng định bản thân.

Qua khảo sát cho thấy, nhu cầu tăng thu nhập, nhu cầu được tôn trọng nhu cầu chăm sóc sức khỏe, nhu cầu tham vấn tâm lý, nhu cầu trang bị kiến thức, kỹ năng, kinh nghiệm, nhu cầu về vay vốn, phương tiện sản xuất của phụ nữ nghèo đơn thân là cao nhất. Có thể nói con người chịu tác động của tất cả các bối cảnh xung quanh, nếu không trợ giúp nhu cầu của người này nó sẽ tác động đến những nhu cầu khác. Do vậy, dựa vào những nhu cầu cao nhất mà PNNĐT cần được trợ giúp để lựa chọn những vai trò tương ứng của NVCTXH. Qua đó để thấy được các vai trò của NVCTXH đã được vận dụng phù hợp với nhu cầu của PNNĐT hay chưa và kết quả đạt được ra sao, cũng như những khó khăn tồn tại gặp phải trong quá trình vận dụng vai trò đó trong hoạt động trợ giúp.

## **2.2. Đánh giá vai trò của nhân viên công tác xã hội trong hỗ trợ phụ nữ nghèo đơn thân tại xã Trung Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình.**

Tác giả đi sâu nghiên cứu, đánh giá các vai trò của Nhân viên CTXH đã thực hiện hỗ trợ cho PNNĐT trên địa bàn xã Trung Sơn xuất phát từ đặc điểm tâm lý, nhu cầu của PNNĐT. Nhằm mục đích làm sáng tỏ hơn những vấn đề khó khăn của họ đã được NVCTXH hỗ trợ giải quyết thông qua hoạt động nào? với nội dung, hình thức và kết quả mang lại ra sao? đồng thời chỉ ra những kết quả đã đạt được và chưa đạt được. Căn cứ cơ sở đó, đưa ra một số giải pháp thông qua đánh giá các vai trò, cụ thể như sau:

### **2.2.1. Đánh giá vai trò là người vận động nguồn lực của nhân viên Công tác xã hội trong hỗ trợ phụ nữ nghèo đơn thân**

Tại địa bàn nghiên cứu xã Trung Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình, mặc dù chưa có nhân viên CTXH có chức danh, nhưng trong quá trình làm việc đã có những cán bộ làm công việc công tác xã hội, đóng vai trò như người vận động nguồn lực, cụ thể: cán bộ Hội Liên hiệp phụ nữ (HLHPN), cán bộ Hội Nông dân (HND), cán bộ Hội Chũ thập đỏ (HCTĐ), Đoàn Thanh niên (ĐTN), công chức Lao động - Thương binh & Xã hội (LĐTBXH) và các trưởng xóm. Vì vậy, trong đề tài này tác giả tập trung đánh giá vai trò của những cán bộ là người vận động nguồn lực, cũng như một số tác động nhằm nâng cao hiệu quả vận động nguồn lực của NVCTXH trong hỗ trợ PNNĐT tại xã Trung Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình.

Thông qua phương pháp thảo luận nhóm, nhóm cán bộ địa phương đã đánh giá được thực trạng vai trò là người vận động nguồn lực trong hỗ trợ PNNĐT. Có thể thấy các nguồn lực được vận dụng và phát huy tối đa hiệu quả hỗ trợ, cụ thể như sau:

*Nguồn lực từ chính sách, pháp luật của Nhà nước:*

**Bảng 2.2: Số lượng người nghèo được hỗ trợ từ nguồn lực chính sách, pháp luật của Nhà nước**

STT	Các nguồn lực	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1	Trợ cấp xã hội hàng tháng	65	37,57
2	Cấp thẻ BHYT	291	100
3	Dạy nghề theo đề án 1956	132	45,36
4	Vay vốn ngân hàng CSXH	54	48,21
5	Miễn, giảm học phí	77	44,51

6	Hỗ trợ sửa chữa, xây dựng nhà ở	07	10,76
7	Hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo thu nhập	34	30,35
8	Hỗ trợ khác	9	3,09

(Nguồn: Báo cáo kết quả giảm nghèo năm 2018, của Ban chỉ đạo giảm nghèo bền vững xã Trung Sơn)

UBND xã Trung Sơn đã thực hiện các chế độ chính sách theo quy định của Nhà nước đối với hộ nghèo: Thực hiện theo Nghị định 136/2013/CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ trợ cấp xã hội cho 65 người, chiếm tỷ lệ 37,57 % (PNNĐ đạt 100 %); Thông tư 41/2014/TTLT-BYT-BTC ngày 24/11/2014 về hướng dẫn thực hiện bảo hiểm y tế, cấp thẻ BHYT cho 291 người (trong đó có 35 BHYT cho trẻ dưới 6 tuổi), chiếm tỷ lệ 100 (%); Nghị định 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ quy định về đối tượng được miễn giảm học phí cho 77 học sinh nghèo, chiếm tỷ lệ 44,51 (%)

Hàng năm, Trung tâm học tập cộng đồng xã (TTHTCĐ) phối hợp với công chức LĐTBXH xây dựng các chương trình đào tạo dạy nghề cho lao động nông thôn, năm 2018 mở được 01 lớp móc vòng len, 01 lớp mây tre đan và 01 lớp trồng chuối tiêu hồng, thu hút được 132 học viên tham gia, chiếm tỷ lệ 45,36 % chủ yếu là lao động ở xóm Lạt, xóm Chũm và xóm Tân Sơn, tạo việc làm thêm cho thu nhập khá. Hỗ trợ 03 hộ PNNĐT mất đất sản xuất nông nghiệp tham gia các lớp dạy nghề theo Đề án 1956/QĐ-TTg năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ chiếm tỷ lệ 4,62 % trên tổng số 65 hộ PNNĐT. Trong 54 hộ nghèo, chiếm 48,21 % có 18 hộ PNNĐT, được tiếp cận vay vốn hộ nghèo theo Nghị định 78 của Chính phủ; Việc triển khai chính sách hỗ trợ nhà ở đối với hộ nghèo ở nông thôn theo Quyết định số:33/2015/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ được đặc biệt quan tâm, tại xã Trung Sơn năm 2018 có 07 hộ, chiếm tỷ lệ 10,76% được hỗ trợ xây dựng, sửa chữa nhà ở. Hỗ trợ tiền điện

cho 34 hộ nghèo thu nhập, chiếm tỷ lệ 30,35 %. Hỗ trợ khác cho 09 người, chiếm 3,09 %. [45]

Hệ thống pháp luật, chính sách xã hội, các chương trình, Đề án là môi trường pháp lý, hành chính, xã hội để các địa phương thực hiện tốt các chế độ chính sách của Đảng và Nhà nước. Tuy nhiên do thực hiện đồng bộ nên kinh phí phân bổ cho các địa phương còn hạn chế. Đối với xã Trung Sơn ngoài nguồn ngân sách được nhà nước phân bổ hàng năm, thì công tác vận động ủng hộ kinh phí các nguồn vẫn chưa được rộng khắp, chủ yếu vận động các nguồn ủng hộ trong nhân dân, người lao động tại các cơ quan, đơn vị, trường học, các tổ chức, các đơn vị doanh nghiệp... vào nguồn quỹ như: “Quỹ vì người nghèo”. Do vậy, mức đóng góp còn hạn chế, kinh phí thu được chưa cao. Năm 2018 thu được 25,5 triệu đồng. Theo kết quả khảo sát nhu cầu về nhà ở của PNNĐT tháng 5/2019 số người chọn có nhu cầu về sửa chữa, xây mới nhà ở là 39 người, chiếm tỷ lệ 60 %. Như vậy, nhu cầu về nhà ở của PNNĐT đang là một vấn đề cấp bách cần có giải pháp và sự giúp đỡ, hỗ trợ từ NVCTXH. Đặc biệt là sự quan tâm hỗ trợ hơn nữa từ chính quyền địa phương và các đơn vị, tổ chức xã hội và cộng đồng.

*Vận động nguồn lực tự nhiên:*

Xã Trung Sơn có nguồn lực tự nhiên và thiên nhiên tương đối thuận lợi do có những dãy núi đá trải dài hơn 2km theo dọc tuyến đường mòn Hồ Chí Minh, là nguồn nguyên liệu phong phú và đa dạng cho việc khai khoáng và sản xuất vật liệu xây dựng. Xã có diện tích tự nhiên tương đối rộng (1.276,3 km<sup>2</sup>), là xã có tuyến đường mòn Hồ Chí Minh chạy qua 03 xóm (xóm Bến Cuối, xóm Lộc Môn, xóm Tân Sơn), các xóm còn lại đường giao thông tương đối thuận lợi cho đi lại và buôn bán, kinh doanh dịch vụ. Khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa, lượng mưa nhiều, đất đai tương đối màu mỡ, xã có nguồn nước được cung cấp từ đập thủy điện Suối Ong, của xã Tiến Sơn, huyện Lương Sơn đồng



thời có nhiều nguồn nước từ các hang núi đá chảy ra phục vụ thuận lợi cho việc tưới tiêu và sản xuất nông nghiệp, thủy sản. Với các điều kiện rất thuận lợi trong việc thu hút các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh về đóng chân trên địa bàn xã Hiện nay, xã có 02 nhà máy xi măng với công suất mỗi nhà máy đạt 910.000 tấn/năm đến năm 2018 tiếp tục đầu tư, mở rộng điều chỉnh nâng công suất Nhà máy xi măng Trung Sơn lên 5,5 triệu tấn/năm; 01 trường Trung cấp nghề kinh tế kỹ thuật; 06 cty khai khoáng, sản xuất vật liệu xây dựng; 03 cơ sở sản xuất kinh doanh (sản xuất mi mắt giả, sản xuất than hoạt tính, sản xuất phân bón phụ gia) và 01 hợp tác xã chuối Vibra. Với nguồn lực từ tự nhiên thuận lợi, cùng chính sách mở cửa đón các nhà đầu tư vào kinh doanh, phát triển. Hàng năm, UBND xã xây dựng văn bản, kế hoạch huy động nguồn lực trong nhân dân và các đơn vị doanh nghiệp đứng chân trên địa bàn xã. Đồng thời, tổ chức các cuộc họp mời lãnh đạo các doanh nghiệp trên địa bàn tham dự, trao đổi về những khó khăn của nhân dân và chính quyền địa phương trong vấn đề: Nhà ở, dạy nghề, việc làm, kinh phí... cho các đối tượng gia đình chính sách, hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mất đất sản xuất nông nghiệp. Qua đây, vận động doanh nghiệp thực hiện trách nhiệm đóng góp các nguồn lực và kinh phí góp phần đảm bảo an sinh xã hội của địa phương vào các dịp lễ tết, các đợt huy động, vận động hàng năm. Năm 2018 giải quyết được việc làm mới cho hơn 200 lao động tại chỗ, phát triển sản xuất nông nghiệp, chăn nuôi, giải quyết vấn đề về việc làm tạo thu nhập, góp phần ổn định đời sống cho người dân. Theo kết quả khảo sát việc làm của PNNĐT tháng 4/2019 có 31 người chiếm 47,69 % làm trong lĩnh vực nông nghiệp; 13 người chiếm 20 % làm công ăn lương. Như vậy, còn 21 người có thu nhập bấp bênh, không ổn định. Trong đó: 06 người chiếm 9,25 đang làm công việc tự tạo và 07 người, chiếm 10,77 %, 05 người đi làm thời vụ và 03 người nuôi con nhỏ chưa có việc làm là những PNNĐT.

Bà N.T.D, một PNNĐT tại xóm Lộc Môn trả lời khi được hỏi gia đình chị đã được những cá nhân, cơ quan, tổ chức nào giúp đỡ khi xây dựng nhà ở?:

*“Gia đình tôi khi xây nhà được Đoàn thanh niên xóm và các chị em trong hai chi hội phụ nữ đến giúp đỡ nhà với đào móng. Chi hội phụ nữ 2 còn hỗ trợ 2 triệu đồng tiền mặt. Trong lúc gia đình tôi xong móng thì chị H cán bộ LDTBXH thông báo ra Nhà máy xi măng Trung Sơn nhận 10 tấn xi và 5 tấn mạt đá. Các chú, các bác Lãnh đạo xã cũng xuống thăm hỏi, động viên và trao cho gia đình 10 triệu đồng khi hoàn thiện nhà ở, thấy thông báo là trích từ nguồn quỹ vì người nghèo của xã năm 2018”.* (PVS, nữ, 42 tuổi, xóm Lộc Môn)

Những năm gần đây, địa phương đang trong quá trình phát triển thành xã công nghiệp của cụm vùng nam huyện Lương Sơn, một số xứ đồng đã được quy hoạch xây dựng các công ty, doanh nghiệp, đất giã dân đang thu hẹp lại, phần lớn đất nông nghiệp, đất hoa màu đã đưa vào quy hoạch xây dựng, nên việc cấp đất sản xuất nông nghiệp, cấp đất giã dân cho hộ nghèo không có đất ở hay việc hỗ trợ đấu thầu đất sản xuất nông nghiệp cho PNNĐT ngày càng khó khăn. Tình trạng ô nhiễm môi trường: khói bụi, tiếng ồn từ hai nhà máy xi măng xả thải ra môi trường còn gây ảnh hưởng tới sức khỏe và một số diện tích trồng cây ăn quả, cây rau, cây chè của người dân. Tình trạng tạm trú làm tăng dân cư, làm nảy sinh nhiều vấn đề xã hội: như các tệ nạn xã hội lô đề, cờ bạc, trộm cắp...giải quyết việc làm cho PNNĐT bị thu hồi đất nông nghiệp, vấn đề vệ sinh môi trường, vấn đề nghèo đói, chênh lệch mức sống...

(PVS, ông D.T.B - Phó giám đốc nhà máy xi măng Trung Sơn, nam, 52 tuổi) khi trả lời câu hỏi: Khó khăn nào với công ty khi tuyển dụng PNNĐT vào làm việc tại doanh nghiệp? cho biết: *“để làm việc trong môi trường công nghiệp thì yêu cầu về trình độ lao động là điều tất yếu, trong khi PNNĐT lại chưa đáp*

ứng được theo yêu cầu vì phần lớn họ trình độ thấp, cần phải đào tạo từ đầu rất mất thời gian”.

*Nguồn lực vật chất:*

**Bảng 2.3: Số lượng hộ nghèo được hỗ trợ từ nguồn lực vật chất từ năm 2014 đến năm 2018**

STT	Nội dung	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018
1	Hỗ trợ vật liệu xây dựng: xi măng, đá hộc, đá mặt...	02	03	05	04	07
2	Hỗ trợ ngày công lao động	210	124	108	152	120
3	Hỗ trợ lúa giống và phân bón	165	177	119	126	112
4	Hỗ trợ bóng đèn compact, đầu truyền hình số mặt đất	165	0	0	0	95
5	Hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo	165	177	68	72	54
6	Hỗ trợ khác...	12	31	14	28	33

*(Nguồn: Báo cáo kết quả giảm nghèo năm 2014-2018, của Ban chỉ đạo xóa đói giảm nghèo và Ban chỉ đạo giảm nghèo bền vững xã Trung Sơn)*

UBND xã là trung tâm chính trị nằm sát đường quốc lộ được xây dựng khang trang với đầy đủ các cơ sở vật chất phục vụ hiệu quả làm việc và phục vụ tiếp đón người dân, nằm ở khu vực trung tâm của 06 xóm tạo điều kiện thuận lợi cho người dân cũng như PNNĐT từ các xóm đi giao dịch các loại hồ sơ, thủ tục giấy tờ. Trên địa bàn có 01 Trạm y tế xã được trang bị đầy đủ dụng cụ y khoa và thuốc men; 03 trường học (Trường tiểu học cơ sở, Trường Trung học cơ sở, Trường Mầm Non) trong đó Trường tiểu học nằm ở xóm Lộc Môn; Trung học nằm ở xóm Bến Cuối; Trường Mầm Non chia ra các chi ở xóm Chũm, xóm Mái và xóm Bến Cuối, địa điểm chính đặt tại xóm Lộc Môn. Đường giao thông các xóm đã được cứng hóa bê tông, năm 2018 cứng hóa được 5 km đường giao thông các nhánh ở xóm Lộc Môn, xóm Chũm và xóm

Tân Sơn rất thuận lợi cho việc đưa đón con đi học cũng như các hoạt động giao thông đi lại, trao đổi, buôn bán của người dân và PNNĐT.

Công tác hỗ trợ về nhà ở cho hộ nghèo có nhà ở xuống cấp, hư hỏng nặng được lãnh đạo chính quyền địa phương quan tâm, thường xuyên chỉ đạo các xóm rà soát, hướng dẫn các hộ nghèo. Vận động các doanh nghiệp trên địa bàn hỗ trợ về vật liệu xây dựng cho các hộ như: xi măng, đá học, gạch blooc ...vv. “Quỹ Ngày vì người nghèo” hàng năm trung bình vận động ủng hộ trong nhân dân được khoảng 25 triệu đồng và được sử dụng vào mục đích hỗ trợ xây nhà đại đoàn kết cho hộ nghèo, trong đó có PNNĐT, hỗ trợ khó khăn đột xuất cho những gia đình gặp thiên tai, hỏa họa... khó khăn đột xuất theo quy định. Năm 2018, vận động được 45 tấn xi măng, trị giá 45 triệu đồng; 30 khối đá học; 50 khối đá mặt; vận động được 120 ngày công lao động từ Đoàn Thanh Niên, Chi hội phụ nữ xóm Lộc Môn, xóm Chũm hỗ trợ 07 hộ PNNĐT sửa chữa, xây mới về nhà ở. Nhiệm vụ này được UBND xã giao cho Mặt trận tổ quốc xã xây dựng kế hoạch vận động các tổ chức chính trị, huy động lực lượng của chi hội mình thực hiện hàng năm. Hội Nông dân xã được giao thực hiện nhiệm vụ phối hợp với công chức Nông nghiệp - Môi trường trao thóc giống và phân bón của Nhà nước hỗ trợ cho các hộ nghèo, hàng năm kết hợp với Ban chỉ đạo giảm nghèo xã rà soát, xin kinh phí cấp trên hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo; Công chức LĐTĐXH được giao trách nhiệm chi trả kinh phí hỗ trợ tiền điện cho những hộ nghèo, trong đó có những hộ là PNNĐT. Ngoài ra, trụ sở nhà văn hóa 06 xóm, 04 sân bóng và các trang thiết bị vật chất tại các xóm cũng thường xuyên được sử dụng, bà con nhân dân và các cháu thiếu niên nhi đồng có không gian để tổ chức các hoạt động thể dục thể thao vào các buổi chiều như: bóng chuyền hơi, bóng đá, cầu lông... Đây là địa điểm tập chung cho người dân tổ chức các buổi gia sinh hoạt hội hàng tháng, hàng quý và tổ chức các hoạt động cộng đồng khác. Xã có Trạm phát thanh có các điểm ở từng xóm

rất thuận lợi cho công tác tuyên truyền các chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước cũng như các chính sách xã hội của địa phương.

Tuy nhiên, cơ sở vật chất ở một số xóm còn nghèo nàn lại đang trong quá trình xuống cấp, như hệ thống đài, loa phát thanh ở xóm Lạt, xóm Chũm; nhà văn hoá các xóm Mái, xóm Bến Cuối, xóm Chũm có dấu hiệu hư hỏng; xóm Tân Sơn chưa có nhà văn hóa trung tâm gây khó khăn cho công tác tổ chức sinh hoạt động cộng đồng, hội họp; Chưa có sân chơi, bãi tập cho bà con nhân dân và các em thiếu nhi. Các cuộc vận động “Quỹ vì người nghèo” chưa hiệu quả, số tiền thu được chưa cao.

*Nguồn nhân lực:*

Ở cấp xã, những cán bộ là người vận động nguồn lực là: Chủ tịch Hội liên hiệp phụ nữ, Chủ tịch Hội chữ thập đỏ, Chủ tịch mặt trận tổ quốc, Chủ tịch Hội nông dân, công chức LĐTBXH. Ở xóm, khu dân cư là: Bí thư chi bộ xóm, Trưởng xóm, các Chi hội trưởng hội phụ nữ, Chi hội nông dân, Trưởng ban công tác mặt trận, chi hội người cao tuổi... với các hội viên của mình. Họ là những nhân tố có vai trò quan trọng và tầm ảnh hưởng trong thực hiện vận động nguồn lực cộng đồng. Họ là những người thực hiện chế độ chính sách của Nhà nước và là những người xây dựng, thực hiện các chương trình, chính sách riêng của địa phương liên quan trực tiếp đến PNNĐT. Họ vừa là cán bộ, cũng vừa là làng xóm láng giềng, họ chính là những người có uy tín, có tiếng nói, nên rất thuận lợi đối với việc nắm bắt thông tin và kết nối những người PNNĐT đến nguồn lực phù hợp. Cụ thể như sau:

**Bảng 2.4: Số lượng cán bộ thực hiện nhiệm vụ vận động nguồn lực tại xã Trung Sơn**

STT	Nguồn nhân lực	Số lượng (người)
1	Cán bộ thuộc Hội Liên hiệp phụ nữ	08
2	Cán bộ thuộc Hội Nông dân	08
3	Cán bộ thuộc Hội Cựu chiến binh	08
3	Cán bộ thuộc Hội Chữ thập đỏ	01
4	Cán bộ thuộc Đoàn TNCSHCM	01
5	Mặt trận tổ quốc	07
6	Thợ truyền nghề	40
7	Hội làm vườn	50
8	Thầy thuốc nam	20

(Nguồn: Báo cáo kết quả giảm nghèo năm 2018, của Ban chỉ đạo giảm nghèo bền vững xã Trung Sơn)

Kết quả thảo luận nhóm 2 - cán bộ địa phương cho biết: “Ở các xóm đều có những cá nhân có kỹ năng, tay nghề cao, những tổ, nhóm giàu kinh nghiệm, lành nghề, cụ thể như: ở xóm Lộc Môn và xóm Tân Sơn có thành lập “Hội làm vườn” với hơn 50 hội viên do ông B.X.M – Chi hội trưởng hội nông dân xóm Lộc Môn làm Chủ tịch hội, chủ yếu phát triển trồng cây bưởi diển với tổng diện tích hơn 05 ha, cho thu nhập bình quân khoảng 750 triệu/năm; diện tích cây chè là 07 ha, cho thu nhập bình quân 980 triệu đồng/năm, diện tích cây chè trồng tập chung chủ yếu ở xóm Tân Sơn; ở xóm Chũm có đội thợ xây lành nghề với hơn 30 người do ông B.V.T là tổ trưởng, trong đó có 07 người là nữ; ở xóm Bến Cuối, xóm Mái có tổ móc vòng ren với hơn 10 chị em làm

thường xuyên tại nhà chị N.T.H, xóm Bến Cuối, còn lại các chị em ở các xóm nhận hàng về nhà tranh thủ làm vào giờ nghỉ và buổi tối. Đây chính là những hạt giống tốt cần được khuyến khích, tạo điều kiện nhân rộng ra bằng các hình thức dạy nghề, truyền nghề cho người thân, người dân trong xã thông qua các hình thức nhóm, tổ”.

**Bảng 2.5: Số lượng phụ nữ nghèo đơn thân được hỗ trợ từ nguồn nhân lực**

STT	Nội dung	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1	Học nghề móc vòng ren, mây tre đan	47	72,31
2	Hướng dẫn kỹ thuật trồng và chăm sóc cây ăn quả	02	3,08
3	Bắt mạch, bấm huyệt, chữa bệnh	21	32,3
4	Ngày công lao động	15	23,07
5	Hỗ trợ khác...	7	10,76

(Nguồn: Báo cáo kết quả giảm nghèo năm 2018, của Ban chỉ đạo giảm nghèo bền vững xã Trung Sơn)

Số PNNĐT được hỗ trợ với hình thức này đã giúp cho 47 chị em PNNĐT, chiếm 72,31 % học được cách móc vòng ren, mây tre đan, cho thu nhập khoảng 300 nghìn đồng một tháng; 02 hộ chiếm tỷ lệ 3,08 % tham gia vào Hội làm vườn, được hội viên hướng dẫn, giúp đỡ kỹ thuật trồng và chăm sóc cây ăn quả, thường xuyên tham gia các lớp tập huấn, hội thảo về kỹ thuật và cây trồng; 21 người chiếm tỷ lệ 32,3 % được Hội đông y chữa trị với hơn 20 người là thầy thuốc nam ở các xóm thường xuyên tổ chức bắt mạch, bấm huyệt và bốc thuốc với giá rẻ; 15 hộ nhận được hơn 120 ngày công lao là các đoàn thanh niên học sinh, sinh viên về sinh hoạt hè tổ chức các hoạt động thiết thực, các hoạt động tình nguyện vì cộng đồng động ngay tại chính xóm mình như: dỡ nhà, xây dựng nhà ở, dọn cỏ vườn, thu hoạch ngô, lúa...vv

Xã Trung Sơn giàu truyền thống văn hóa, con người sống với nhau bằng tình làng nghĩa xóm, đoàn kết giúp đỡ nhau trong các việc ma chay, cưới hỏi. Mỗi xóm đều xây dựng được các quy định chung của xóm, đưa ra bàn bạc công khai trong các cuộc họp dân, sau đó đưa vào hương ước, quy ước của xóm để mọi người cùng thực hiện. Người dân luôn nhiệt tình giúp đỡ mọi người xung quanh. Bà B.T.A, một người dân tại xã Trung Sơn trả lời khi được hỏi: bà có sẵn lòng giúp đỡ những người PNNĐT vươn lên phát triển khi có các chương trình, dự án cần đến sự hỗ trợ của người dân không? *“Tôi rất sẵn lòng giúp đỡ trong khả năng của mình, nhưng tôi không biết nên hỗ trợ như thế nào”*. (PVS, nữ, 42 tuổi, xóm Lạt).

Mặc dù người dân vẫn giữ được nét truyền thống đoàn kết, giúp đỡ nhau tuy nhiên trình độ dân trí không đồng đều, họ chưa thể hiện được vai trò của cá nhân, chưa phát huy được sự tham gia của bản thân vào các chương trình, hoạt động VĐNL giúp đỡ cho PNNĐT.

*Nguồn lực tài chính, kinh tế:*

Hàng năm xã Trung Sơn luôn thực hiện chương trình giúp các hộ nghèo, cận nghèo tiếp cận và sử dụng vốn vay theo Nghị định 78 của Chính phủ, trong đó có PNNĐT. Ở xã có cán bộ chuyên trách phụ trách về vay vốn ngân hàng chính sách xã hội. Các tổ chức chính trị xã hội ở xã như: Chủ tịch hội Nông dân, Hội cựu chiến binh, Hội LHPN, Đoàn thanh niên làm tổ trưởng tổ vay vốn ngân hàng phụ trách các tổ, ở xóm có các Trưởng xóm đây chính là những cầu nối cho PNNĐT tiếp cận với các nguồn vốn vay từ ngân hàng chính sách. Ngoài ra các Hội còn xây dựng được các quỹ hội như: Quỹ heo đất, quỹ khuyến học, quỹ Hội chữ thập đỏ, quỹ hội nông dân... Quỹ này được đóng góp từ các hội viên theo từng tháng được sử dụng vào mục đích phục vụ cho các hoạt động sinh hoạt hội, cho hội viên vay làm vốn phát triển kinh tế, hỗ trợ khó khăn cho hội viên, tặng quà, tặng sổ tiết kiệm cho những hội viên



có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn. Từ chương trình, dự án “Nuôi heo đất” đang thực hiện tại xã Trung Sơn của Hội Chữ thập đỏ, là chương trình trao sinh kế cho người dân. Và nguồn lực từ các công ty, doanh nghiệp. Số lượng PNNĐT nhận được hỗ trợ từ nguồn lực tài chính, kinh tế cụ thể như sau:

**Bảng 2.6: Số lượng phụ nữ nghèo đơn thân được hỗ trợ từ nguồn lực tài chính, kinh tế**

STT	Nguồn tài chính, kinh tế	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1	Kinh phí từ các Cty, Doanh nghiệp	07	10,76
2	Quỹ heo đất HLHPN xã	41	63,07
3	Quỹ khuyến học xã	12	18,46
4	Quỹ Hội chữ thập đỏ xã	35	53,84
5	Quỹ Hội Nông dân xã	14	21,53
6	Vay vốn Ngân hàng chính sách xã hội huyện Lương Sơn	45	69,23
7	Vay vốn phát triển kinh tế - ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện Lương Sơn	10	15,38

(Nguồn: Báo cáo kết quả giảm nghèo năm 2018, của Ban chỉ đạo

giảm nghèo bền vững xã Trung Sơn)

Trong thảo luận nhóm 2 - cán bộ địa phương (Chị NTAH – Công chức LĐTĐ&XH, nữ, 29 tuổi) cho biết: “Trên địa bàn xã Trung Sơn hiện có 12 doanh nghiệp. Trong đó 02 có quy mô lớn còn lại các doanh nghiệp vừa và nhỏ, đây là nguồn lực có nhiều tiềm năng về tài chính. Chính quyền địa phương và cán bộ VDNL cũng xác định và đánh giá nguồn lực từ các công ty, doanh nghiệp này là rất tiềm năng và cần phải tranh thủ sự hỗ trợ đối với địa phương. Tuy nhiên cũng cần phải xem xét, nêu gương ghi nhận các công ty, doanh nghiệp trên địa bàn đã có nhiều đóng góp cho người dân và địa phương trong các sự kiện quan trọng của địa phương”.

Nguồn lực về tài chính kinh tế của địa phương còn nhiều, tuy nhiên lãnh đạo và chính quyền địa phương chưa khai thác được tối đa sự trợ giúp từ nguồn lực này. (PVS, Ông B.V.D - Chủ UBND xã Trung Sơn, nam, 51 tuổi) cho biết: “Hiện nay chúng tôi đã và đang khai thác sự hỗ trợ của các công ty, doanh nghiệp trên địa bàn đóng góp vật liệu xây dựng vào các công trình xây dựng nông thôn mới như: đường giao thông nông thôn, xây dựng nhà văn hóa, khu trung tâm, trường học, trạm y tế.. và các công trình phúc lợi khác. Tuy nhiên, sự đóng góp của các đơn vị là chưa đáng kể, và nhất là cho các đối tượng hộ nghèo cũng như hộ PNNĐT”.

*Nguồn lực xã hội:*

**Bảng 2.7: Số lượng hộ nghèo được hỗ trợ từ một số nguồn lực xã hội**

STT	Nguồn lực xã hội	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1	Quỹ ngày vì người nghèo huyện Lương Sơn hỗ trợ hộ nghèo ăn tết	112	100
2	Các tổ chức chính trị xã hội nhận đỡ đầu học sinh nghèo	06	9,23
3	Chương trình lục lạc vàng (tặng bò cho hộ nghèo)	04	6,15
4	Chương trình cấp lá yêu thương	01	1,53

(Nguồn: Báo cáo kết quả giảm nghèo năm 2018, của Ban chỉ đạo giảm nghèo bền vững xã Trung Sơn)

Nguồn lực này được cán bộ VĐNL xã Trung Sơn đánh giá bao gồm: Các chương trình, chính sách xã hội, các nhà hảo tâm, các nguồn quỹ như: “Quỹ vì người nghèo” huyện Lương Sơn, chương trình “Cấp lá yêu thương” hỗ trợ cho trẻ mồ côi, trẻ có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn... ở xã Trung Sơn, Đảng ủy xã đã đưa công tác giúp đỡ, hỗ trợ hộ nghèo vào Nghị quyết của Đảng ủy phân công trách nhiệm đỡ đầu cho 06 em học sinh năm 2018 cho tổ chức Công đoàn xã 02 trường hợp; Hội Cựu chiến binh; Hội Nông dân; Đoàn

Thanh niên; HLHPN xã mỗi đoàn thể 01 trường hợp đỡ đầu. Mục đích: Vận động hội viên, đoàn viên ủng hộ kinh phí để hỗ trợ cho các em học sinh mồ côi, có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn đóng học phí, mua sách vở, đồ dùng học tập mỗi năm là 2.300.000 đ/1 em, với tổng số tiền là 13.800.000 đồng. Kết nối với chương trình “Lục lạc vàng” đã trao 04 con bò cho 04 hộ nghèo trong đó có 03 PNNĐT được nhận bò năm 2012, cho đến nay số bò của các hộ đã cho sinh đẻ trung bình một năm 01 con, có hộ hiện nay đã có 04 con bò cái cho sinh sản đều hàng năm. Chương trình cấp lá yêu thương trợ cấp hàng tháng cho 01 em thuộc hộ PNNĐT. Từ những chương trình này đã mang đến cho hộ nghèo cũng như các hộ PNNĐT sự trợ giúp hết sức thiết thực và ý nghĩa về kế hoạch sinh kế lâu dài cho các hộ.

Tuy nhiên số lượng đối tượng được hưởng các chế độ trên còn rất ít, chỉ một số con em thuộc hộ nghèo có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn.

Ngoài hệ thống những nguồn lực (ngoại lực) trên thì nguồn lực từ chính bản thân những người phụ nữ đơn thân (nội lực) có vai trò to lớn trong việc sử dụng được tối đa hiệu quả của nguồn ngoại lực hay không là vấn đề cần được thường xuyên đánh giá để làm tốt hơn công tác vận động và xây dựng kế hoạch sử dụng đúng mục đích và hiệu quả.

*Bản thân những người phụ nữ đơn thân:*

Những người PNNĐT là những người đảm đang bởi vì trong gia đình, họ một mình làm trách nhiệm của hai vai - vừa là người phụ nữ vừa làm những công việc của người đàn ông trong gia đình. Mặt khác, họ vẫn tham gia vào các chi hội phụ nữ tại các xóm, khu dân cư, trong số họ cũng có không ít người tham gia vào các hoạt động hội như: thi nấu ăn, cắm hoa... nhân dịp các ngày lễ. Họ được mặc định như là những người có vấn đề nội tâm, tâm lý tuy nhiên họ đều đang nỗ lực cố gắng và kiên cường trong cuộc sống hàng ngày vì họ hiểu được rằng “ngoài bản thân của mình thì không có thể dựa dẫm vào

ai khác”, “mình còn làm chỗ dựa cho các con và cả gia đình”, tự bản thân họ ý thức được cần phải mạnh mẽ để có thể hoàn thành trách nhiệm của hai vai là người vợ, người cha trong gia đình. Tất cả những yếu tố đó làm nên nguồn nội lực mạnh mẽ từ trong chính bản thân họ, điều này sẽ tác động và có tính quyết định đến kết quả hỗ trợ, giúp đỡ cho vấn đề của chính bản thân họ. Bởi nếu họ không muốn, không có nội lực để tự vươn lên thì không ai có thể kéo họ đi lên được. Như vậy, chính bản thân PNNĐT trở thành nguồn nội lực hết sức quan trọng. Chị HTL, xóm Lạt chia sẻ cho câu hỏi: Trong cuộc sống có bao giờ chị cảm thấy chán nản và muốn buông xuôi không?: *“Có lúc khổ quá cũng nghĩ, nhưng chỉ nghĩ thoáng qua thôi rồi lại lao vào làm việc, tôi không sống cho một mình tôi, tôi còn sống cho con tôi và để người khác nhìn vào, dù không có người đàn ông trong nhà chị em phụ nữ chúng tôi vẫn có thể làm thay những việc của đàn ông”* (PVS, chị HTL - PNNĐT, nữ, 49 tuổi, xóm Lạt).

Trên thực tế, việc trợ giúp cho một người tương trưng như rất đơn giản. Nhưng trong công tác xã hội sự giúp đỡ từ một phía không mang lại kết quả lâu dài. Bất kỳ sự trợ giúp nào đều cần có sự đồng ý, chấp nhận sự giúp đỡ của đối tượng. Họ có đồng ý, có chấp nhận để người khác giúp đỡ mình thì bản thân họ sẽ có trách nhiệm, chủ động trong việc đưa ra quyết định và tham gia vào quá trình thực hiện kế hoạch.

Để có được nguồn nội lực mạnh mẽ cán bộ là người vận động nguồn lực cần khơi dậy những sức mạnh từ sâu bên trong PNNĐT đã bị cuộc sống cơm áo gạo tiền, những định kiến xã hội bên ngoài che lấp, làm cho họ tự đánh giá, nhận xét, tự nhận thức cảm xúc của bản thân và chính họ có sự thay đổi về cảm xúc, hành vi của mình thông qua vai trò là người tham vấn tâm lý và người giáo dục...

Quan sát các buổi thảo luận nhóm các cán bộ là người vận động nguồn lực tại xã Trung Sơn cho thấy: nhóm đã xác định được các nguồn lực cộng đồng và phân tích đánh giá được thế mạnh của mỗi nguồn lực. Trong đó nguồn lực chính sách pháp luật là hành lang pháp lý, nguồn lực tài chính kinh tế, nguồn lực con người và nguồn lực xã hội, tự nhiên là những nguồn lực mạnh của địa phương, còn lại nguồn lực về vật chất là những nguồn lực hiện còn yếu. Nguồn nội lực của PNNĐT đóng vai trò quan trọng và nguồn ngoại lực đóng vai trò thúc đẩy đối với PNNĐT.

*Các hình thức vận động nguồn lực:*

Gây quỹ: Tổ chức các đợt vận động ủng hộ tài chính trong và ngoài mạng lưới từ cá nhân, nhóm, những nhà hảo tâm, cho đến các cơ sở, đơn vị sản xuất kinh doanh, các tổ chức xã hội trong và ngoài cộng đồng.

Tổ chức các sự kiện như văn nghệ, hội thi, hội chợ, báo cáo chuyên đề (tạo quỹ từ việc bán vé tham dự hoặc kết hợp kêu gọi ủng hộ trong các dịp này có thể lồng ghép các nội dung về huy động nguồn lực trong nhân dân để hỗ trợ cho đối tượng PNNĐT).

Tổ chức cung ứng các dịch vụ như: thực hiện nghiên cứu, đánh giá, bán hàng, giao hàng (các nhóm tình nguyện viên do thanh niên thực hiện đi bán hàng hóa mà PNNĐT sản xuất như các loại nông sản: rau, củ, quả...).

Kêu gọi tình nguyện viên tham gia các hoạt động của mạng lưới như: hình thành những nhóm tình nguyện viên nhận nhiệm vụ thăm hỏi, giúp đỡ người già cô đơn, PNNĐT...người khuyết tật. Kêu gọi hỗ trợ vật chất như ủng hộ bữa ăn, thuốc chữa bệnh cho người già, ủng hộ quần áo, cặp, sách vở, xe đạp cho học sinh nghèo; Các phương tiện sinh hoạt; Vật liệu xây dựng hoặc sửa chữa nhà ở cho hộ nghèo.

Vận động các nhà chuyên môn biện hộ, giúp đỡ về thủ tục hành chính, pháp lý, hộ tịch cho các trường hợp PNNĐT cần thiết. Tóm lại những hình thức

vận động trên theo lý thuyết là phổ biến trong xây dựng mạng lưới và vận động nguồn lực. Tuy nhiên cán bộ là người vận động nguồn lực phải tùy hoàn cảnh, bối cảnh của từng người, từng xóm để vận dụng cho phù hợp, đạt hiệu quả cao.

*Lập kế hoạch vận động nguồn lực:*

Việc lập kế hoạch vận động nguồn lực được thực hiện thông qua việc các ngành, các tổ chức chính trị - xã hội UBND xã xây dựng và triển khai các văn bản, kế hoạch năm, quý và tháng; Các công văn; Chương trình; Dự án... trong đó có mục đích, yêu cầu, nội dung, phân công nhiệm vụ, thời gian tiến độ thực hiện các hoạt động trợ giúp một cách cụ thể, có chữ ký, con dấu của lãnh đạo UBND xã, dựa trên văn bản chỉ đạo từ cấp trên hoặc theo nhiệm vụ cụ thể riêng ngành mình theo từng năm, giai đoạn cụ thể với tình hình cụ thể của địa phương huy động cả hệ thống chính trị vào cuộc hỗ trợ cho đối tượng. [48]

Sau khi xây dựng kế hoạch cụ thể, UBND xã giao trách nhiệm cho bộ phận thường trực chịu trách nhiệm triển khai kế hoạch, tập huấn đến các phòng ban, ngành có liên quan phối hợp nhiệm vụ và tới các cơ quan đơn vị, các xóm, khu dân cư trực tiếp thực hiện. Việc triển khai, tập huấn kế hoạch có thể được thực hiện tại hội trường của xã hay tại các nhà văn hoá của các xóm, một số nội dung sẽ được ngành dọc cấp huyện trực tiếp tổ chức tập huấn tại Nhà văn hóa trung tâm huyện.

Các ngành, các Trưởng xóm dựa trên kế hoạch của UBND xã xây dựng kế hoạch và thực hiện nhiệm vụ của cơ sở mình, báo cáo kết quả về UBND xã theo yêu cầu của từng kế hoạch cụ thể.

Trong năm 2018, UBND xã Trung Sơn đã xây dựng được một số kế hoạch trong đó có hoạt động vận động nguồn lực như sau: Kế hoạch số 13/KH-UBND ngày 8/2/2018 về việc mở 02 lớp đào tạo nghề may và lớp móc vòng ren cho lao động nông thôn theo Đề án 1956 của Chính phủ [47];

Kế hoạch rà soát và xét duyệt trợ giúp xã hội số 32/KH-UBND ngày 15/03/2018; Kế hoạch số 55/KH-UBMTTQ ngày 22/3/2018 của Ủy ban Mặt trận tổ quốc xã về hỗ trợ xây dựng, sửa chữa nhà ở hộ nghèo bằng nguồn “Quỹ vì người nghèo” [13] vận động các tổ chức hội, nhân dân và các nhà hảo tâm, các doanh nghiệp trên địa bàn đã quyên góp ủng hộ xây dựng, sửa chữa nhà ở cho 07 hộ, trị giá 45 triệu đồng; Hội Liên hiệp phụ nữ xã đã xây dựng kế hoạch số 33/KH-HLHPN ngày 15/4/2017 triển khai xây dựng quỹ tiết kiệm của hội mục tiêu đạt 150 triệu đồng và phân đấu cho vay vốn ưu đãi được 08 hộ, tặng được sổ tiết kiệm cho 30 hội viên phụ nữ có hoàn cảnh khó khăn và 30 suất học bổng cho trẻ em vượt khó bằng việc phát động phong trào “Nuôi lợn nhựa tiết kiệm” trong hội viên [9]; Đến năm 2018 cho chị em hội viên vay vốn xây 13 nhà vệ sinh, mua được 57 thẻ BHYT tự nguyện cho thành viên trong gia đình, tổng số tiền là 210 triệu đồng. Hội chữ thập đỏ xây dựng kế hoạch số 10/KH-HCTĐ ngày 14/3/2018 ...mục tiêu phân đấu tặng 05 xe lăn cho người khuyết tật trong các gia đình khó khăn bằng hoạt động quyên góp quỹ từ hội viên và vận động các nhà hảo tâm. Ngoài ra còn các văn bản khác thể hiện việc xây dựng kế hoạch vận động nguồn lực của UBND xã Trung Sơn. Bằng việc xây dựng và triển khai các kế hoạch này sẽ giúp những cán bộ vận động nguồn lực thực hiện các hoạt động vận động nguồn lực theo hướng dẫn, lộ trình và mang lại hiệu quả cao hơn. Những kế hoạch này là kế hoạch chung trong nhiệm vụ của mỗi ngành, tổ chức chính trị xã hội, mặc dù UBND xã chưa có kế hoạch riêng về hoạt động vận động nguồn lực cho riêng PNNĐT xong trong những kế hoạch trên đều có đối tượng thụ hưởng là những người PNNĐT.

*Người thực hiện vận động nguồn lực:*

Hoạt động thực hiện vận động nguồn lực tại xã Trung Sơn không phải do một cán bộ đảm nhiệm, không phải là một người được giao nhiệm vụ mà

là có một số cán bộ chuyên môn và ngành đoàn thể phối kết hợp thực hiện cùng với các hoạt động chuyên môn của mình. Để thực hiện vận động nguồn lực đến PNNĐT, hiện nay UBND xã Trung Sơn thực hiện bằng cách giao nhiệm vụ về các cán bộ chuyên môn phụ trách, đó là: Công chức LĐTBXH xã, Chủ tịch HLHPN xã, Chủ tịch HND xã, Chủ tịch HCTĐ xã, Chủ tịch UBMTTQ xã, cùng với đó là các chi hội trưởng của các hội ở các xóm, khu dân cư và các ông bà là trưởng xóm là những người trực tiếp thực hiện hoạt động vận động nguồn lực.

Bà N.T.N - Trưởng xóm xóm Lộc Môn, xã Trung Sơn cho biết: *“Chúng tôi không có nhân viên công tác xã hội thực hiện công tác vận động nguồn lực, tuy nhiên hoạt động vận động nguồn lực trong những năm qua vẫn được thực hiện thông qua các cán bộ làm công tác vận động nguồn lực như công chức LĐTBXH, Cán bộ Hội Phụ nữ, Cán bộ Hội Nông dân, Cán bộ Hội Chữ thập đỏ, Mặt trận tổ quốc xây dựng kế hoạch trong chuyên môn ngành mình và hình thức vận động nguồn lực luôn được kết hợp với các đợt cao điểm hoặc các sự kiện lớn của địa phương để đảm bảo việc vận động nguồn lực mang tính chất chuyên nghiệp có dự toán, kế hoạch, tránh kiểu vận động nhỏ lẻ, vụn vặt, rất khó cho doanh nghiệp quyết toán cũng như trình xin ý kiến lãnh đạo cấp trên”*.(PVS, nữ, 38 tuổi).

Bà N.T.T - Chủ tịch Hội Liên hiệp phụ nữ xã cho biết: *“Thông thường chúng tôi tổ chức cuộc họp hội tại UBND xã triển khai tới các chi hội trưởng của các xóm lại tiếp tục triển khai tới các hội viên qua buổi sinh hoạt hội, ví dụ dựa vào điều kiện và tiêu chí cho vay vốn ưu đãi để các hội viên đăng ký. Khi có danh sách đăng ký chúng tôi tiến hành thẩm định và hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ, giải ngân”* (PVS, nữ, 54 tuổi)

**Bảng 2.8: Số lượng phụ nữ nghèo đơn thân được hỗ trợ từ nguồn lực cộng đồng năm 2018**



STT	Các nguồn lực	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1	Chính quyền địa phương, công an xã...	24	36.92
2	Trạm y tế xã	65	100
3	Hội LHPN xã	48	73.85
4	Ngân hàng chính sách xã hội huyện Lương Sơn	17	26.15
5	Các đơn vị, doanh nghiệp trên địa bàn	19	29.23
6	Các nhà hảo tâm, từ thiện	8	12.31
7	Anh em/ họ hàng/ làng xóm	53	81.54
8	Khác...	14	21.54

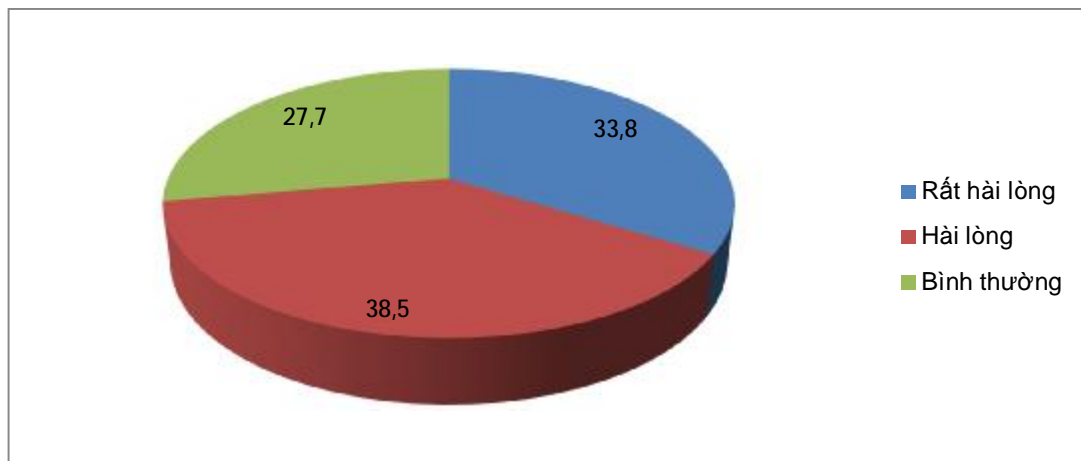
(Nguồn: Khảo sát tháng 5/2019)

Qua bảng số liệu trên cho thấy, trong tổng số 65 phụ nữ nghèo đơn thân được khảo sát các nguồn lực đã được tiếp cận hỗ, có 65 trường hợp trả lời có được hỗ trợ từ các nguồn lực cộng đồng, tỷ lệ chiếm 100 %. Như vậy, có thể thấy 100% phụ nữ nghèo đơn thân đều được tiếp cận và nhận được sự giúp đỡ, hỗ trợ từ một trong các nguồn lực cộng đồng tại địa phương.

*Kết quả vận động nguồn lực:* với mạng lưới VĐNL từ xã đến xóm đã liên hệ với các cty, doanh nghiệp xin hỗ trợ vật liệu xây dựng nhà ở cho 07 hộ nghèo có phụ nữ đơn thân, xin việc làm cho 13 chị vào làm việc dọn dẹp, tạp vụ với mức lương cơ bản đảm bảo, liên hệ xin hỗ trợ vay vốn ngân hàng cho 13 hộ nghèo, với tổng số vốn lên đến 260 triệu đồng. Như vậy, việc huy động được các nguồn lực trên cũng cơ bản tạo điều kiện hỗ trợ cho phụ nữ nghèo giải quyết được vấn đề về nguồn vốn, việc làm, nhà ở, tăng thu nhập... Hàng năm, trong các dịp lễ tết Nguyên đán các Nhà hảo tâm, từ thiện ở Hà Nội đều về tặng các xuất quà, học bổng cho các trẻ em nghèo. Việc làm này được duy trì nhiều năm, những nhà hảo tâm, từ thiện này đều là con em địa phương đi

xây dựng kinh tế thành đạt, trong quá trình tổ chức các chương trình hỗ trợ đều có sự phối hợp với Công chức LĐTBXH để tìm hiểu các gia đình có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn nhằm mục đích hỗ trợ như việc tặng 03 xuất học bổng cho 03 trẻ em thuộc hộ phụ nữ nghèo đơn thân, với tổng số tiền trị giá 18 triệu đồng.

*Mức độ hài lòng của PNNĐT:*



**Biểu đồ 2.8: Đánh giá mức độ hài lòng của phụ nữ nghèo đơn thân được tiếp cận với các nguồn lực**

*(Nguồn khảo sát tháng 6/2019)*

Kết quả khảo sát đánh giá mức độ hài lòng của phụ nữ nghèo đơn thân khi được tiếp cận với các nguồn lực hỗ trợ cho thấy: có 25 trên 65 người được hỏi cho biết hài lòng, chiếm 38,5 %; 18 người trả lời bình thường chiếm 27,7 %; chỉ có 22 người cho biết rất hài lòng chiếm 33,8 %; không có ai trả lời không hài lòng và rất không hài lòng.

Việc vận động các nguồn lực hỗ trợ PNNĐT đạt tỷ lệ vẫn còn thấp, cán bộ là người vận động nguồn lực chưa khai thác triệt để được những nguồn lực sẵn có để hỗ trợ cho đối tượng như: Người thân, họ hàng, làng xóm, các đơn vị tổ chức, xã hội....người vận động nguồn lực chưa áp dụng được nhiều những kỹ năng trong CTXH trong quá trình vận động các nguồn lực hỗ trợ

cho phụ nữ nghèo đơn thân, mà chủ yếu là kinh nghiệm thực tiễn của bản thân và kinh nghiệm trong công tác vì vậy chất lượng và hiệu quả của việc vận động nguồn lực hỗ trợ cho PNNĐT vẫn chưa cao.

Hơn nữa do đặc thù công việc, thời gian cho việc đi vận động, huy động nguồn lực còn chông chéo với các công việc khác.

### ***2.2.2. Đánh giá vai trò là người kết nối của nhân viên Công tác xã hội trong hỗ trợ phụ nữ nghèo đơn thân***

Cũng như vai trò là người vận động nguồn lực, tại địa bàn xã Trung những cán bộ như: Hội Liên hiệp phụ nữ, Hội Nông dân, Hội Chữ thập đỏ, Đoàn Thanh niên, công chức Lao động - Thương binh & Xã hội và các trưởng xóm. Cũng là những cán bộ vừa công tác nhiệm vụ chuyên môn vừa đồng thời là người kết nối. Người vận động nguồn lực và người kết nối có mối quan hệ tương tác mật thiết với nhau, chính vì vậy một người có hai vai trò đồng thời như trên sẽ có những thuận lợi nhất định trong hỗ trợ PNNĐT khi vừa nắm bắt rõ được các nguồn lực tại địa phương, vừa kịp thời biết được những nhu cầu cần thiết của PNNĐT, có thể vận động các nguồn lực một cách hiệu quả phù hợp với nhu cầu cần được kết nối.

PNNĐT gặp phải rất nhiều vấn đề xoay quanh cuộc sống của họ và họ thường có rất nhiều nhu cầu thiếu hụt cần được hỗ trợ: từ khó khăn trong tìm kiếm việc làm, vấn đề về kinh tế, giáo dục, sức khỏe... qua những khảo sát về trình độ học vấn, việc làm cũng như những nhu cầu, nguyện vọng của PNNĐT tại xã Trung Sơn đây có thể nói đây là những vấn đề cấp bách cần được hỗ trợ tháo gỡ của hộ nghèo nói chung và PNNĐT nói riêng.

Ngoài hoạt động đánh giá nhu cầu của đối tượng cán bộ kết nối cần phải xác định, đánh giá được các nguồn lực cộng đồng hiện có tại địa phương, những nguồn lực nào sẵn có, phù hợp, cần thiết đối với đối tượng. Đây cũng chính là hoạt động tìm kiếm nguồn lực trong hỗ trợ những người PNNĐT.

Qua tìm hiểu thông tin từ lãnh đạo địa phương và cán bộ kết nối tại xã Trung Sơn cho thấy: trong các cuộc họp, thảo luận nhóm có thực hiện hoạt động xác định và đánh giá các nguồn lực cộng đồng nói chung và nguồn lực cộng đồng trong hỗ trợ PNNĐT nói riêng (nguồn ngoại lực), bằng cách nắm bắt và liệt kê được những nguồn lực cộng đồng có tại địa phương, phân tích được điểm mạnh, điểm yếu của từng nguồn lực để áp dụng kết nối nguồn lực.

*Hình thức kết nối:*

Thứ nhất là thông qua cán bộ kết nối, đây là hình thức phổ biến nhất. Hình thức phổ biến thứ hai là qua các cuộc họp của chính quyền địa phương triển khai các chính sách, kế hoạch về các nội dung hỗ trợ hộ nghèo và giao nhiệm vụ cho các thành viên; đồng thời tổ chức các cuộc họp có các thành phần như các đơn vị doanh nghiệp, người dân; họp các chi hội để thông báo về nội dung và các hoạt động. Những PNNĐT đủ điều kiện tham gia đăng ký hoặc được thôn bình xét để được tham gia các chương trình và được giúp đỡ, hưởng lợi ích.

Ngoài ra, hình thức thông qua tuyên truyền trên hệ thống loa phát thanh từ xã tới các xóm, khu dân cư được sử dụng ít hơn. Một số hình thức khác như: Qua xem ti vi, nghe đài, PNNĐT biết được thông tin từ địa phương khác và liên hệ chính quyền địa phương mình hoặc cán bộ kết nối để tìm hiểu, hay qua truyền miệng - người này nói chuyện với người kia... tuy nhiên hình thức này cũng không phổ biến.

Như vậy, với các hình thức kết nối như trên thì hình thức thông qua cán bộ kết nối và qua các cuộc họp của chính quyền địa phương là hai hình thức phổ biến hơn cả, và cũng chính là những hình thức chính thống, trực tiếp và đạt được hiệu quả hơn các hình thức khác.

**Bảng 2.9: Số lượng phụ nữ nghèo đơn thân được kết nối với các nguồn lực, chính sách, dịch vụ xã hội**

STT	Các nguồn lực, chính sách, dịch vụ	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1	Dịch vụ chăm sóc sức khỏe	47	72,30
2	Dịch vụ dạy nghề, việc làm	39	60
3	Chính sách vay vốn ngân hàng	31	47,69
4	Chính sách về BHYT	65	100
5	Các đơn vị, doanh nghiệp trên địa bàn	19	29,23
6	Các nhà hảo tâm, từ thiện	65	100
7	Anh em/ họ hàng/ làng xóm	38	58,46
8	Khác...	24	36,92

(Nguồn khảo sát tháng 6/2019)

Trong tổng số 65 hộ gia đình PNNĐT được khảo sát, 100% các hộ đều được kết nối ít nhất 01 lượt tới các nguồn lực cộng đồng, không có hộ nào chưa được kết nối nguồn lực trong hỗ trợ, giải quyết vấn đề.

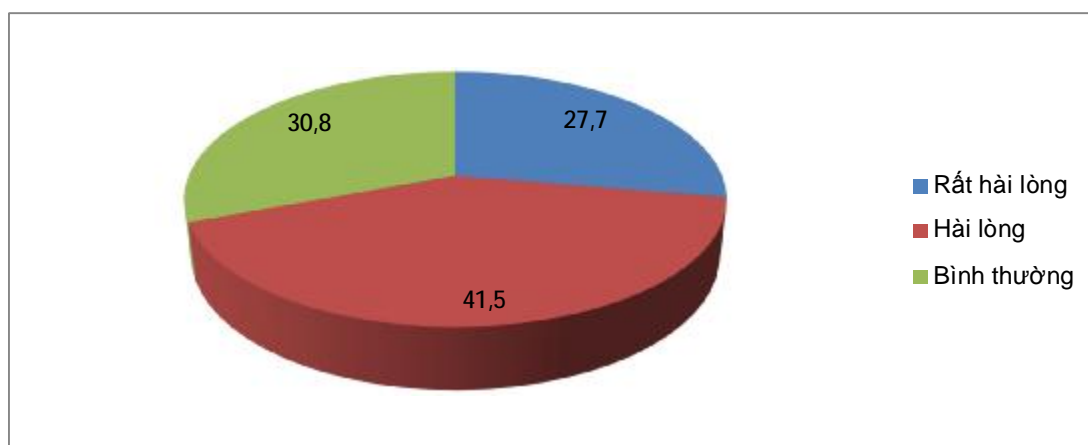
Quy trình kết nối: Sau khi nắm bắt thông tin từ cán bộ các xóm, cán bộ KNNL xuống các xóm gặp gỡ, trò chuyện và trao đổi trực tiếp với đối tượng. Trực tiếp hướng dẫn đối tượng viết đơn đề nghị hỗ trợ, có xác nhận của trưởng xóm sau đó tổng hợp và báo cáo với lãnh đạo địa phương các vấn đề khó khăn đang gặp phải và nhu cầu của hộ, đề xuất tham mưu với lãnh đạo tổ chức họp Ban chỉ đạo giảm nghèo bền vững, thảo luận, tìm các phương án giải quyết cũng như liên hệ vận động các nguồn lực sẵn có hỗ trợ cho đối tượng.

*Kết quả giới thiệu, kết nối:* hỗ trợ xin việc làm cho PNNĐT trong các doanh nghiệp trên địa bàn; 02 đơn vị dạy nghề và giới thiệu việc làm cho 39 PNNĐT, chiếm 60 %; Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn và ngân hàng chính sách xã hội huyện Lương Sơn giúp 31 hộ vay vốn ngân

hàng, chiếm 47,69 %; 01 Hợp tác xã Chuối viba hỗ trợ dạy nghề cho 12 PNNĐT; ...Hàng năm, trong các dịp lễ tết Nguyên đán kết nối được với các Nhà hảo tâm, từ thiện ở Hà Nội tặng các xuất quà cho hộ nghèo, cận nghèo, và trao các xuất học bổng cho các học sinh nghèo. Trong các hộ nghèo nói chung có PNNĐT. Việc làm này được duy trì nhiều năm, những nhà hảo tâm, từ thiện này đều là con em địa phương đi xây dựng kinh tế thành đạt, trong quá trình tổ chức các chương trình hỗ trợ đều có sự phối hợp với Công chức LĐTBXH để tìm hiểu các gia đình có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn nhằm mục đích hỗ trợ một cách hiệu quả đúng đối tượng và kịp thời.

*Người kết nối* là các cán bộ kết nối đã chủ động tìm gặp, thu thập các kênh thông tin thân cận của phụ nữ nghèo đơn thân, trực tiếp trao đổi, làm việc, nắm bắt được tâm tư tình cảm, nhu cầu của họ, cùng với hỗ trợ họ xác định được vấn đề ưu tiên của mình trong rất nhiều những vấn đề cùng gặp phải tại thời điểm. Có thể động viên, khích lệ phụ nữ nghèo đơn thân nói lên chính mong muốn của mình và những nguồn lực có thể hỗ trợ cho mình.

*Mức độ hài lòng của PNNĐT:*



**Biểu đồ 2.9: Đánh giá mức độ hài lòng của phụ nữ nghèo đơn thân được tiếp cận với các nguồn lực**

(Nguồn khảo sát tháng 6/2019)

Kết quả khảo sát đánh giá mức độ hài lòng của phụ nữ nghèo đơn thân khi được tiếp cận với các nguồn lực hỗ trợ cho thấy: có 27/ 65 người được hỏi cho biết hài lòng, chiếm 41,5 %; 20 người trả lời bình thường chiếm 30,8 %; chỉ có 18 người cho biết rất hài lòng chiếm 27,7 %; không có ai trả lời không hài lòng và rất không hài lòng.

Việc kết nối các nguồn lực hỗ trợ PNNĐT đạt tỷ lệ vẫn còn thấp, cán bộ kết nối chưa khai thác triệt để được những nguồn lực sẵn có để hỗ trợ cho đối tượng như: Người thân, họ hàng, làng xóm, các đơn vị tổ chức, xã hội....cán bộ kết nối chưa áp dụng được nhiều những kỹ năng CTXH trong quá trình vận động các nguồn lực hỗ trợ cho PNNĐT, mà chủ yếu là kinh nghiệm thực tiễn của bản thân và chỉ đạo từ cấp trên vì vậy chất lượng và hiệu quả của việc kết nối hỗ trợ cho PNNĐT vẫn chưa cao.

Dân cư trên địa bàn sống rải rác, không tâm trung nên thời gian để cán bộ kết nối gặp gỡ, tìm hiểu thông tin còn mất nhiều thời gian trong khi số lượng cán bộ làm công tác kết nối không nhiều. Một số còn phải đến gặp nhiều lần do đối tượng đi làm, gây khó khăn trong công tác hỗ trợ..

### ***2.2.3. Đánh giá vai trò là người tham vấn của nhân viên Công tác xã hội trong hỗ trợ phụ nữ nghèo đơn thân***

Để đánh giá toàn diện vai trò của NVCTXH trong hoạt động tham vấn đối với PNNĐT, tác giả tiếp xúc và PVS chị BTB- PNNĐT chị B trả lời nội dung câu hỏi chị có được NVCTXH tham vấn chưa? Nếu đã được tham vấn thì chị đã tham vấn những gì?: *“Em chưa được NVCTXH tham vấn cho lần nào, nhưng e đã được chị Chi hội trưởng chi hội phụ nữ 2 đến nhà chơi, thăm hỏi và trong những lần đó em có kể cho chị ấy nghe về hoàn cảnh của em, những điều khó khăn mà em đang gặp phải. Chị ấy chủ yếu ngồi nghe em nói là chủ yếu, thi thoảng cũng hỏi em về tâm trạng, về những cảm xúc của bản thân. Mỗi khi trò chuyện với chị ấy xong em cảm thấy mọi thứ trong em như*

*được giải tỏa ra hết, thoải mái hơn khi không được trò chuyện với ai. Trước kia em ít nói chuyện với người lạ vì không muốn người khác biết về chuyện của mình, người ta biết rồi lại đi đồn đại, bêu rếu em không thích, chỉ nói chuyện với chị T là em mới nói ra những bí mật của bản thân chị ạ”. (nữ, 29 tuổi, xóm Chũm)*

Cũng trong buổi trò chuyện này chị BTB còn cho biết mức độ hài lòng của bản thân và những mong muốn của bản thân qua câu hỏi: Chị có hài lòng về việc được tham vấn đó không? Và chị có đánh giá gì về hoạt động tham vấn của cán bộ tham vấn?: “*Em rất muốn được có người lắng nghe và chia sẻ với em nhưng lại sợ. Nhưng khi có chị T đến e cảm thấy rất vui và rất thích chị ạ, cảm giác như em có thêm một người bạn ấy có thể lắng nghe hết mọi chuyện em nói mà em lại không sợ bị lộ bí mật của mình. Em mong rằng sẽ luôn được như vậy chị ạ”.*(PVS, BTB- PNNĐT, nữ, 29 tuổi, xóm Chũm).

Hoạt động tham vấn có vai trò lớn trong việc phục hồi tâm lý, giúp giải tỏa những căng thẳng, giúp thân chủ có một sức khỏe tâm lý tốt, đương đầu với những khó khăn một cách lý trí, tránh được những sai lệch về nhận thức và hành vi. Thông qua phỏng vấn sâu có thể thấy rằng, tại địa bàn xã Trung Sơn cán bộ tham vấn trực tiếp ở đây là các cán bộ chi hội phụ nữ xóm, các chị cũng chính là thành viên trong tổ hòa giải viên cơ sở, có thể đóng vai trò nhiệm vụ vừa là người tư vấn vừa là người tham vấn.

Đối với PNNĐT là những người có vấn đề về tâm lý, tham vấn đối họ là hoạt động tất yếu cần phải có. Bởi vì đối với một người trước khi làm bất cứ việc gì thì vấn đề lý trí, tư tưởng cần phải được khai thông, nói một cách khác thì nghĩ như thế nào người ta sẽ làm như vậy. Với PNNĐT tâm lý bị tổn thương, nặng nề về cảm xúc nếu không được hỗ trợ kịp thời có thể dẫn tới những nguy cơ rối nhiễu, trầm cảm, khủng hoảng tâm lý....



Khi tham vấn cho PNNĐT các biểu hiện về nhu cầu của họ sẽ dần lộ diện. Những nhu cầu nào cần được tư vấn hoặc tham vấn cụ thể bằng các hoạt động hỗ trợ, giải pháp thân chủ đưa ra như: thân chủ bị ốm đau, sức khỏe yếu thì nhu cầu của thân chủ sẽ là: Được đi khám chữa bệnh, được cấp thuốc miễn phí, được cấp thẻ BHYT; Đảm bảo rằng sức khỏe của họ sẽ được cải thiện; Được hỗ trợ trong quá trình điều trị sức khỏe, luật pháp, tư vấn và những hỗ trợ tiếp theo. Vấn đề cốt lõi nhất trước khi thực hiện các hoạt động trợ giúp cho PNNĐT đó chính là sự đồng ý được hỗ trợ, đồng ý chính bản thân họ sẽ tham gia vào các hoạt động đó. Các hoạt động đó phải do chính họ đưa ra, bởi vì chính PNNĐT mới là người biết họ đang có những vấn đề gì, đang cần điều gì nhất, và điều gì mới là tốt cho họ và gia đình nhất. *“Thật sự, giờ em chẳng còn biết nương tựa vào đâu, em rất lo lắng cho các con, cho cuộc sống của gia đình, bản thân em bị đau ốm thường xuyên, các con thì còn nhỏ, nhờ em có mệnh hệ gì các con chẳng biết nương tựa vào đâu...”* (PVS, BTH-PNNĐT, nữ, 39 tuổi, xóm Lặt)

Sự hiểu biết về thứ bậc nhu cầu của Maslow giúp cán bộ tham vấn xác định được những nhu cầu nào trong hệ thống thứ bậc nhu cầu còn chưa được thỏa mãn tại thời điểm hiện tại, đặc biệt là các nhu cầu tâm lý của thân chủ, nhận ra khi nào thì những nhu cầu cụ thể của thân chủ chưa được thỏa mãn và cần đáp ứng. Do đó trong việc trợ giúp cho thân chủ NVCTXH không chỉ trợ giúp thân chủ thỏa mãn nhu cầu sinh lý cơ bản mà cao hơn nữa phải tập trung trợ giúp cho thân chủ nhằm giúp thân chủ thỏa mãn các nhu cầu tinh thần để sống lành mạnh hơn, có ý nghĩa hơn.

PNNĐT dù là dưới hoàn cảnh nào, thì họ cũng có những tổn thương về tinh thần. Điều đáng quan tâm ở đây là có những người họ bị đẩy vào hoàn cảnh đơn thân. Mỗi người là một cá nhân được coi là một hệ thống vi mô. Hệ

thống vi mô có 3 tiểu hệ thống: Hệ thống tâm lý, hệ thống sinh học và hệ thống hành vi và chịu sự tác động của cả hệ thống gia đình, hệ thống xã hội.

Bởi vậy nếu người phụ nữ gặp bất cứ tổn thương nào từ hệ thống gia đình, xã hội đem lại sẽ có ảnh hưởng trực tiếp đến hệ thống tâm lý, hệ thống sinh học và hệ thống hành vi và ảnh hưởng đến họ. PNNĐT phải gánh chịu những tác động từ chính hệ thống gia đình, những áp lực, gánh nặng về trách nhiệm nên họ sẽ gặp rất nhiều bất ổn trong hệ thống sinh học, tâm lý, hành vi. Vì vậy vai trò của NVCTXH trong hỗ trợ PNNĐT cần cung cấp “năng lượng, thông tin từ bên ngoài và từ hệ thống khác” để trợ giúp cho họ.

Dựa vào thuyết hệ thống NVCTXH khi làm việc với PNNĐT cũng cần thực hiện đồng thời những phương pháp công tác xã hội không chỉ với PNNĐT mà còn cả đối với gia đình và cộng đồng nhằm thực hiện đầy đủ chức năng của công tác xã hội đó là: chữa trị, phục hồi và phòng ngừa. Có thể mở rộng các dịch vụ nhằm cung cấp một số giải pháp có tính toàn diện như: cung cấp các dịch vụ về y tế, tinh thần, việc làm, vay vốn....cho PNNĐT.

**Bảng 2.10: Số lượng phụ nữ nghèo đơn thân được hỗ trợ tham vấn/ tư vấn**

STT	Nội dung tham vấn	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1	Tham vấn tâm lý	27	41,53
2	Tham vấn/ tư vấn về chăm sóc, giáo dục con cái	21	32,30
3	Tham vấn đề hòa nhập cộng đồng	10	15,38
4	Tham vấn về chăm sóc sức khỏe	25	38,46
5	Tham vấn về mối quan hệ trong gia đình	11	16,92
6	Khác.....	13	20

(Nguồn: Khảo sát tháng 6/2019)

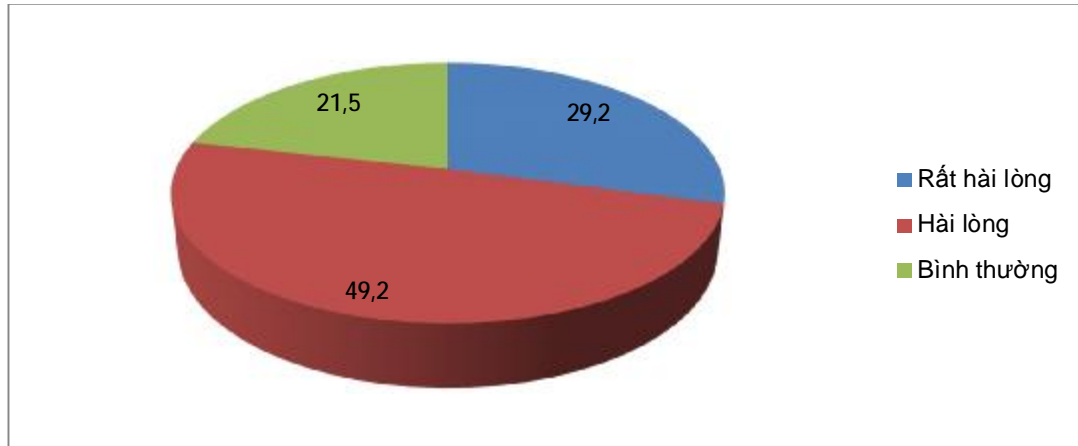
Kết quả khảo sát số lượng phụ nữ nghèo đơn thân được hỗ trợ tham vấn. Có 65 PNNĐT tham gia khảo sát tham vấn về các vấn đề xoay quanh các nhu cầu thiết yếu của PNNĐT. Trong đó nội dung tham vấn nhiều nhất là

tham vấn/ tư vấn tâm lý với 27 người, chiếm 41,53 %; tiếp đến là tư vấn chăm sóc, giáo dục con cái với 21 người, chiếm tỷ lệ 30,32 %; 25 người được tham vấn chăm sóc sức khỏe, chiếm tỷ lệ 38,46 %; 11 được người tư vấn về các mối quan hệ trong gia đình, chiếm 16,92 %; Tham vấn hòa nhập cộng đồng có 10 người, chiếm 15,38 %; và tham vấn khác có 13 người, chiếm 20 %.

Có thể thấy hiện nay các cán bộ tham vấn ở xã Trung Sơn đã thực hiện khá tốt vai trò tham vấn/ tư vấn của mình, không chỉ dừng lại ở việc động viên, an ủi, mà thông qua việc lắng nghe chia sẻ còn giúp PNNĐT giải tỏa, bộc lộ được cảm xúc của mình ra bên ngoài. Ngoài tham vấn tâm lý còn chú trọng tham vấn tới các vấn đề, các nhu cầu khác của PNNĐT. Trong đó làm tốt nhất là tham vấn tâm lý và tư vấn về chăm sóc và giáo dục con cái, chăm sóc sức khỏe bản thân và những người trong gia đình, hơn nữa các mối quan hệ xung đột trong gia đình cũng được quan tâm... Ở những nội dung tham vấn này sẽ giúp họ vượt qua được những cảm xúc tiêu cực và tự tin hơn trong cuộc sống, phần nào đó là giúp hạn chế những vấn đề về khủng hoảng tâm lý hoặc những sang chấn tâm lý cho PNNĐT.

Kết quả từ phỏng vấn sâu chị N.T.T - Chi hội trưởng chi hội phụ nữ xóm mái khi trả lời câu hỏi: Những nội dung tham vấn nào chị thường gặp khi hỗ trợ cho PNNĐT? cho biết: *“PNNĐT cần tham vấn về các vấn đề liên quan đến tâm lý xã hội như: về xử lý khủng hoảng vai trò (trách nhiệm bị chuyển đổi từ người đàn ông sang người phụ nữ, khi họ không đảm nhận được trách nhiệm này họ dễ rơi vào trạng thái khủng hoảng vai trò), tham vấn giúp giải tỏa lo lắng về vấn đề chăm sóc, giáo dục con cái. PNNĐT chỉ có con cái là nguồn động lực an ủi lớn nhất, họ cố gắng tất cả cũng là vì con cái, con cái đối với họ là quan trọng nhất chính vì vấn đề con cái làm họ không yên tâm nhất. PNNĐT không có phương giáp giáo dục con, cũng như không có đủ điều kiện vật chất để chăm sóc con cái một cách tốt nhất. Ngoài ra những*

hiểu biết mơ hồ về chính sách xã hội, sự sợ hãi kỳ thị của mọi người xung quanh vẫn còn không ít”. (nữ, 39 tuổi, xóm Mái).



**Biểu đồ 2.10: Đánh giá mức độ hài lòng của phụ nữ nghèo đơn thân được hỗ trợ tham vấn**

(Nguồn: khảo sát tháng 6/2019)

Kết quả khảo sát đánh giá mức độ hài lòng của PNNĐT về hoạt động hỗ trợ tham vấn, trong số 65 người được đánh giá thu được kết quả như sau: có 14 câu trả lời hài lòng bình thường, chiếm tỷ lệ 21,5 %; 32 người trả lời hài lòng, chiếm tỷ lệ 49,2 %; Chỉ có 19 lượt được đánh giá là rất hài lòng, chiếm 29,2 %; Không có câu trả lời không hài lòng và rất không hài lòng. Như vậy, có thể thấy vai trò hỗ trợ tham vấn ở xã Trung Sơn chưa phải là thế mạnh, chưa phải là vai trò được thực hiện nhiều trong các hoạt động hỗ trợ PNNĐT.

Trong hoạt động tham vấn cho PNNĐT cán bộ tham vấn thể hiện được các nguyên tắc giữ bí mật, các kỹ năng lắng nghe, chia sẻ trò chuyện gần gũi. Tuy nhiên, trong quá trình tham vấn còn bị nhầm lẫn giữa tư vấn và tham vấn, đôi khi sử dụng nhiều tư vấn hơn đặc biệt trong các tình huống thân chủ bối rối với các quyết định của chính mình. Hình thức tham vấn sử dụng chủ yếu là trực tiếp gặp gỡ, như vậy là chưa đa dạng hóa được các hình thức tham vấn giúp tạo sự linh hoạt, tạo được bầu không khí thoải mái, cởi mở cho các buổi

gặp gỡ với thân chủ. Ngoài ra, việc quá chú trọng vào PNNĐT mà chưa khai thác hết các góc cạnh vấn đề thông qua những người thân trong gia đình, anh em, bố mẹ của PNNĐT. Vấn đề thời gian vẫn là một trong những hạn chế lớn nhất của cán bộ tham vấn, công việc chồng chéo chưa dành được nhiều thời gian cho hoạt động tham vấn gia đình mà chủ yếu chỉ tham vấn cá nhân cho PNNĐT nên đôi khi nguồn thông tin chưa được đầy đủ.

#### ***2.2.4. Đánh giá vai trò là người giáo dục của nhân viên Công tác xã hội trong hỗ trợ phụ nữ nghèo đơn thân***

Phụ nữ nghèo đơn thân thiếu hụt nhiều kiến thức xã hội như: Các kiến thức về Bình đẳng giới, kiến thức về sức khỏe sinh sản, kiến thức về chăm sóc sức khỏe, giáo dục con cái...; các kỹ năng cần nâng cao bao gồm: Kỹ năng bảo vệ bản thân, kỹ năng bảo vệ con cái, hướng dẫn con cái khi có bạo lực hay phòng ngừa bạo lực, kỹ năng đối phó với những căng thẳng, kỹ năng giao tiếp ứng xử với mọi người xung quanh ...

Phỏng vấn sâu PNNĐT tại xã Trung Sơn trả lời về câu hỏi: Chị có hiểu biết gì về chế độ dinh dưỡng cho trẻ?: *“Ban đầu em không biết gì đâu ạ, mẹ để em giúp chăm sóc và cho con em ăn, nhưng chủ yếu là bú mẹ, mẹ bảo em làm như nào thì em làm theo như vậy, nhưng mà gia đình em cũng không có điều kiện để cho con ăn sữa bột bên ngoài nên gia đình ăn như thế nào, thì em cho con ăn đấy, thì thoảng mua thêm thùng sữa về cho con uống dần thôi chị ạ”* (PVS, chị H.T.M - PNNĐT, nữ, 19 tuổi, xóm Lộc Môn)

Ở một phỏng vấn sâu khác khi đặt câu hỏi: Chị có nắm được các chính sách xã hội đang được thực hiện cho PNNĐT ở địa phương hiện nay?, tác giả nhận được câu trả lời như sau: *“Tôi không nghe thấy thông báo hay thông tin gì trên loa đài ở xóm, thì thoảng đi họp tôi cũng không nghe thấy Trưởng xóm thông báo gì cả. Chỉ có chị A là chi hội trưởng phụ nữ làm tổ trưởng tổ vay vốn ngân hàng khi nào có hộ nghèo nào có nhu cầu vay thì chị ấy hướng dẫn*

*hồ sơ cho vay, với năm ngoái nhà tôi được cấp thẻ BHYT, được hỗ trợ tiền điện, con tôi đi học cũng được miễn giảm học phí và các khoản đóng góp ở trường, tôi thấy Nhà nước cũng rất quan tâm đến những người nghèo. Mà tiền thì hơi ít thôi”.*(PVS, chị P.TT- PNNĐT, nữ, 31 tuổi, xóm Chũm).

Ở xã Trung Sơn, vai trò là người giáo dục là một trong những vai trò được thể hiện rõ ràng và đem lại những hiệu quả rõ rệt nhất trong việc hỗ trợ cho PNNĐT. Trong suốt 05 năm qua, xã Trung Sơn đã cung cấp, nâng cao những kiến thức về pháp luật, chính sách xã hội, chính sách giảm nghèo thông qua hình thức tuyên truyền lồng ghép trong các buổi hội nghị, tập huấn, tọa đàm được tổ chức tại hội trường UBND xã và nhà văn hóa các xóm. Thông qua đó, số PNNĐT nắm được các thông tin cơ bản về chính sách trợ giúp pháp lý, chính sách xã hội như: vay vốn, tạo việc làm, chính sách dạy nghề miễn phí, chính sách dân số kế hoạch hóa gia đình...được nâng lên. Trung tâm học tập cộng đồng xã là cơ quan chịu trách nhiệm chính, đồng thời thường xuyên phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức thực hiện các kế hoạch dạy nghề, kế hoạch tuyên truyền các chính sách xã hội hàng năm tại địa phương và các xóm, khu dân cư.

Theo số liệu Báo cáo phát triển kinh tế - xã hội năm 2018, UBND xã Trung Sơn đã tổ chức được 15 các buổi hội nghị tuyên truyền về Luật BGD trong phạm vi cả xã; 8 buổi tọa đàm về dân số kế hoạch hóa gia đình; tổ chức 09 buổi tọa đàm nói chuyện chuyên đề về các vấn đề liên quan đến sức khỏe sinh sản đối với PNNĐT, phòng chống bạo lực gia đình; 02 buổi về chính sách vay vốn ngân hàng; 04 lớp dạy nghề cho hộ nghèo (02 lớp mây tre đan, móc vòng ren, 02 lớp dạy nghề trồng chuối tiêu hồng) cho hộ nghèo và PNNĐT; 19 hộ PNNĐT, chiếm 29,23 % được tiếp cận với vốn vay từ ngân hàng chính sách xã hội. Tiếp tục thực hiện hỗ trợ sinh kế cho chị em bằng các hình thức như: mở rộng một số nghề làm nón, móc vòng ren, làm chổi chít, trồng

chúoi tiêu hồng, thêu, mây tre đan....đều là những công việc đơn giản, dễ làm, có đầu ra ổn định. Những công việc này đã đem lại thu nhập tuy chưa thực sự cao nhưng ổn định, giúp chị em tạo thêm thu nhập. Đây cũng chính là nhu cầu lớn nhất của PNNĐT về mong muốn gia đình có thu nhập để ổn định đời sống. [44]

Tuy nhiên thông qua những ý kiến thu được từ phỏng vấn sâu cho thấy, những thông tin kiến thức mà PNNĐT tiếp nhận được tuy phong phú, đa dạng xong chưa hẳn chỉ là những kiến thức cơ bản, chưa đầy đủ. Các hình thức tuyên truyền đến người dân chủ yếu vẫn dựa vào việc tuyên truyền miệng, hình thức hội họp tọa đàm tuy hiệu quả và dễ dàng tiếp cận với PNNĐT nhưng lại cứng nhắc chưa mang đến sự thu hút đối với họ. Trong những năm gần đây phong trào văn hóa văn nghệ được đẩy mạnh, các hình thức tuyên truyền, vận động về nội dung: Sức khỏe sinh sản cho thanh niên, An toàn giao thông, không sinh con thứ ba, Không tảo hôn... gắn liền với nhiệm vụ an ninh - chính trị, phát triển văn hóa - xã hội của địa phương được đa dạng bằng hình thức sân khấu hóa. Qua đó vào các dịp lễ lớn của đất nước như 30/4 – 1/5 hoặc vào dịp 2/9 UBND xã Trung Sơn đã tổ chức 05 buổi Hội diễn nghệ thuật quần chúng, 02 Hội thi và 03 đêm giao lưu văn nghệ lồng ghép với các nội dung tuyên truyền như trên. Mục đích tuyên truyền nâng cao nhận thức của người dân thông qua các hình thức như: sắm vai, tiểu phẩm kịch, câu hỏi tình huống, câu hỏi lý thuyết... Đem lại niềm vui, tiếng cười, không khí vui tươi đồng thời truyền tải các thông điệp, kiến thức hữu ích thu hút đông đảo người dân ở các xóm tham gia dự thi và cổ vũ cho các đội thi. Ngoài các hình thức phổ biến trên.Hội LHPN xã đã xây dựng các kế hoạch cụ thể, cùng phối hợp với TTHTCĐ xã mở các lớp tập huấn kiến thức, các buổi tọa đàm truyền đạt kỹ năng cho PNNĐT.

**Bảng 2.11: Số lượng phụ nữ nghèo đơn thân được tập huấn, bồi dưỡng**

**kiến thức, kỹ năng**

STT	Nội dung	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1	Kiến thức chăm sóc sức khỏe, giáo dục con cái	40	61,53
2	Kỹ năng quản lý tài chính	37	56,92
3	Kỹ năng nói trước đám đông	13	20
4	Kỹ năng phỏng vấn, xin việc	46	70,76
5	Kiến thức về sử dụng vốn vay	31	47,69
6	Khác.....	15	23,07

(Nguồn: Khảo sát tháng 6/2019)

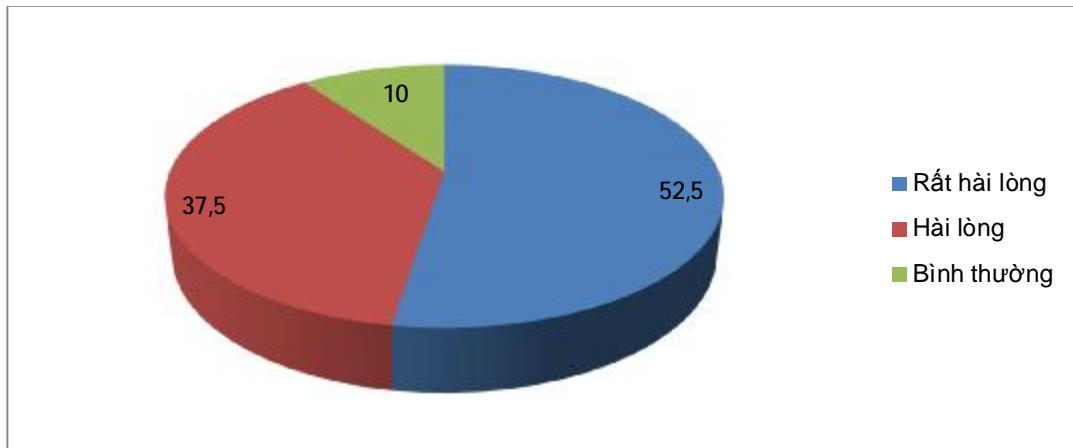
Kết quả khảo sát, đánh giá cho thấy trong 65 người tham gia vào các lớp tập huấn kỹ năng và cung cấp kiến thức nâng cao trình độ cho PNNĐT, có 46 người, chiếm tỷ lệ 70,76 % cho biết được tham gia vào lớp nâng cao kỹ năng phỏng vấn, xin việc làm; Lớp kỹ năng quản lý tài chính có 37 người chiếm 56,92 %; Lớp tập huấn nâng cao kiến thức về sử dụng vốn vay ngân hàng có 31 tham gia, chiếm 47,69 %; 13 người cho cả lớp kỹ nói trước đám đông, chiếm 20 %; có 15 lựa chọn khác chiếm 23,07 %.

Phỏng vấn sâu, chị H.T.M - chi hội trưởng chi hội phụ nữ xóm Lát về câu hỏi: Chi hội mình đã có những giải pháp gì để giúp đỡ các PNNĐT thiếu các kỹ năng và kiến thức?: *“Chúng tôi thành lập các nhóm “Cùng chia sẻ” ở các tổ và vận động các chị em PNNĐT tham gia vào các nhóm đó để quản lý, theo dõi và nắm bắt các thông tin về PNNĐT. Điểm đặc biệt là: đây chính là không gian an toàn, cởi mở, tin tưởng giữa các thành viên, trong quá trình hoạt động chị em được chia sẻ, lắng nghe về hoàn cảnh của nhau. Khi có sự hỗ trợ tác động từ bên ngoài vào một thành viên một hoàn cảnh nào đó các chị em khác có hoàn cảnh tương tự sẽ được đồng thời hỗ trợ.* (nữ 47 tuổi, xóm Lát). Cũng theo chia sẻ trên của chị M, mục đích hoạt động của nhóm “cùng chia sẻ” là tập hợp những người cùng hoàn cảnh, tạo nên sức mạnh của



nhóm đồng giúp cho người phụ nữ có thể chia sẻ cảm xúc, sự trải nghiệm để họ cảm thấy bớt cô đơn, học hỏi và động viên nhau; Tạo ra một môi trường an toàn để các thành viên trong nhóm tìm thấy sự tự tin trong cuộc sống và tìm thấy sự ủng hộ của cộng đồng; Thông qua nhóm cán bộ Hội tác động đến tình cảm và nhận thức, thay đổi cách nhìn nhận và hành vi của các thành viên trong nhóm, giúp họ đương đầu với những khó khăn trong cuộc sống; Giúp người phụ nữ có kiến thức và kỹ năng về các lĩnh vực còn thiếu như: chăm sóc con cái, chăm sóc sức khỏe, các kiến thức về luật pháp, chính sách xã hội... Đây là một hình thức hỗ trợ đem lại niềm vui sống cho nhiều chị em để bị tổn thương.

Nội dung hoạt động chính của nhóm: Trò chuyện cởi mở, thể hiện tình cảm, xây dựng lòng tự trọng, tìm các giải pháp quyết vấn đề, cung cấp thông tin và đưa ra ý tưởng, hành động an toàn, cùng trao đổi các kế hoạch, hoạt động vui chơi; Đối tượng tham gia: Cán bộ Hội LHPN xã quản lý và điều hành nhóm và PNNĐT, tuổi từ 18 đến 60 tuổi trên địa bàn xã Trung Sơn. Không giới hạn số lượng. Không phân biệt trình độ học vấn, nghề nghiệp, tôn giáo... Quyền lợi của thành viên tham gia nhóm: Tham gia miễn phí các hoạt động học tập, vui chơi, nâng cao kỹ năng của bản thân. Thành viên nhóm đóng quỹ nhóm 10.000 đ/tháng vào ngày 20 hàng tháng. Được hưởng một số hỗ trợ vật chất do quỹ của nhóm hỗ trợ như mua thẻ BHYT cho thành viên gia đình, thăm ốm đau, thai sản, các công việc hiếu, hi khác, được vay quỹ của hội để phát triển kinh tế gia đình.



**Biểu đồ 2.11: Đánh giá mức độ hài lòng của phụ nữ nghèo đơn thân về vai trò của nhân viên Công tác xã hội thông qua hoạt động giáo dục**

(Nguồn: khảo sát tháng 6/2019)

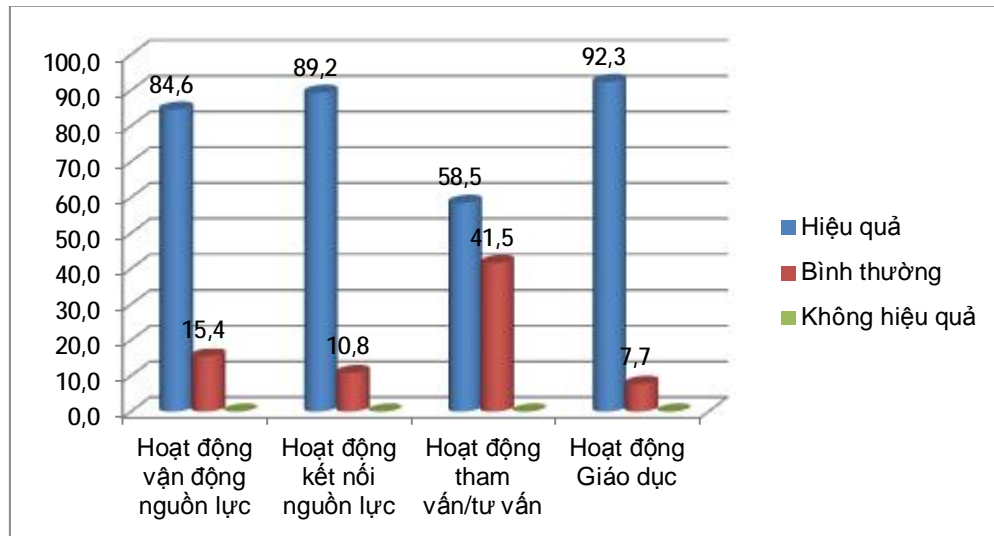
Kết quả khảo sát về mức độ hài lòng của PNNĐT về vai trò là người giáo dục trong số 40 người được hỏi có 21 câu trả lời rất hài lòng, chiếm tỷ lệ 52,5 %; 15 câu trả lời hài lòng, chiếm tỷ lệ 37,5 %; có 4 câu trả lời bình thường, chiếm tỷ lệ 10%; không có câu trả lời không hài lòng và rất không hài lòng.

Vai trò giáo dục ở xã Trung Sơn không chỉ hướng tới đối tượng chính là PNNĐT mà còn tập chung vào con cái của họ, như đối với các khoản đóng góp ở trường và tình hình học hành. Cụ thể: ở đầu năm học các trường học thường tổ chức họp phụ huynh học sinh để thông báo các khoản đóng góp (theo quy định chung và các khoản xã hội hóa), đối với học sinh thuộc hộ nghèo được miễn, giảm các khoản đóng góp theo Nghị định số 86 ngoài ra còn phải đóng góp các khoản xã hội hóa như: tiền nước uống, tiền thuê dọn dẹp vệ sinh, tiền quỹ lớp, quỹ Hội cha mẹ học sinh...đối với các khoản này NVCTXH có thể can thiệp với BGH nhà trường và Hội cha mẹ học sinh để miễn đóng cho các học sinh thuộc hộ nghèo, giúp các em giảm bớt được một khoản chi phí đầu năm học. Về tình hình học tập của học sinh thuộc hộ nghèo

khi hỗ trợ cho PNNĐT cũng được chú ý đặc biệt, một số em có học lực rất tốt nhưng chưa được đầu tư học thêm thì đề xuất các em vào các lớp chọn, lớp ôn luyện nâng cao giúp các em có điều kiện tốt hơn để học tập. Một số em có học lực yếu, lơ là học tập không theo kịp tiến độ học tập với các bạn trong lớp đã được giáo viên chủ nhiệm bố trí bạn có học lực khá kèm thêm theo hình thức “đôi bạn cùng tiến” hoặc nhận dạy kèm thêm sau giờ lên lớp.

*Đánh giá hiệu quả các hoạt động của NVCTXH trong hỗ trợ PNNĐT:*

Những hoạt động hỗ trợ của NVCTXH trên địa bàn xã Trung Sơn đã cho thấy những hiệu quả thiết thực và những kết quả hết sức phấn khởi. Tuy nhiên để biết được hoạt động nào mang đến nhiều lợi ích cho PNNĐT và cách làm đã thực sự hiệu quả hay chưa cần phải đánh giá toàn diện các hoạt động sau mỗi lần trợ giúp cho họ. Đánh giá đồng thời tất cả các hoạt động hỗ trợ của nhân viên Công tác xã hội đối với phụ nữ nghèo đơn thân để thấy những mặt tích cực đã đạt được và những mặt còn hạn chế để có giải pháp tốt hơn.



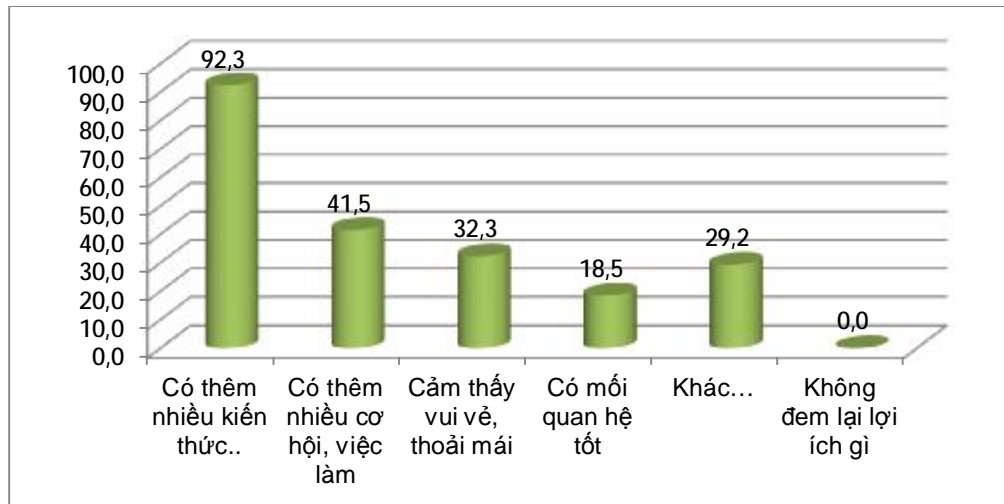
**Biểu đồ 2.12: Đánh giá các hoạt động của nhân viên Công tác xã hội trong hỗ trợ phụ nữ nghèo đơn thân**  
(Nguồn khảo sát tháng 6/2019)

Qua khảo sát các hoạt động của NVCTXH trong hỗ trợ phụ nữ nghèo đơn thân cho thấy: Đánh giá ở mức hiệu quả chiếm tỷ lệ cao nhất, sau đó đến đánh giá mức bình thường, không có đánh giá nào cho là không hiệu quả. Trong đó, hoạt động giáo dục đạt được hiệu quả cao nhất với 60/65 người chọn, chiếm 92,3 %; sau đó lần lượt là hoạt động kết nối nguồn lực với 58 người chọn, chiếm 89,2 %; hoạt động vận động nguồn lực có 55 người chọn chiếm 84,6 %; hoạt động hiệu quả thấp nhất là tham vấn/ tư vấn với 38 người cho là hiệu quả chiếm 58,5%.

Như vậy, vai trò giáo dục của NVCTXH, cán bộ thực hiện công tác giáo dục đã mang lại những hiệu quả tích cực, vô cùng hữu ích trong việc hỗ trợ cho PNNĐT cần phải được tiếp tục phát huy trong thời gian tới. Đồng thời, các cán bộ tham vấn/ tư vấn vẫn còn yếu cần rèn luyện thêm kỹ năng, các kiến thức về tham vấn, và thực hành thường xuyên. Tránh sử dụng tư vấn đối với những trường hợp có vấn đề về tâm lý. Hoạt động kết nối nguồn lực và vận động nguồn lực vẫn cần được quan tâm chú trọng, cần làm tốt hơn nữa hai hoạt động này để có thể khai thác nhiều hơn những nguồn lực, tiềm năng có sẵn ở địa phương. Hoạt động tham vấn được đánh giá thấp nhất với 38

người đánh giá là hiệu quả, 27 người đánh giá là bình thường. Các hoạt động tham vấn được thực hiện rất ít, chủ yếu là tư vấn, ở đây cũng do nhiều nguyên nhân, song qua các hoạt động cho thấy, cán bộ tham vấn chưa có kỹ năng, trình độ về tham vấn là nguyên nhân chính. Như vậy cần có những giải pháp phù hợp trong thời gian tới để làm tốt hơn vai trò là người tham vấn như được bồi dưỡng, tập huấn nâng cao trình độ, kỹ năng tham vấn ..vv giúp cán bộ tham vấn/tư vấn tự tin và thường xuyên được thực hành trong các hoạt động hỗ trợ.

*Đánh giá chung hiệu quả các hoạt động hỗ trợ:*



**Biểu đồ 2.13: Tổng hợp đánh giá chung hiệu quả các hoạt động của nhân viên công tác xã hội trong hỗ trợ phụ nữ nghèo đơn thân**

*(Nguồn: khảo sát tháng 6/2019)*

Có thêm nhiều kiến thức là hoạt động giáo dục mang đến cho PNNĐT với 60 lựa chọn, chiếm tỷ lệ 92,3%; ngoài ra việc tạo thêm nhiều cơ hội việc làm, học nghề đạt được 27 lựa chọn, chiếm 41,5%; cảm xúc thay đổi, tâm trạng PNNĐT được cải thiện với 21% người chọn, chiếm 32,3 % cũng phần nào giải tỏa được tâm lý nặng nề cho đối tượng; còn lại việc thay đổi được không khí, các mối quan hệ trong gia đình cũng chiếm 18,5 %; và điều kiện sức khỏe được nâng cao cũng chiếm 29,2 % với 19 đánh giá. Không có đánh

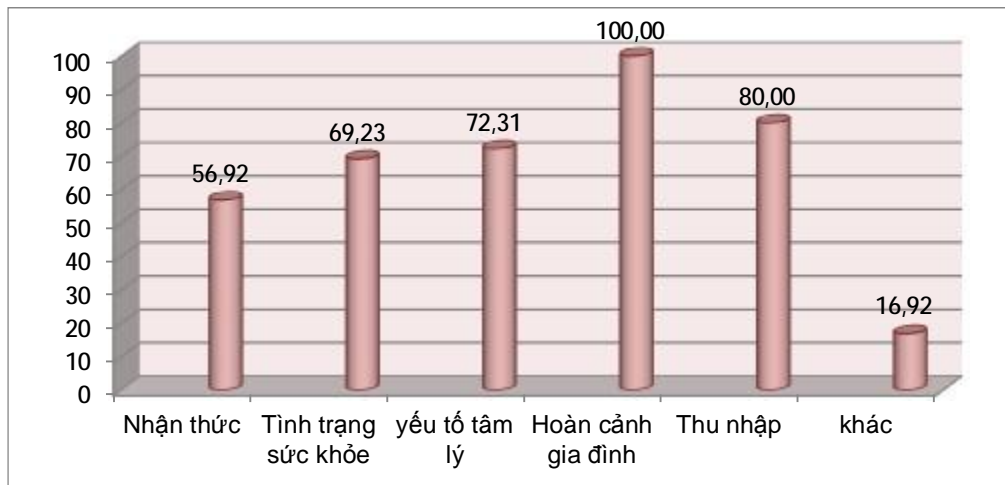
giá nào cho rằng các hoạt động hỗ trợ của NVCTXH không đem lại lợi ích gì cho họ.

Để đánh giá chính xác nhất các hiệu quả hoạt động của NVCTXH đã hỗ trợ cho PNNĐT cần phải chỉ ra được đâu là nguyên nhân chủ quan và nguyên nhân khách quan. Trong suốt quá trình hỗ trợ có không ít các yếu tố ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp tới vai trò của nhân viên công tác xã hội trong hỗ trợ PNNĐT. Trong phạm vi nghiên cứu, tác giả đề cập đến sự tác động của một số yếu tố ảnh hưởng dưới đây.

### **2.3. Một số yếu tố ảnh hưởng tới vai trò của nhân viên Công tác xã hội trong hỗ trợ phụ nữ nghèo đơn thân tại xã Trung Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình**

#### **2.3.1. Yếu tố thuộc về phụ nữ nghèo đơn thân**

Phụ nữ nghèo đơn thân chính là chủ thể trong các chương trình trợ giúp cho người nghèo, bởi vậy yếu tố thuộc về phụ nữ nghèo đơn thân có vai trò quyết định đến hiệu quả các hoạt động trợ giúp. Dưới đây là kết quả khảo sát đánh giá mức độ ảnh hưởng của yếu tố thuộc về phụ nữ nghèo đơn thân.



**Biểu đồ 2.14: Các yếu tố thuộc về phụ nữ nghèo đơn thân**

(Nguồn: kết quả khảo sát tháng 6/2019)

Kết quả khảo sát cho thấy yếu tố thuộc về phụ nữ nghèo đơn thân có ảnh hưởng đến chất lượng và hiệu quả của hoạt động trợ giúp, yếu tố này

được nhận định ảnh hưởng nhiều nhất là hoàn cảnh gia đình có 65/65 người lựa chọn phương án này chiếm 100 %, đây là một trong những đặc trưng của hầu hết hộ phụ nữ nghèo đơn thân, một gia đình bị khuyết thiếu sẽ là rào cản lớn khiến họ khó có thể tiếp cận với các dịch vụ hỗ trợ, các chính sách xã hội để thoát nghèo. Trong những gia đình khuyết thiếu người chồng đây chính là gánh nặng lớn, cũng là thiệt thòi cho những người phụ nữ này, họ thường có nguồn lực kinh tế ít hơn, ít nhân lực và ít phương tiện sản xuất, ít cơ hội tiếp cận với các dịch vụ hỗ trợ, không nhận được sự gánh vác và chia sẻ trách nhiệm từ nam giới.

Vấn đề sức khỏe là mối quan tâm hàng đầu của hầu hết các hộ gia đình phụ nữ nghèo đơn thân, tình trạng sức khỏe yếu và bệnh tật cũng là nguyên nhân chính đẩy họ vào tình trạng đói nghèo trầm trọng, yếu tố này có 45/65 người lựa chọn, chiếm 69,23 %. Sức khỏe kém ảnh hưởng trực tiếp đến sức lao động, thu nhập và chi tiêu của người nghèo, họ rơi vào vòng luẩn quẩn và phải gánh chịu hai gánh nặng: một là mất đi thu nhập từ lao động chính, hai là gánh chịu chi phí cao cho việc khám, chữa bệnh, bao gồm các chi phí trực tiếp và gián tiếp. Chi phí chữa bệnh là gánh nặng đối với người nghèo, đẩy họ tới chỗ phải vay mượn, cầm cố tài sản để có tiền trang trải chi phí, dẫn đến tình trạng càng có ít cơ hội thoát nghèo. Trong khi đó tỷ lệ tiếp cận các dịch vụ y tế, phòng bệnh, thiếu kiến thức về chăm sóc sức khỏe, chế độ dinh dưỡng của họ còn hạn chế càng làm tăng khả năng bị mắc bệnh của họ, sức khỏe kém dẫn tới mất cơ hội tìm kiếm việc làm hoặc việc làm không đảm bảo.

Thu nhập: Có 52 lựa chọn, chiếm tỷ lệ 80 % hầu hết phụ nữ nghèo đơn thân không có việc làm và nguồn thu nhập ổn định, họ vẫn lựa chọn phương án sản xuất tự cung tự cấp, phương thức sản xuất truyền thống nên giá trị sản phẩm và thu nhập không cao, họ lúng túng trong việc chuyển đổi và tìm kiếm việc làm, cơ hội để tiếp cận việc làm có thu nhập cao là rất hạn chế. Họ còn

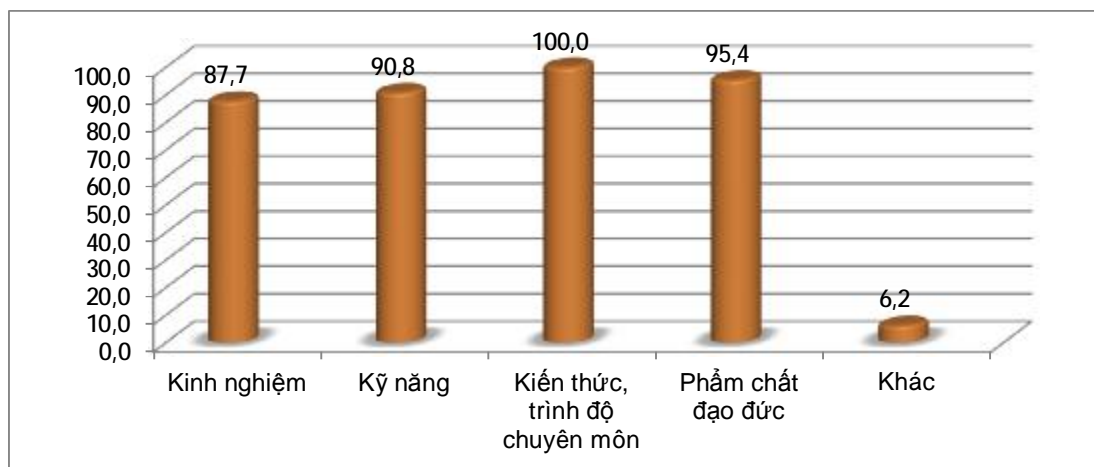
chịu thiệt thòi do các bất bình đẳng về kinh tế trong lương bổng, phải làm công việc được trả công ít hơn so với nam giới hoặc nếu có làm cùng công việc như nam giới nhưng mức tiền công vẫn bị thấp hơn, đó là thiệt thòi lớn của phụ nữ nghèo. Họ lo bươn chải cuộc sống hàng ngày, không có nhiều thời gian để tham gia các hoạt động khác.

Nhận thức: Tư tưởng trọng nam kinh nữ của một số bộ phận dân cư, tự ti coi nhẹ năng lực của phụ nữ cũng là lý do cản trở phụ nữ nghèo tiếp cận với các dịch vụ an sinh xã hội như giáo dục, việc làm...là những cản trở không nhỏ cho việc phát triển giáo dục đào tạo dạy nghề, nâng cao trình độ dân trí đối với phụ nữ. Có 37 lựa chọn, chiếm 56,92 % cho rằng nhận thức không chỉ ảnh hưởng đến thu nhập, tiếp cận các dịch vụ hỗ trợ mà còn ảnh hưởng tới các quyết định có liên quan tới mọi mặt của cuộc sống như vấn đề tiếp cận giáo dục, sinh đẻ kế hoạch, nuôi dạy con cái...ở thể hệ hiện tại mà còn cả thể hệ tương lai. Một ví dụ điển hình trên địa bàn xã Trung Sơn là trường hợp của chị NTC, 38 tuổi, hộ nghèo xóm Lặt : *“là hộ có 4 mẹ con, chị C không có chồng nhưng sinh được một người con gái năm nay 16 tuổi thì chị C mang thai thêm đứa con thứ hai. Không chồng một mình chị nuôi hai con ăn học, đứa con gái lớn của chị nghỉ học từ năm lớp 9, xin mẹ đi làm ăn ở Hà Nội. Trong khi chị C đang mang thai đứa con thứ hai thì đứa lớn cũng vắc bụng bầu về mà không rõ bố cháu là ai.. Nguyên nhân chính đó chính là vấn đề nhận thức của bản thân chị C, hơn nữa còn ảnh hưởng tới thể hệ con cháu khi cô con gái lớn của chị cũng làm mẹ đơn thân. Hàng loạt các vấn đề nảy sinh trong gia đình như : việc làm, thu nhập, học hành của con, chăm sóc sức khỏe, điều kiện sống... đã tác động lên chị làm cho chị bị ảnh hưởng tâm lý rất lớn”*. (Thảo luận nhóm cán bộ địa phương, ông B.V.V- Trưởng xóm Lặt, nam, 53 tuổi).



Yếu tố tâm lý: với 47 người lựa chọn, chiếm 72,31% có thể thấy khó khăn về tâm lý xã hội là một trong những rào cản khiến người nghèo thiếu chủ động trong việc tiếp cận các dịch vụ hỗ trợ, ngại tham gia quan hệ xã hội và hệ quả là sẽ rất khó khăn để thực hiện hóa khả năng của bản thân, nhất là trong điều kiện công tác giảm nghèo hiện nay vẫn mang tính chất đại trà, chưa thực sự đi vào chiều sâu, chú ý đến chất lượng. Điều này đã được thể hiện rất rõ khi đo về vốn xã hội của người nghèo cũng cho thấy đa phần họ chỉ quan hệ trong nhóm nghèo và người thân, vì thế khi xảy ra những biến động rủi ro trong cuộc sống thì chỉ có người thân hỗ trợ là chính, và họ cũng bị liệt kê vào đối tượng gia đình dễ bị tổn thương trước các cú sốc về mất mùa, mất việc làm, thiên tai, bệnh tật... phụ nữ nghèo gặp phải nhiều vấn đề tâm lý như tự ti, mặc cảm nên việc tiếp cận, tư vấn, tham vấn, giúp đỡ đối với một số đối tượng còn gặp nhiều khó khăn, họ cũng chưa nhận thức đầy đủ về hoạt động CTXH, họ không muốn người ngoài can thiệp vào công việc gia đình của họ, hay mất thời gian vào những việc mà họ nghĩ không mang lại lợi ích gì, đây là rào cản lớn khi tiếp cận các DVCTXH.

### 2.3.2. Yếu tố về nhân viên Công tác xã hội



**Biểu đồ 2.15: Yếu tố về nhân viên Công tác xã hội**

(nguồn : Kết quả khảo sát tháng 6/2019)

Theo kết quả khảo sát: Phẩm chất đạo đức là yếu tố nhận được 62 lựa chọn (chiếm 95,4 %) và đây cũng là quan điểm của hầu hết các thành viên trong buổi thảo luận nhóm. Với người nghèo, uy tín và đạo đức là tiêu chí họ cần ở người cán bộ nói chung, họ cần có niềm tin vào thái độ và trách nhiệm của đội ngũ này. CTXH là hoạt động chịu ảnh hưởng của nhiều mối quan hệ tương tác với con người, chất lượng và hiệu quả của hoạt động cung cấp các DVCTXH cũng như các hoạt động trợ giúp được quyết định rất lớn bởi đạo đức của NVCTXH, những người làm CTXH cần phải vô tư trước lợi ích cá nhân, xuất phát từ họ là tấm lòng và quan điểm phi lợi nhuận. Họ cần cảm thông, trấn trở những khó khăn, vất vả của người nghèo, bất bình trước sự bất công nào đó bởi những tổn thương mà người nghèo đang phải đối diện. Trải lòng về hoạt động nghề nghiệp của mình, ý kiến thảo luận nhóm 2 cho rằng: *“Công tác ở môi trường đặc biệt này, phải làm việc với toàn những người yếu thế, bần cùng, khổ sở nhất trong xã hội nếu không có tâm, không có sự cảm thông và chia sẻ thì không làm được việc”*. Thảo luận nhóm 2, chị BTA - chi hội trưởng chi hội phụ nữ xóm Lộc Môn, nữ 52 tuổi). Bởi vậy, đạo đức nghề nghiệp là các yếu tố được đánh giá là cần thiết, quan trọng cần có của NVCTXH.

Tuy nhiên yếu tố về kiến thức và trình độ chuyên môn lại được lựa chọn nhiều nhất với 64 người, (chiếm 100%). Đây là một trong những đòi hỏi quan trọng nhất của NVCTXH bởi hoạt động trợ giúp cho phụ nữ nghèo đơn thân không chỉ thực hiện bằng những tấm lòng nhân ái, CTXH càng đòi hỏi cao hơn tính chuyên nghiệp và giá trị cao quý của một nghề mang đậm tính nhân văn. Yêu cầu chuyên môn là một trong những tiêu chí để xác định tính chuyên nghiệp của nghề CTXH, người NVCTXH phải được đào tạo những kiến thức tổng hợp về con người và môi trường, về tâm lý, hành vi, về xã hội, luật pháp, chính sách, an sinh xã hội... và có kỹ năng làm việc với từng nhóm đối tượng đặc thù như: cá nhân, gia đình, nhóm và cộng đồng.

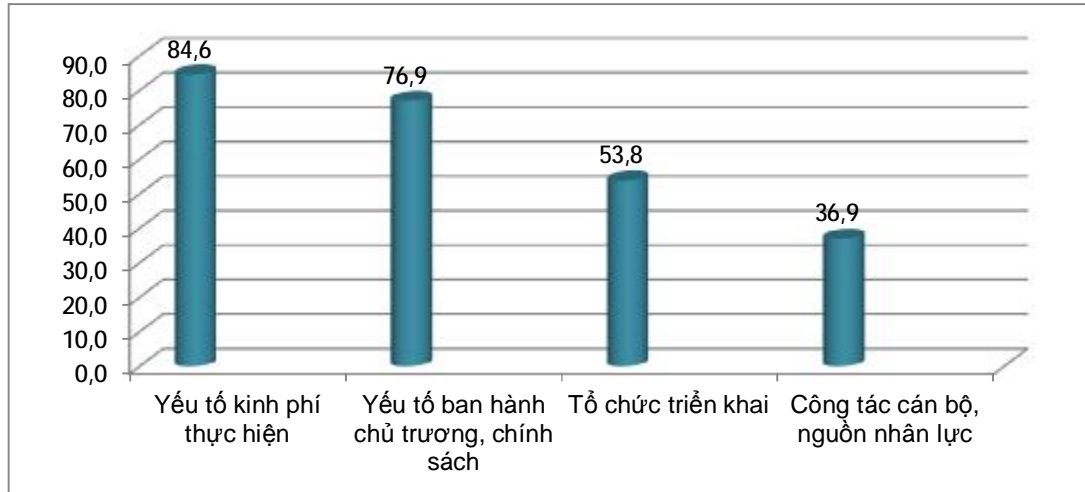
Kỹ năng không phải tự nhiên mà có, đó là quá trình học tập, thực hành, rèn luyện và trải nghiệm kết hợp với việc vận dụng kiến thức chuyên môn, đã có 59 lựa chọn (chiếm 90,8 %) cho rằng kỹ năng là một trong những yếu tố quan trọng đối với một NVCTXH khi làm việc với người nghèo họ cần phải biết vận dụng các kỹ năng một cách linh hoạt, phù hợp để giúp cho đối tượng giải quyết vấn đề và tăng cường chức năng xã hội, cải thiện mối quan hệ với môi trường xã hội. Có 57 lựa chọn (chiếm 87,7 %) cho rằng đi liền với kỹ năng là kinh nghiệm thực tiễn vì những người làm CTXH phải cần rất nhiều kỹ năng mềm, cũng như trải nghiệm thực tiễn để có thể vận dụng phù hợp và linh hoạt đối với từng hoàn cảnh, điều kiện, con người, sự việc cụ thể, vì không phải đối tượng nào cũng giống nhau hoặc có vấn đề giống nhau. Ngoài ra còn có 4 ý kiến khác (chiếm 6,2 %).

Có thể nói, hoạt động trợ giúp xã hội đã và đang được thực hiện tuy nhiên đội ngũ NVCTXH hiện nay mới đang bước đầu được hình thành và chuẩn hóa, số lượng NVCTXH so với tỷ lệ dân số của xã còn thấp, mạng lưới NVCTXH còn mỏng, CTVCTXH còn ít chưa được chuyên nghiệp hóa cả về mặt bằng kiến thức chuyên môn lẫn kinh nghiệm thực tiễn, công tác còn bộc lộ nhiều điểm yếu như chất lượng chưa đồng đều, thiếu sự liên kết, kết nối mang tính hệ thống với các cơ quan phúc lợi và các loại hình cơ sở cung cấp dịch vụ, trợ giúp xã hội chưa cao. Đa số những cán bộ trợ giúp xã hội hình thành chủ yếu ở ngành LĐTBXH, lực lượng quá mỏng lại kiêm nhiệm thêm nhiều việc, các hoạt động hiện tại mang nặng tính quản lý Nhà nước như là hướng dẫn thủ tục, thực hiện các chính sách, chỉ đạo văn bản cấp trên là chủ yếu chưa có chiến lược đào tạo, chính sách thu hút nhân tài. Vì vậy, chất lượng trợ giúp xã hội trên địa bàn vẫn còn nhiều hạn chế.

### ***2.3.3. Yếu tố thuộc về chính sách thực hiện***

CTXH là một nghề còn mới những đã có những đóng góp không nhỏ vào việc giải quyết các vấn đề tiêu cực nảy sinh trong xã hội hiện nay. Để đảm bảo các hoạt động trợ giúp đúng mục đích và ý nghĩa, yếu tố về chính

sách thực hiện đóng vai trò hết sức quan trọng, đây là hành lang pháp lý quan trọng, là tiền đề vật chất để thực hiện hoạt động trợ giúp cho đối tượng.



**Biểu đồ 2.16: Yếu tố chính sách thực hiện**

(Nguồn: khảo sát tháng 6/2019)

Với 50 người lựa chọn (chiếm 76.9%), yếu tố pháp lý quan trọng đó là ban hành chủ trương, chính sách của Nhà nước đánh cao. Đề án 32 là một chủ trương đúng đắn của Đảng và Nhà nước, là dấu mốc quan trọng trong quá trình phát triển nghề CTXH ở Việt Nam. Đến nay, chúng ta đã xây dựng được hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về phát triển nghề CTXH như : Quy định về chức danh, mã số các ngạch viên chức CTXH; Quy định tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức CTXH ; Tiêu chuẩn CTVCTXH cấp xã/phường; Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm CTXH công lập; Nghị định quy định về chế độ tiền lương đối với đội ngũ viên chức CTXH...Ngoài ra, các chủ trương chính sách Trung ương, địa phương về vấn đề giảm nghèo và bình đẳng giới cũng là tiền đề quan trọng giúp cho việc hỗ trợ phụ nữ nghèo tiếp cận với các dịch vụ xã hội được hiệu quả nhất. Đây là tiền đề quan trọng và ảnh hưởng trực tiếp tới chất lượng của hoạt động hỗ trợ, trợ giúp cho phụ nữ nghèo đơn thân.

Đi liền chủ trương, chính sách là công tác bố trí nguồn lực, kinh phí, phương tiện để thực hiện các hoạt động liên quan, đã có 55 người lựa chọn (chiếm 84.6 %) yếu tố này, bố trí kinh phí nhằm đảm bảo các điều kiện về cơ sở vật chất, đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực, kinh phí thực hiện các hoạt động, nhân viên yên tâm công tác là yếu tố quan trọng. Tại buổi thảo luận nhóm 1 có ý kiến : *“Mặc dù đã có văn bản quy định chế độ thù lao cho cộng tác viên, nhưng đến nay chúng tôi chưa nhận được, song với tinh thần và mục tiêu chung vì đối tượng chúng tôi cố gắng hết mình và làm hết tâm sức, hy vọng Nhà nước quan tâm và sớm có kinh phí cho đội ngũ cộng tác viên cũng như cán bộ cơ sở chúng tôi”*. (chị N.T.B.T - Chi hội trưởng chi hội PN2, nữ, 34 tuổi, xóm Lộc Môn).

Để chủ trương chính sách không còn mang tính hình thức văn bản và để đảm bảo hoạt động có hiệu quả thì khâu tổ chức triển khai thực hiện và bố trí nguồn nhân lực cần được quan tâm, chú trọng. Có 35 đánh giá (chiếm 53,8 %) về công tác tổ chức triển khai và 24 lựa chọn (chiếm 36,9 %) cho biết khâu tổ chức thực hiện, phân công trách nhiệm, công tác cán bộ cũng hết sức quan trọng, khi quy mô và phạm vi hoạt động hỗ trợ cũng như các dịch vụ của CTXH còn hạn chế. Hiện nay, hệ thống các tổ chức liên quan đến cung cấp dịch vụ về CTXH chủ yếu hình thành ở ngành LĐTB&XH, NVCTXH cũng chủ yếu là viên chức LĐTB&XH, chưa hình thành ở các ngành khác như y tế, giáo dục, tư pháp... Cơ chế thực hiện tập chung chủ yếu ở nhóm NVCTXH và CTV CTXH đang công tác tại địa phương, trung tâm bảo trợ xã hội, chưa có cơ chế quan tâm đến NVCTXH, CTVCTXH tại cộng đồng. Nếu được quan tâm đúng mực, quán triệt khâu tổ chức thực hiện cũng như chế tài phân công trách nhiệm tham gia giữa các ngành có liên quan, chính sách đãi ngộ tốt đối với đội ngũ nhân viên trực tiếp thực hiện tại cộng đồng thì hiệu quả hoạt động

hỗ trợ sẽ cải thiện, đó không chỉ là mong muốn nguyện vọng của người nghèo mà của cả đội ngũ thực hiện.

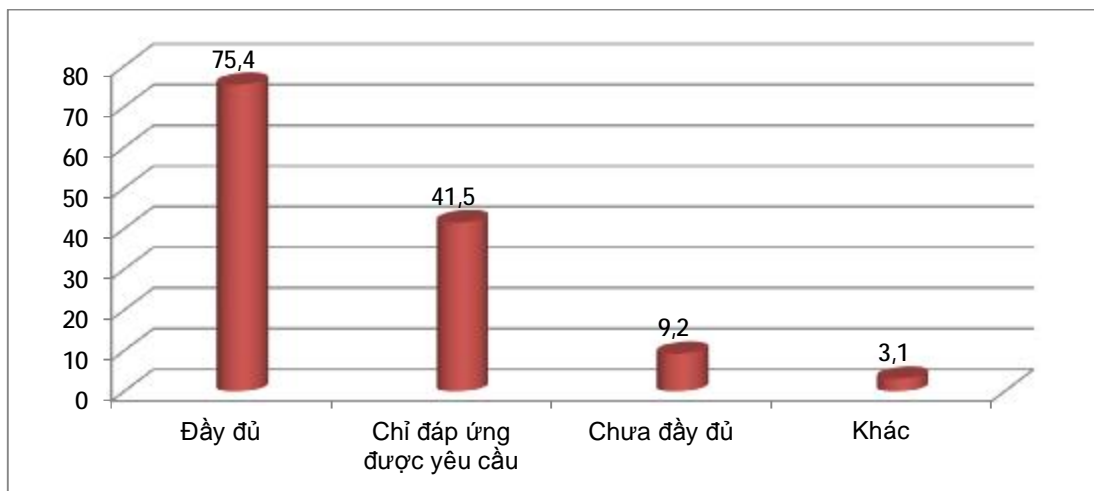
Những văn bản liên quan đến hoạt động CTXH được quy định trong các lĩnh vực cụ thể là cơ sở thuận lợi cho việc bổ sung, điều chỉnh, xây dựng các quy định pháp luật về nghề CTXH trong thời gian tới. Việc tổ chức thực hiện các quy định có liên quan đến CTXH về cơ bản đã được các cấp Ủy Đảng, chính quyền, lãnh đạo cùng các ban ngành, đoàn thể quan tâm chỉ đạo triển khai và đã đạt được nhiều kết quả đáng phấn khởi. Song, các quy định pháp luật trong lĩnh vực liên quan đến CTXH chưa được xác định rõ ràng, vẫn còn thể hiện sự thiết hụt, khoảng trống, chồng chéo, rải rác, thiếu đồng bộ và bất cập trong quá trình triển khai, thực hiện đặc biệt là nhiều bất cập trong các chính sách hỗ trợ người nghèo; Các hình thức trợ giúp chưa phong phú đa dạng, chất lượng cũng như hiệu quả còn hạn chế, mang nặng tính quản lý nhà nước. Thêm vào đó, phương thức can thiệp giải quyết vấn đề chủ yếu là xử lý vấn đề khi sự việc đã xảy ra chứ chưa chú trọng đến biện pháp phòng ngừa, do vậy kết quả đạt được chưa cao; chưa có chiến lược phát triển toàn diện mạng lưới NVCTXH, thiếu chế độ đãi ngộ đặc thù và bộ máy hoạt động chưa hiệu quả, đây chính là rào cản rất lớn khiến cho các hoạt động trợ giúp, hỗ trợ cho đối tượng của NVCTXH bị hạn chế không phát huy được hết tính ưu việt của bản chất hoạt động hỗ trợ.

#### ***2.3.4. Yếu tố liên quan đến chính quyền địa phương***

Yếu tố liên quan đến chính quyền địa phương cần phải nhắc đến đó chính là về nhận thức và sự quan tâm. Đánh giá nhận thức và sự quan tâm của chính quyền địa phương ở cấp cơ sở nhiều nghiên cứu cho rằng việc trợ giúp, hỗ trợ cho đối tượng thông qua hoạt động của đội ngũ NVCTXH, cũng như hiểu hết được ý nghĩa và tầm quan trọng của vai trò NVCTXH và nghề CTXH thì chính quyền địa phương đóng vai trò hết sức quan trọng nhất là đối

với hoạt động hỗ trợ người nghèo, nếu như người nghèo chưa thể tự vượt ra khỏi vòng luẩn quẩn của nghèo đói thì các chính sách can thiệp trực tiếp thông qua hoạt động thực thi chính sách của chính quyền cấp cơ sở có thể phá vỡ vòng luẩn quẩn đó.

Đánh giá nhận thức của chính quyền địa phương về vai trò của NVCTXH với phụ nữ nghèo đơn thân theo ý kiến của 65 người được khảo sát, thu được kết quả như sau:



**Biểu đồ 2.17: Nhận thức của chính quyền địa phương**

(Nguồn : Kết quả khảo sát tháng 6/2019)

Tổng hợp kết quả khảo sát cho thấy có 49 người được hỏi (chiếm 75,38 %) lựa chọn cho rằng nhận thức của chính quyền địa phương là đầy đủ. có 27 (chiếm 41,54 % lựa chọn cho rằng nhận thức của địa phương chỉ đáp ứng được nhu cầu, tức là họ làm theo chỉ thị, chỉ đạo cấp trên, giải quyết theo đúng các quy định Nhà nước nếu đáp ứng đủ nhu cầu hoặc giải quyết khi có vấn đề phát sinh. Có 6 ý kiến (chiếm 9,23 %) cho rằng chính quyền địa phương chưa nhận thức được đầy đủ, có 2 ý kiến khác (chiếm 3,08 %).

Tại buổi thảo luận nhóm 1 có ý kiến: “*Cấp ủy Đảng, chính quyền xã vẫn còn tình trạng thiếu quan tâm, chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện các chủ trương của Đảng, Nhà nước về hỗ trợ cho PNNĐT. Các chủ trương*

*thực hiện chưa được đầy đủ, vẫn còn biểu hiện “khoán trắng” cho bộ phận LĐTB&XH, chưa quan tâm đến công tác tuyển và đào tạo đội ngũ công tác viên CTXH, chưa bố trí kinh phí hỗ trợ cho công tác viên CTXH”.* (Thảo luận nhóm 2 - Cán bộ địa phương, chị N.T.A.H - công chức LĐTBXH xã Trung Sơn, nữ, 30 tuổi).

Nhận thức về vai trò của NVCTXH tuy có nhiều chuyển biến nhưng nhìn chung chưa đồng bộ, chưa tạo được sự chuyển biến mạnh mẽ trong hệ thống chính trị và quá trình tổ chức thực hiện, dẫn đến sự phối hợp thực hiện, đầu tư nguồn lực để phát triển nghề tại địa phương còn nhiều hạn chế, người dân còn e dè, thiếu chủ động trong tiếp cận các dịch vụ còn chính quyền địa phương thì còn thiếu quan tâm, thiếu chỉ đạo sát sao, bên cạnh đó hình thức trợ giúp chưa phong phú và chất lượng còn hạn chế, chưa có chính sách đặc thù; chưa huy động được các nguồn lực và thiếu sự phối hợp liên ngành; các hoạt động hiện tại mang nặng tính quản lý nhà nước hơn là hỗ trợ cung cấp các dịch vụ, chính sách, nguồn lực cho các đối tượng có hoàn cảnh đặc biệt, nhằm giúp họ tự giải quyết các vấn đề xã hội nảy sinh; nhận thức về nghề CTXH còn hạn chế; các ngành, các cấp, chính quyền địa phương và người dân chưa biết đến tầm quan trọng của vai trò nhân viên CTXH. Từ thực tế trên đòi hỏi cần có nhiều hơn nữa sự chung tay, chung sức của các hệ thống chính trị, cả cộng đồng với sự phát triển của nghề CTXH nói chung và chức danh nghề nghiệp của NVCTXH nói riêng.

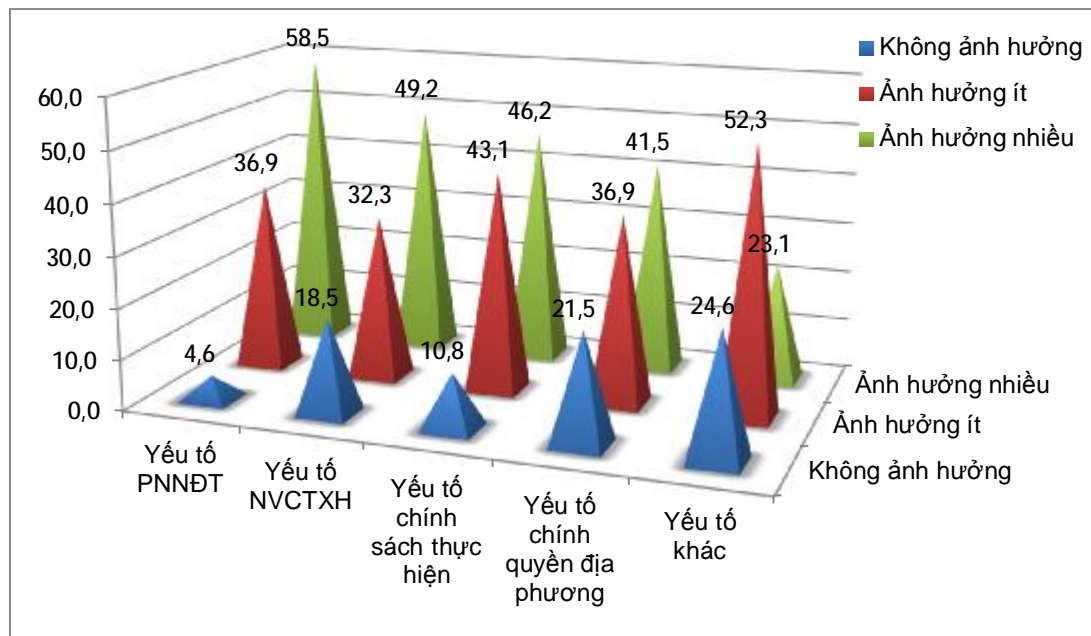
### **2.3.5. Yếu tố khác**

Công tác truyền thông nâng cao nhận thức của cán bộ lãnh đạo địa phương và người dân về tầm quan trọng, vai trò của CTXH nói chung và vai trò của NVCTXH nói riêng, cùng với việc ứng dụng phương pháp CTXH sẽ mang lại hiệu quả thiết thực trong trợ giúp PNNĐT, đồng thời góp phần đổi mới tổ chức hoạt động CTXH tại địa phương. Điều này sẽ tác động đến ý thức trách nhiệm và tinh thần học hỏi nâng cao trình độ chuyên môn CTXH. Công tác truyền thông cho PNNĐT sẽ giúp họ thấy được lợi ích khi tham gia các



hoạt động hỗ trợ từ NVCTXH trong nhóm, thấy được trách nhiệm của mình đối với mọi người xung quanh, đặc biệt đối với thành viên nhóm. Sự chia sẻ, động viên sẽ giúp nhau san sẻ niềm vui, nỗi buồn, thỏa mãn các nhu cầu cơ bản của thành viên nhóm, cũng như đạt được mục tiêu chung của nhóm.

*So sánh mức độ các yếu tố ảnh hưởng đến vai trò của NVCTXH trong hỗ trợ PNNĐT:*



**Biểu đồ 2.18: So sánh mức độ các yếu tố ảnh hưởng đến vai trò của nhân viên Công tác xã hội trong hỗ trợ phụ nữ nghèo đơn thân**

(Nguồn: khảo sát tháng 6/2019)

Yếu tố thuộc về PNNĐT là yếu tố có ảnh hưởng nhiều nhất tới vai trò của NVCTXH trong hỗ trợ PNNĐT. Sự tham gia của phụ nữ vào hoạt động giảm nghèo là nhân tố quyết định sự thành công của quá trình trợ giúp, yếu tố thuộc về phụ nữ nghèo đơn thân có tầm ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động hỗ trợ người nghèo. Ngoài những nguồn lực mà phụ nữ nghèo đơn thân hiện đang có thì họ đang gặp phải rất nhiều trở ngại từ chính bản thân họ: những rào cản về mặt tâm lý đang khiến họ mang trong mình tư tưởng chông trở ỷ lại vào chính sách trợ giúp, thụ động, khó khăn trong việc tự lập kế hoạch và các giải pháp cho vấn đề của mình; Nhận thức hạn chế dẫn đến suy

nghĩ và các làm lạc hậu, thiếu kỹ năng sáng tạo đi vào lối mòn, bản thân họ cũng chưa phát huy được hết tiềm năng của chính mình đó chính là sức lao động, sức mạnh đoàn kết gắn bó, tinh thần yêu thương con người, sự chân thành, tốt bụng. Bên cạnh đó, một số chính sách trợ giúp người nghèo chưa khích lệ được người dân tự lực vươn lên thoát nghèo, chưa nhận thức được đúng bản chất của các hoạt động trợ giúp. Khi sự thụ động của người nghèo vẫn còn thì tính bền vững và hiệu quả của công tác trợ giúp còn là vấn đề cần được nghiên cứu giải quyết. Công tác giáo dục, tuyên truyền nâng cao nhận thức cho PNNĐT cần phải đưa lên làm công tác được quan tâm hàng đầu. Các yếu tố còn lại có ảnh hưởng gián tiếp như yếu tố thuộc về NVCTXH, yếu tố thuộc về chính sách thực hiện, yếu tố của chính quyền địa phương và các yếu tố khác. Tuy vậy, tất cả năm yếu tố trên đều có sự ảnh hưởng, tác động qua lại đối với việc phát huy vai trò của NVCTXH trong hỗ trợ PNNĐT.

## **Tiểu kết chương 2**

Tóm lại, chương 2 đã giới thiệu tổng quan về tình hình địa bàn nghiên cứu và nhóm khách thể nghiên cứu chính là phụ nữ nghèo đơn thân trên địa bàn xã Trung Sơn với những đặc điểm cơ bản về mặt đời sống, tâm lý xã hội, nhu cầu cũng như chỉ báo liên quan đến những vấn đề của phụ nữ nghèo đơn thân, những khó khăn mà họ đang gặp phải.

Để tập trung nghiên cứu, khảo sát sâu dựa trên những luận cứ khoa học và điều kiện thực tế địa bàn nghiên cứu, tác giả đã đánh giá thực trạng bốn vai trò của NVCTXH đang có những hỗ trợ PNNĐT: Vai trò là người vận động nguồn lực; Vai trò là người kết nối; Vai trò là người tham vấn; Vai trò là người giáo dục. Năm yếu tố bao gồm: Yếu tố thuộc về PNNĐT; Yếu tố thuộc về NVCTXH; Yếu tố thuộc về chính sách thực hiện; Yếu tố thuộc về chính quyền địa phương; Yếu tố khác. Về cơ bản, các vai trò này đã được thể hiện thông qua các cán bộ địa phương như: Công chức LĐTBXH, HLHPN, Hội Nông dân, Đoàn TNCSHCM, Hội Cựu chiến binh; cán bộ xóm như: Trưởng xóm, cán bộ các chi hội phụ nữ, cán bộ đầu ngành ở xóm. Kết quả đạt được khi trợ giúp cho PNNĐT đã đánh giá các vai trò của NVCTXH cụ thể trong từng hoạt động trợ giúp. Qua đó, đánh giá được hiệu quả cụ thể của từng vai trò và so sánh hiệu quả giữa các vai trò của NVCTXH. Qua việc đánh giá thực trạng, tác giả đã phát hiện một số điểm mạnh, hạn chế cũng như phân tích các nguyên nhân khiến cho hiệu quả hoạt động hỗ trợ chưa đạt kết quả cao.

Ngoài những kết quả đã đạt được, chất lượng hỗ trợ còn nhiều bất cập, vẫn còn tồn tại những yếu điểm cơ bản. Từ thực trạng trên cho thấy, cần phải có các giải pháp khắc phục những hạn chế còn tồn tại nhằm nâng cao chất lượng, vai trò của NVCTXH trong hỗ trợ PNNĐT, mục tiêu hướng đến là thay đổi tư duy, cách nhìn nhận, cách làm của chính bản thân người nghèo và các cơ quan, đơn vị hỗ trợ dưới góc độ CTXH. Đó là những đòi hỏi khách quan, bức thiết và phù hợp với xu thế.

**CHƯƠNG 3:**  
**MỘT SỐ GIẢI PHÁP NÂNG CAO VAI TRÒ CỦA NHÂN VIÊN CÔNG**  
**TÁC XÃ HỘI TRONG HỖ TRỢ PHỤ NỮ NGHÈO ĐƠN THÂN TẠI**  
**XÃ TRUNG SƠN, HUYỆN LƯƠNG SƠN TỈNH HÀ BÌNH**

**3.1. Giải pháp phát huy vai trò của phụ nữ nghèo đơn thân**

Để các chương trình hỗ trợ cho phụ nữ nghèo đơn thân đi vào thực tế hơn, phát huy vai trò của NVCTXH chính là điều kiện để hỗ trợ cho người nghèo trong quá trình phát triển của chính họ. Bởi vậy, các hoạt động hỗ trợ cho phụ nữ nghèo đơn thân cần phát huy tinh thần tự lực, nội lực của họ trong suốt quá trình hỗ trợ thông qua:

Thứ nhất: Tuyên truyền nâng cao nhận thức nhằm khơi dậy ý thức tự lập, tự chủ của mỗi cá nhân, hộ nghèo để giúp họ thực sự là những người chủ của chính cuộc đời mình, giúp họ không còn trong chờ, ỷ lại, vì nghèo về kinh tế không đáng sợ bằng nghèo trong nhận thức.

Nâng cao nhận thức cho phụ nữ nghèo đơn thân về vấn đề bình đẳng giới, nhận thức đúng về các vấn đề liên quan tới công tác trợ giúp người nghèo, về vai trò của hoạt động CTXH, vai trò của NVCTXH đồng thời, nhận biết được các nguồn lực của bản thân và gia đình, nâng cao trách nhiệm của chính bản thân, nỗ lực vươn lên thoát nghèo.

Thứ hai: Phụ nữ nghèo cần được khơi dậy tinh thần chủ động và sáng tạo, từ đó kích hoạt các nguồn lực hiện có và hình thành một tinh thần tự chủ, để có thể phát huy một cách hiệu quả nhất sự hỗ trợ từ bên ngoài.

Thứ ba: Phụ nữ nghèo cần được tăng cường năng lực và trao quyền với phương châm “việc của người nghèo để người nghèo tự lo”, giúp họ củng cố vị trí, vai trò và chỗ đứng trong xã hội. Phát triển nguồn vốn xã hội: trang bị cho phụ nữ nghèo kiến thức, kinh nghiệm, cách thức, phương thức, giúp họ có thể nhận biết và linh hoạt ứng phó với những tình huống rủi ro có thể xảy ra.

Thứ tư: Tăng cường sự tham gia của phụ nữ nghèo đơn thân trong các hoạt động xã hội, hoạt động của cộng đồng, củng cố các kỹ năng sống, xóa bỏ các rào cản về mặt tâm lý, đồng thời cải thiện các mối quan hệ xã hội.

Thứ năm: Chính quyền địa phương cần khuyến khích, động viên người nghèo, xử lý đồng bộ một số vấn đề then chốt như: tăng cường tính minh bạch, trách nhiệm trong việc giải trình chính sách, phát huy tiềm lực của người dân, tránh áp đặt. Thay đổi các chính sách hỗ trợ cho không sang hình thức phát huy nội lực của phụ nữ nghèo đơn thân.

### **3.2. Giải pháp nâng cao vai trò của đội ngũ nhân viên Công tác xã hội**

Thứ nhất: Xây dựng đội ngũ NVCTXH, CTVCTXH, cán bộ, viên chức, nhân viên đủ về số lượng, đạt yêu cầu về chất lượng gắn với phát triển nghề CTXH, góp phần xây dựng đội ngũ NVCTXH chuyên nghiệp.

Thứ hai: Đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng nghiệp vụ cho đội ngũ NVCTXH, CTVCTXH đạt cơ cấu, định mức và tiêu chuẩn nghiệp vụ theo quy định của nghề CTXH.

Có chiến lược và kế hoạch nâng cao kiến thức, kỹ năng CTXH tăng cường đào tạo thực hành về kỹ năng CTXH để học viên thực sự nâng cao được kỹ năng sau khi học. Nâng cao cả chất lượng cho đội ngũ làm CTXH, có định hướng trong đào tạo nghề CTXH theo giai đoạn như tăng cường kỹ năng, tăng thời gian thực hành... Mở rộng mạng lưới các cơ sở thực hành, gắn thực hành với tham gia hoạt động của các tổ chức, cộng đồng.

Thứ ba: Từng bước chuyên nghiệp hóa nghề CTXH cho đội ngũ NVCTXH, CTVCTXH tại cộng đồng theo chức năng nhiệm vụ chuyên môn thông qua các buổi giao ban, hội thảo, hội nghị chuyên đề, tập huấn kỹ năng nghiệp vụ CTXH và quán triệt đạo đức nghề nghiệp.

Thứ tư: Xây dựng chính sách thu hút nhân tài, ưu tiên tuyển dụng những người được đào tạo cơ bản có trình độ đại học, cao đẳng về CTXH vào

các cơ quan quản lý nhà nước ở các cấp, ngành, cơ sở cung cấp DVCTXH, để họ có cơ hội sử dụng những kiến thức đã học vào công tác thực tế, hạn chế tình trạng lãng phí nguồn nhân lực. Việc hành nghề tự do CTXH với tư cách là nhà tham vấn, tác nhân phát triển cộng đồng, nhà nghiên cứu khoa học để sử dụng số cán bộ được đào tạo bài bản là việc làm cần thiết tuy nhiên cần có hành lang pháp lý rõ ràng.

Thứ năm: Tăng cường phát triển mạng lưới đội ngũ NVCTXH, CTVCTXH đến cơ sở: Để hoạt động CTXH đi theo hướng ngày càng chuyên nghiệp thì cần thúc đẩy phát triển mạng lưới cung cấp DVCTXH, tăng độ bao phủ được tiếp cận với các dịch vụ này thông qua:

Xây dựng quy trình và mạng lưới cung cấp DVCTXH đồng bộ từ cấp cơ tỉnh, thành phố đến các huyện, các xã và xóm đảm bảo sự gắn kết chặt chẽ phối hợp giữa Trung tâm cung cấp DVCTXH với mạng lưới cộng tác viên tại cơ sở với chính quyền địa phương và các cơ quan liên quan.

Đẩy mạnh công tác phối hợp giữa các ngành có liên quan và các tổ chức chính trị xã hội, đặc biệt là Hội liên hiệp phụ nữ, Đoàn thanh niên, Mặt trận tổ quốc Việt Nam cấp cơ sở, đây chính là những yếu tố quan trọng có vai trò quyết định hiệu quả trong việc góp phần nâng cao vai trò của NVCTXH trong hỗ trợ phụ nữ nghèo đơn thân.

Mở rộng, phát triển đội ngũ NVCTXH các cấp gắn với chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững và các chính sách hỗ trợ của địa phương đảm bảo tính hiệu quả của từng mô hình, hướng tới cải thiện và nâng cao đời sống của phụ nữ nghèo.

Đẩy mạnh hoạt động theo hướng kết nối với các lĩnh vực kinh tế, luật pháp, đối ngoại, văn hóa nhằm phát triển mạng lưới CTXH sâu rộng với đội ngũ đông đảo nhất là tình nguyện viên làm CTXH phi lợi nhuận trong nền kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế.

### **3.2.1. Giải pháp nâng cao vai trò là người vận động nguồn lực**

Nhân viên CTXH cần thường xuyên rà soát, tìm hiểu và tiếp cận các nguồn lực tiềm năng trên địa bàn, đồng thời xây dựng mối quan hệ bền vững với họ, tiếp xúc, tạo cơ hội cho thân chủ tiếp xúc, tương tác với các mạng lưới nguồn lực.

Thành lập các nhóm thân chủ có nhu cầu giống nhau, xây dựng kế hoạch hoạt động phù hợp với từng nhóm đối tượng, huy động sự tham gia của thân chủ, kết nối thân chủ đến với các nguồn lực.

Chính quyền địa phương cần có những chế tài đối với các doanh nghiệp đứng chân trên địa bàn, bởi vì đây chính là những nguồn lực giải quyết vấn đề việc làm cho PNNĐT, kịp thời khen thưởng biểu dương những đơn vị có nhiều đóng góp tích cực cho địa phương cũng như giúp đỡ hỗ trợ cho hộ nghèo nói chung và PNNĐT nói riêng. Tạo điều kiện tốt nhất cho NVCTXH thực hiện chức năng, vai trò của mình trong vận động nguồn lực hỗ trợ PNNĐT.

Tập huấn nâng cao trình độ chuyên môn về CTXH cho cán bộ làm công tác vận động nguồn lực tại địa phương như: Kỹ năng giao tiếp, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thu thập thông tin xử lý số liệu, kỹ năng tổng hợp, kỹ năng tư vấn, tham vấn...

Nâng cao kiến thức, giáo dục, hướng dẫn cán bộ địa phương biết phương thức giao tiếp, đánh giá nhu cầu của PNNĐT. Hay nói cách khác, người vận động nguồn lực chính là cầu nối người nghèo với cán bộ, để cán bộ cũng như chính quyền địa phương sát cánh cùng người dân trong công cuộc giảm nghèo bền vững.

Cần làm rõ vai trò trách nhiệm của từng cán bộ, ban ngành, đoàn thể trong việc nâng cao kết quả vận động nguồn lực, tránh việc nhiều cán bộ cùng vận động một nguồn lực. Như vậy, cần có sự thống nhất cao trong việc phân

công phụ trách theo lĩnh vực công việc cụ thể đối với từng cán bộ vận động nguồn lực. Cụ thể như: Hội LHPN huy động lực lượng con người ở đây là các hội viên phụ nữ, Hội Nông dân huy động lực lượng là hội viên nông dân, Đoàn Thanh niên huy động lực lượng là đoàn viên thanh niên, tương tự như Hội Cựu chiến binh và các hội đặc thù khác cũng vậy. Tránh việc vận động chồng chéo, không đúng đối tượng quản lý.

Cung cấp các dịch vụ hỗ trợ PNNĐT nhận thức được vấn đề của mình, đánh giá nhu cầu và tìm kiếm, khai thác các tiềm năng nội lực (nhân công, nghề truyền thống, sản xuất và chế biến đặc sản địa phương...), kết hợp với các chương trình, dự án bên ngoài thực hiện sinh kế bền vững.

Cần phải tăng cường công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức của các đơn vị trong hoạt động trợ giúp xã hội, làm cho họ cần phải nhận thức rằng thực hiện các hoạt động trợ giúp xã hội là nghĩa vụ và trách nhiệm đối với các vấn đề xã hội nói chung và trợ giúp PNDT nói riêng trên địa bàn mà đơn vị đóng và hoạt động.

### ***3.2.2. Giải pháp nâng cao vai trò là người kết nối***

*Đối với chính quyền địa phương:*

Thành lập và duy trì mạng lưới, các thông tin về các chương trình hỗ trợ, các hoạt động đã được thực hiện sẽ được thông tin cho tất cả các thành viên của mạng lưới cũng như tổ chức, đơn vị khác, từ đó sẽ tránh được việc lặp lại các dịch vụ hay các hoạt động hỗ trợ và tránh lãng phí.

Cần phải tăng cơ hội lựa chọn trong lập kế hoạch và thiết lập mạng lưới liên kết gồm các cá nhân, cơ quan tổ chức, các dịch vụ hỗ trợ, chương trình dự án, tổ chức chính trị xã hội, tổ chức trong và ngoài nước, chính thức, không chính thức... Trong hỗ trợ PNNĐT, các đơn vị tổ chức, cơ quan là mạng lưới các nguồn lực với các chương trình hỗ trợ khác nhau, ví dụ chính quyền địa phương là nguồn lực về chế độ chính sách, hành lang pháp lý;



doanh nghiệp trên địa bàn là nguồn lực về tài chính, việc làm; người dân trong cộng đồng là nguồn lực về con người xã hội... dựa vào nguồn lực của mình các mạng lưới hỗ trợ cho PNNĐT một cách phù hợp, hiệu quả và tránh chồng chéo.

Tăng cường công tác lãnh chỉ đạo, quan tâm của chính quyền địa phương tới việc nâng cao hiệu quả KNNL trong hỗ trợ PNĐT

Tổ chức tập huấn nâng cao trình độ chuyên môn từ cấp lãnh đạo tới cán bộ chuyên môn làm CTXH: Xuất phát từ việc xã Trung Sơn chưa có nhân viên CTXH chuyên nghiệp (thuộc về vấn đề vĩ mô liên quan đến nhân sự chức danh nghề nghiệp của Nhà nước quy định), trong khi đó trình độ của cán bộ lãnh đạo, cán bộ kết nối tại UBND xã Trung Sơn hầu hết là đào tạo tại chức, đào tạo từ xa, không được đào tạo bài bản về chuyên môn kết nối nguồn lực nhưng đang thực hiện hoạt động kết nối nguồn lực cộng đồng trong chuyên môn hàng ngày của ngành mình, dẫn đến hiệu quả kết nối không cao và còn nhiều hạn chế. Vì vậy, chính quyền địa phương cần phải tổ chức các lớp bồi dưỡng, tập huấn, thực hành, tham quan học hỏi mô hình, học tập trao đổi kinh nghiệm kết nối nguồn lực của các địa phương khác cho cả lãnh đạo và cán bộ kết nối nguồn lực từ xã tới các xóm thông qua việc mời giảng viên, tập huấn viên chuyên nghiệp về CTXH, về kết nối nguồn lực cộng đồng, nhằm nâng cao trình độ chuyên môn và kinh nghiệm trong công tác quản lý của lãnh đạo và thực hiện hoạt động của cán bộ kết nối nguồn lực, từ đó thúc đẩy hiệu quả của công tác kết nối nguồn lực cộng đồng tại địa phương ngày càng cao.

*Đối với chính sách:*

Nâng cao hiệu quả kết nối nguồn lực cộng đồng thông qua việc xây dựng chính sách trợ giúp riêng biệt của địa phương. Thông qua việc xây dựng chương trình với các chế độ, chính sách cụ thể, rõ ràng về mục đích, yêu cầu, đối tượng hưởng, lợi ích được hưởng, quyền và nghĩa vụ của các bộ phận liên

quan, các hoạt động cụ thể...thể hiện trên văn bản có giá trị pháp lý. Đây cũng là một nguồn lực, một phương pháp nhằm nâng cao hiệu quả kết nối nguồn lực của địa phương trong hỗ trợ những người PNNĐT. Ví dụ như vận động xây dựng quỹ hỗ trợ PNNĐT, trợ cấp cho PNNĐT có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, PNNĐT cao tuổi không nơi nương tựa từ quỹ hỗ trợ PNNĐT... sẽ nâng cao được số lượng PNNĐT được trợ giúp, góp phần giảm nghèo...

*Đối với hình thức kết nối:*

Đổi mới và đa dạng các hình thức kết nối nguồn lực cộng đồng trong hỗ trợ PNĐT: Bên cạnh việc phát huy hiệu quả của các hình thức kết nối nguồn lực truyền thống tại địa phương như phát thanh tuyên truyền, tập huấn trên hệ thống phát thanh, các cuộc họp hay trực tiếp từ cán bộ kết nối nguồn lực thì cần phải đổi mới và đa dạng hóa hơn các hình thức kết nối nguồn lực. Đặc biệt là hình thức kết nối nguồn lực thông qua việc trao đổi trực tiếp của người lãnh đạo trong chính quyền địa phương đến các đơn vị có nguồn lực. Đây là hình thức rất hiệu quả thông qua việc sử dụng quyền lực hợp pháp, uy tín của người lãnh đạo yêu cầu các tổ chức, cơ quan, doanh nghiệp trên địa bàn thực hiện trách nhiệm xã hội đối với địa phương nơi mà đơn vị đóng trụ sở. Giúp các đơn vị nhận thức được rằng đây không chỉ là việc làm từ thiện mà là trách nhiệm đối với xã hội.

Ngoài ra còn có thể kết nối nguồn lực cộng đồng thông qua hình thức kêu gọi đầu tư từ các đơn vị, doanh nghiệp như: Cho thuê đất, thuê xưởng sản xuất, cho thuê xây dựng các công trình kinh doanh sản xuất...nhằm tạo nguồn thu cho địa phương trong phát triển kinh tế xã hội địa bàn, không chỉ vậy còn có thể tranh thủ nguồn lực tài chính của các đơn vị đầu tư thông qua các chương trình vận động quỹ và cao hơn nữa là có thể yêu cầu cam kết với

doanh nghiệp trong vấn đề giải quyết việc làm cho lao động địa phương nói chung và lao động là PNNĐT nói riêng.

*Đối với cán bộ địa phương:*

Nâng cao tính chuyên nghiệp trong công tác kết nối nguồn lực cộng đồng tại xã Trung Sơn: Từ việc hoạt động kết nối nguồn lực nói chung và kết nối nguồn lực trong hỗ trợ PNĐT nói riêng tại địa phương được cán bộ kết nối nguồn lực thực hiện trong nhiệm vụ chuyên môn của ngành mình, đã thực hiện các hoạt động kết nối nguồn lực như đánh giá nhu cầu kết nối nguồn lực, xác định, đánh giá nguồn lực và tiến hành kết nối nguồn lực. Tuy nhiên, giữa các ngành chưa có sự phối kết hợp chặt chẽ với nhau dễ dẫn đến chồng chéo và không tập trung. Vì vậy, lãnh đạo xã cần phải giao cho một ngành chịu trách nhiệm chung và quản lý về hoạt động kết nối nguồn lực và phối kết hợp thực hiện với các ngành liên quan. Hàng năm có xây dựng kế hoạch thực hiện vào đầu năm, hàng quý, hàng tháng và báo cáo, tổng kết đánh giá công tác kết nối nguồn lực hàng tháng, hàng quý và cuối năm hoặc theo từng chương trình dự án thực hiện. Tự ý thức nâng cao chuyên môn nghiệp vụ, tính chuyên nghiệp trong công tác của cán bộ kết nối nguồn lực.

Thứ nhất: bản thân cán bộ kết nối nguồn lực không ngừng trau dồi kiến thức, kỹ năng, thái độ nghề nghiệp; học hỏi kinh nghiệm cho bản thân, khắc phục những hạn chế còn thiếu sót; thực hiện đúng, tốt và luôn cập nhật, tích cực tìm hiểu các chính sách, chế độ của Nhà nước đối với PNNĐT; nắm rõ, xác định được nhu cầu và các nguồn lực tại địa phương. Kết nối nguồn lực là một hoạt động của CTXH có vai trò to lớn trong hỗ trợ giải quyết các vấn đề xã hội. Người làm kết nối nguồn lực không thể giải quyết các vấn đề xã hội đó bằng lòng tốt và kinh nghiệm vốn có, mà cần phải sử dụng phương pháp tiếp cận khoa học và các công cụ nghiệp vụ. Từ đó, có sự điều chỉnh trong các

chương trình, hoạt động và dịch vụ kết nối hợp lý. Đó là cách để giải quyết cơ bản, bền vững, hiệu quả cao và đáp ứng được nhu cầu mới của xã hội.

Thứ hai: những cán bộ kết nối nguồn lực tại địa phương cần phải tích cực tham gia các lớp bồi dưỡng, tập huấn nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ về kết nối nguồn lực khi chính quyền địa phương tạo điều kiện để được học tập. Đặc biệt là về cách đánh giá nhu cầu của đối tượng; cách xác định, đánh giá và tiếp cận các nguồn lực cộng đồng; xây dựng kế hoạch hoạt động cụ thể; cách thức xây dựng và duy trì mạng lưới nguồn lực cũng như dịch vụ hỗ trợ; tham gia tích cực vào học tập kinh nghiệm, cách thức làm việc ở những địa phương khác, nhất là những người có kinh nghiệm và thâm niên trong công tác.

Mỗi cán bộ kết nối nguồn lực cần phải tích cực, chủ động xây dựng kế hoạch công tác kết nối nguồn lực với những hoạt động và tiêu chí cụ thể theo giai đoạn nhất định và luôn có sự phối kết hợp trong các hoạt động của ngành mình với ngành khác, giữa các ngành có thực hiện hoạt động kết nối nguồn lực với nhau, phân công nhiệm vụ cụ thể, rõ ràng về quyền lợi và nghĩa vụ để tránh chồng chéo, rời rạc tạo tính thống nhất và nhằm đạt được hiệu quả cao nhất trong kết nối nguồn lực hỗ trợ PNNĐT.

### ***3.2.3. Giải pháp nâng cao vai trò là người tham vấn***

Nâng cao trình độ và kỹ năng tham vấn của NVCTXH, CTVCTXH, cán bộ làm nhiệm vụ tham vấn cho PNNĐT.

Nâng cao nhận thức cho PNNĐT thấy được tầm quan trọng của tham vấn trong hỗ trợ PNNĐT các vấn đề về tâm lý..

Để tham vấn đạt hiệu quả NVCTXH cần có sự hiểu biết về đối tượng tham vấn, nắm bắt được các đặc điểm tâm lý trong vấn đề mà đối tượng đang gặp phải ở PNNĐT.

Cán bộ chính sách, người tham vấn phải tổ chức các cuộc điều tra, khảo sát và tổng hợp các thông tin, nguyên nhân dẫn đến tình trạng nghèo của các hộ PNNĐT trên địa bàn. Từ đó NVCTXH sẽ thực hiện vai trò của mình, tham vấn cho hộ nghèo thấy được vấn đề mình đang gặp phải và hướng giải quyết vấn đề đó.

### ***3.2.4. Giải pháp nâng cao vai trò là người giáo dục***

Vai trò là người giáo dục phải được thực hiện một cách thường xuyên, liên tục và nội dung truyền đạt phải ngắn gọn, dễ hiểu thì mới thu hút được người dân tham gia học tập và phát triển cộng đồng.

Cần xác định rõ mục đích của việc tuyên truyền giáo dục nhằm nâng cao nhận thức cho PNNĐT đúng thứ mà họ thiếu, họ cần, các hoạt động giáo dục cần thiết thực, tạo được tính đoàn kết, tương thân tương ái trong cộng đồng, giảm khoảng cách giữa các hộ có thu nhập cao với hộ thu nhập thấp, hướng đến sự đồng thuận trong xã hội.

Có giải pháp cụ thể để hướng các hoạt động cung cấp kiến thức, chính sách ưu tiên các vấn đề mà hộ đang bức xúc. Các nội dung tuyên truyền giáo dục phải phản ánh được nội dung chính sách giảm nghèo, vai trò của NVCTXH trong việc thực hiện chính sách đồng thời lồng ghép vào trách nhiệm của cán bộ các cấp, các ngành và người dân trong việc thực hiện các chính sách trợ giúp xã hội cho PNNĐT và việc phát triển hệ thống an sinh xã hội.

Cần đổi mới phương pháp tuyên truyền, giáo dục: NVCTXH phải có phương pháp tổ chức hội nghị, tập huấn hay trong các buổi sinh hoạt tập thể, qua đó lồng ghép tuyên truyền, giáo dục các thành viên hộ nghèo thực hiện các chủ trương, chính sách của pháp luật, chính sách dân số kế hoạch hóa gia đình, chính sách phát triển sản xuất...đảm bảo tính công khai minh bạch trong việc thực hiện chính sách.

Cần mở nhiều lớp tập huấn đào tạo đội ngũ cộng tác viên, nhân viên CTXH trong việc thực hiện vai trò tuyên truyền, giáo dục trong lĩnh vực an sinh xã hội, trợ giúp người nghèo mang tính chuyên nghiệp cao. Với nhiệm vụ đặt ra hiện nay cần có đội ngũ NVCTXH được trang bị đầy đủ kỹ năng tuyên truyền, giáo dục trong lĩnh vực trợ giúp người nghèo như: kỹ năng lắng nghe, nói, thảo luận nhóm, viết tin bài, xử lý tình huống...

### **3.3. Giải pháp về chính sách thực hiện**

Hiện nay khuôn khổ pháp lý phát triển nghề CTXH chưa hoàn chỉnh. Các văn bản quy phạm pháp luật phát triển nghề CTXH chưa được hệ thống hóa, chính sách giảm nghèo, trợ giúp người nghèo còn manh mún và dàn trải. Để khắc phục hạn chế này cần tập trung vào một số nội dung sau:

Thứ nhất: Cơ quan tham mưu cần xây dựng hành lang pháp lý đồng bộ đối với hoạt động cung cấp DVXH cũng như trợ giúp xã hội, các hoạt động trợ giúp người nghèo, đồng bộ các giải pháp giảm nghèo bền vững, các giải pháp hướng tới sự tiến bộ của phụ nữ. Quán triệt và thực hiện tốt chiến lược phát triển kinh tế - xã hội phải đi đôi với giảm nghèo bền vững phù hợp với tình hình thực tế ở các địa phương.

Thứ hai: Chính quyền địa phương từ cấp tỉnh, huyện, xã cần có cơ chế phân bổ nguồn lực tài chính, nhân lực hợp lý và hiệu quả, tránh dàn trải, chồng chéo, đặc biệt là chính sách liên quan đến trợ giúp người nghèo và các chương trình vì sự tiến bộ của phụ nữ. Tăng cường phạm vi bao phủ của chính sách đến đối tượng cần được hỗ trợ, giúp đỡ để nhiều người cần sự giúp đỡ được tiếp cận với các chính sách hỗ trợ tại xã Trung Sơn, huyện Lương Sơn.

Thứ ba: Tăng cường cơ chế điều phối liên ngành và phân công rõ trách nhiệm để có sự phối hợp tốt hơn giữa các ngành: LĐTB&XH, trạm Y tế, Tài chính, Công An, Văn hóa - Xã hội, Tư pháp, Nhà trường...

Thứ tư: Cần đổi mới cơ chế và phương thức quản lý, vận hành các hoạt động trợ giúp phụ nữ nghèo đơn thân theo phương châm phòng ngừa, các dịch vụ tập trung vào trợ giúp người nghèo theo hướng “cho cần câu chứ không cho sâu cá”, dạy cách câu cá. Tham mưu xây dựng các chính sách và phát triển hệ thống cung cấp DVCTXH linh hoạt, ứng phó có hiệu quả với các biến cố, rủi ro, khó khăn đột xuất...

Thứ năm: Cần phân cấp mạnh cho các xóm và khu dân cư để cao trách nhiệm của địa phương trong việc quản lý, sử dụng, lồng ghép các nguồn lực để phát triển đội ngũ NVCTXH, cũng như thực hiện chính sách cho người nghèo nói chung và phụ nữ nghèo đơn thân nói riêng.

Thứ sáu: Tập chung nâng cao năng lực hoạt động của các cơ sở cung cấp DVCTXH công lập; có cơ chế khuyến khích hình thức hợp tác giữa Nhà nước với doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân về hoạt động cung cấp DVCTXH. Có cơ chế, chính sách đãi ngộ đặc thù đối với ngành CTXH, đặc biệt là đội ngũ cán bộ, NVCTXH, CTVCTXH trực tiếp thực hiện nhiệm vụ này.

Giải pháp về chính sách thực hiện nhằm tăng cường năng lực và nâng cao vị thế của nghề CTXH đối với người nghèo để CTXH thực sự là một nghề cao quý, phù hợp với quá trình phát triển kinh tế xã hội, đồng thời nâng cao vai trò của NVCTXH góp phần thực hiện tốt hơn nữa các chính sách giảm nghèo bền vững trong thời gian tới.

### **3.4. Giải pháp phát huy vai trò của chính quyền địa phương**

Chính quyền địa phương có vị trí rất quan trọng trong việc nâng cao vai trò của NVCTXH, đây chính là tiền đề quan trọng để NVCTXH tiếp cận chính thống được với người nghèo, đảm bảo cho các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước được triển khai thực hiện đến với người nghèo. Để nâng cao hiệu quả hoạt động của bộ máy chính quyền địa phương cần tập chung vào một số giải pháp sau:

Thứ nhất: Chính quyền địa phương cần phải quán triệt hơn nữa cho cán bộ các cấp và nhân dân nhận thức về vị trí, vai trò của nghề CTXH nói chung và vai trò của NVCTXH nói riêng trong quá trình triển khai chính sách an sinh xã hội ở địa phương. Chủ động hơn nữa trong công tác triển khai Đề án phát triển nghề CTXH ngay trên địa bàn mình, cần quan tâm hơn tới đội ngũ NVCTXH, CTVCTXH, các cán bộ cơ sở trong quá trình hỗ trợ cho người nghèo nói chung và phụ nữ nghèo đơn thân nói riêng. Để các cấp, các ngành và nhân dân thấy được tầm quan trọng của nghề CTXH và vai trò của NVCTXH, nâng cao nhận thức, trách nhiệm và nghĩa vụ của mỗi cá nhân, đơn vị và của chính quyền địa phương cho vấn đề này.

Thứ hai: Chính quyền địa phương cần quan tâm, chỉ đạo, quán triệt đội ngũ cán bộ xã, các ban ngành, đoàn thể, mạng lưới cơ sở ở các xóm thực hiện nghiêm túc và trách nhiệm các hoạt động hỗ trợ phụ nữ nghèo. Có phương án chủ động phòng chống và ứng phó kịp thời có hiệu quả các hoạt động trợ giúp.

Thứ ba: Cần chú trọng phân bổ nguồn lực địa phương, ưu tiên cho công tác giảm nghèo đặc biệt là cho nhóm đối tượng yếu thế như phụ nữ, trẻ em, người cao tuổi. Tăng cường nguồn lực cho công tác giảm nghèo nói chung và các hoạt động hỗ trợ của NVCTXH cho đối tượng phụ nữ nghèo đơn thân.

Thực hiện đúng, kịp thời, đầy đủ các chế độ chính sách đối với người nghèo, đồng thời có phương án ưu tiên, hỗ trợ riêng từ nguồn lực của địa phương, nghiên cứu và nhân rộng các mô hình giảm nghèo phù hợp để đạt được hiệu quả cao.

Thứ tư: Đẩy mạnh công tác phối hợp liên ngành trong các hoạt động hỗ trợ phụ nữ nghèo. Phát huy vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của chính quyền địa phương và đội ngũ cán bộ xã hội tại địa phương không chỉ riêng ngành LĐTB&XH mà còn của các ban ngành và tổ chức chính trị xã hội có liên



quan. Đây chính là những nhân tố quan trọng có vai trò quyết định hiệu quả trong công tác phối hợp hỗ trợ cho phụ nữ nghèo đơn thân.

Phát huy sự tham gia nhiệt tình, tâm huyết của lực lượng nòng cốt gần với hộ nghèo: Thành viên trong Ban chỉ đạo giảm nghèo bền vững xã, các chi hội ở các xóm..

Thứ năm: Tăng cường các hoạt động phối hợp giữa chính quyền địa phương với các đơn vị cung cấp DVCTXH, các đơn vị liên quan để tổ chức có hiệu quả việc cung cấp các dịch vụ hỗ trợ phụ nữ nghèo, triển khai mạng lưới cung cấp DVCTXH đến cấp cơ sở, đồng thời ban hành cơ chế thống nhất trong việc cung ứng dịch vụ.

Thứ sáu: Phát huy vai trò của địa phương trong việc huy động các nguồn lực hỗ trợ phục vụ công tác giảm nghèo nói chung và các hoạt động hỗ trợ phụ nữ nghèo đơn thân.

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền vận động, tranh thủ nguồn lực, khuyến khích Ủy ban Mặt trận tổ quốc xã chủ trì, phối hợp với các tổ chức thành viên huy động các nguồn lực để tổ chức các hoạt động trợ giúp phụ nữ nghèo đơn thân.

Thực hiện đa dạng hóa nguồn lực huy động để triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo. Cần quan tâm coi trọng huy động sự đóng góp của các doanh nghiệp và các kênh vận động tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước. Đồng thời có kế hoạch sử dụng nguồn lực một cách khách quan và hiệu quả nhất.

Kêu gọi sự quan tâm hỗ trợ của các ngành, địa phương, các tổ chức quốc tế, phi chính phủ, các nhà hảo tâm, các chuyên gia, giảng viên các trường Đại học, những tình nguyện viên có kinh nghiệm, chuyên môn cao tham gia hoạt động hỗ trợ cho phụ nữ nghèo đơn thân.

Đồng thời, xã hội hóa các hoạt động CTXH theo hướng khuyến khích các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước tham gia việc đào tạo, đào tạo lại,

bồi dưỡng trình độ chuyên môn nghiệp vụ, tập huấn kỹ năng tiến tới xây dựng mô hình trung tâm CTXH ngoài công lập trên địa bàn xã.

### Tiểu kết chương 3

Hoạt động trợ giúp người nghèo là tiến trình trợ giúp đặc thù, bởi PNNĐT là đối tượng yếu thế đặc biệt trong xã hội, họ gặp phải rất nhiều vấn đề về mặt tâm lý và luôn bị động trong mọi hoàn cảnh. Dựa trên cơ sở lý luận về vai trò của NVCTXH trong hỗ trợ phụ nữ nghèo đơn thân, cũng như xuất phát từ những tồn tại của thực trạng hỗ trợ cho PNNĐT trên địa bàn xã Trung Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình, tác giả đã đưa ra một số các giải pháp cụ thể cho từng tồn tại hạn chế theo chủ thể tương ứng là phụ nữ nghèo đơn thân, NVCTXH, chính quyền địa phương, một số yếu tố khác và 04 giải pháp tập trung vào hoạt động trợ giúp dưới góc độ CTXH, trong đó mục tiêu chính thay đổi tư duy, nhận thức của chính người nghèo cũng như cộng đồng và chính quyền về bản chất của hoạt động trợ giúp, các giải pháp còn hướng tới thay đổi từ góc độ quản lý hành chính Nhà nước sang mô hình cung ứng kết nối các dịch vụ, nhấn mạnh vai trò của các bên tham gia và nhìn nhận các giải pháp trong mối quan hệ tác động qua lại lẫn nhau.

Trên đây là những giải pháp cần thiết, đòi hỏi cần phải thực hiện đồng bộ, huy động sự tham gia của toàn bộ hệ thống chính trị và chính bản thân PNNĐT góp phần đưa hoạt động hỗ trợ của NVCTXH thành hoạt động chuyên nghiệp, nâng cao chất lượng và tầm quan trọng cũng như mục đích, ý nghĩa của CTXH với hoạt động trợ giúp người nghèo, tăng độ bao phủ thụ hưởng các dịch vụ cho PNNĐT.

## KẾT LUẬN

Vai trò của NVCTXH trong hỗ trợ phụ nữ nghèo đơn thân là một nhiệm vụ quan trọng, mang ý nghĩa chính trị, xã hội, nhân văn sâu sắc là một nhiệm vụ trọng tâm trong công tác xã hội và thực hiện đảm bảo chính sách an sinh xã hội, phúc lợi xã hội và sự tiến bộ của phụ nữ. Hoạt động hỗ trợ cho phụ nữ nghèo không chỉ được nhìn nhận dưới góc độ cải thiện thu nhập mà còn có ý nghĩa đó là cải thiện cơ hội tham gia, thay đổi nhận thức nội lực bên trong làm cơ sở quan trọng cho định hướng cuộc sống, việc làm, giáo dục...đó là điều kiện căn bản về chất và lượng để người nghèo nói chung và phụ nữ nghèo đơn thân nói riêng có thể vươn lên thoát nghèo.

Kết quả nghiên cứu đề tài “Vai trò của Nhân viên công tác xã hội trong hỗ trợ phụ nữ nghèo đơn thân tại xã Trung Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình” cho phép tác giả đưa ra một số kết luận sau:

Về mặt lý luận: Nghiên cứu đưa ra cách nhìn nhận tổng quan về vấn đề nghiên cứu: chỉ ra tính cấp thiết của đề tài, tình hình nghiên cứu hiện nay, chỉ rõ đối tượng, phạm vi, mục đích nghiên cứu và một số phương pháp nghiên cứu được sử dụng trong đề tài. Đồng thời, đã hệ thống hóa các khái niệm liên quan đến vai trò của NVCTXH trong hỗ trợ phụ nữ nghèo đơn thân, nhận diện một số vai trò của NVCTXH và các yếu tố tác động đến vai trò của NVCTXH hỗ trợ phụ nữ nghèo đơn thân tại xã Trung Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình.

Về thực trạng, thông qua kết quả khảo sát thực tế, phân tích và tìm hiểu tài liệu thứ cấp, đề tài đã đánh giá thực trạng vai trò của NVCTXH trong hỗ trợ phụ nữ nghèo đơn thân trên địa bàn xã qua 4 vai trò: Vai trò là người vận động nguồn lực; Vai trò là người kết nối; Vai trò là người tham vấn; Vai trò là người giáo dục. Qua đây có thể thấy, tuy một số vai trò của NVCTXH đã được đã triển khai và phát huy trong quá trình hỗ trợ phụ nữ nghèo đơn thân

nhưng hiện nay vẫn còn một số tồn tại như: Việc hạn chế trong bộ máy thực hiện, chưa xác định được phương thức và cách làm phù hợp cũng như việc phối kết hợp với các cơ quan đơn vị có liên quan vẫn chưa cao dẫn đến kết quả hỗ trợ chưa thực sự tương xứng với tiềm năng thế mạnh và mức độ hài lòng của phụ nữ nghèo đơn thân chưa cao. Bởi vậy, nghiên cứu đã phân tích một số yếu tố ảnh hưởng tới vai trò của NVCTXH trong hỗ trợ phụ nữ nghèo đơn thân trên địa bàn: Yếu tố thuộc về phụ nữ nghèo đơn thân; Yếu tố về nhân viên Công tác xã hội; Yếu tố thuộc về chính sách thực hiện; Yếu tố liên quan đến chính quyền địa phương; Yếu tố khác. Đây là những yếu tố có tính chất quan trọng và quyết định nhất chính là yếu tố thuộc về phụ nữ nghèo đơn thân.

Về giải pháp: Trên cơ sở lý luận và thực trạng, tác giả đã đưa ra một số giải pháp tương ứng với những vấn đề tồn tại nằm trong thực trạng thực tiễn tại địa bàn xã đó là: Giải pháp phát huy vai trò của phụ nữ nghèo đơn thân; Giải pháp nâng cao chất lượng đội ngũ nhân viên Công tác xã hội; Giải pháp về chính sách thực hiện; Giải pháp phát huy vai trò của chính quyền địa phương.

Ngoài ra còn đưa ra một số giải pháp cụ thể tập trung vào các hạn chế liên quan vai trò của NVCTXH: Giải pháp nâng cao vai trò là người vận động nguồn lực; Giải pháp nâng cao vai trò là người kết nối; Giải pháp nâng cao vai trò là người tham vấn; Giải pháp nâng cao vai trò là người giáo dục. Nhằm phát huy vai trò của NVCTXH trong hỗ trợ phụ nữ nghèo đơn thân tại xã Trung Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình.





## TÀI LIỆU THAM KHẢO

### I. Tài liệu tiếng Việt

1. Allahdadi F. (2011), trong bài viết “*Towards rural women’ empowerment and poverty reduction in Iran*”, trao quyền cho phụ nữ nông thôn trong hoạt động giảm nghèo tại Iran.
2. Lê Xuân Bá (cùng tập thể tác giả), (2001), “*Báo cáo phát triển Việt Nam (VDR) (2012); “Nghèo đói và xóa đói, giảm nghèo ở Việt Nam”, “Nghèo - Báo cáo Phát Triển Việt Nam 2004”, “Một số vấn đề giảm nghèo ở các dân tộc thiểu số Việt Nam năm 2003”*”.
3. Bùi Thị Mai Đông, học viện phụ nữ Việt Nam, “*Tâm trạng của phụ nữ làm mẹ đơn thân trong giai đoạn hiện nay*”, ĐH Khoa học Xã hội và Nhân văn, luận văn thạc sĩ.
4. Escap, (1993), Hội nghị chống đói nghèo khu vực Châu Á - Thái Bình Dương, Băng Cốc, Thái Lan.
5. Vũ Thị Phương Hào, “*Công tác xã hội cá nhân với phụ nữ nghèo đơn thân tại xã Nghĩa Thái, huyện Tân Kỳ, tỉnh Nghệ An*”, luận văn thạc sĩ.
6. Nguyễn Trung Hải , Nguyễn Thị Liên, Vũ Thị Giang, Nguyễn Tuấn Anh, Võ Thị Cẩm Ly “*Từ những nghiên cứu về phụ nữ đơn thân đến một số vấn đề đặt ra trong nghiên cứu sinh kế của phụ nữ làm mẹ đơn thân*”.
7. Hội đồng Quốc gia, (2002), *Từ điển bách khoa Việt Nam*, nhà xuất bản từ điển Bách khoa Hà Nội - 2002.
8. Hiệp hội Quốc gia nhân viên CTXH (NASW), Zastrow, 1996
9. Hội Liên hiệp phụ nữ xã Trung Sơn, (2018), *Kế hoạch số 33/KH-HLHPN ngày 15/4/2017 triển khai xây dựng quỹ tiết kiệm của Hội*.
10. Liên hợp quốc, (2012), “*Báo cáo Chương trình phát triển Liên hợp Quốc năm 2014*”, Tokyo
11. Bùi Thị Xuân Mai (2010), *Nhập môn công tác xã hội*, Nxb Lao động-



Xã hội.

12. Trương Thị Mai, Phát biểu tại diễn đàn “*Bình đẳng giới giảm nghèo bền vững*”, *Chủ nhiệm Ủy ban Các vấn đề xã hội*.

13. Mặt trận tổ quốc Việt Nam xã Trung Sơn,(2018), *Kế hoạch số 55/KH-UBMTTQ ngày 22/3/2018 về hỗ trợ xây dựng, sửa chữa nhà ở hộ nghèo*.

14. Nhóm tư vấn các nhà tài trợ, (2008), phát biểu tại Hội nghị giữa kỳ của Liên Hợp Quốc tại Việt Nam, tháng 6 năm 2008.

15. Nghị quyết số 80/NQ-CP ngày 19/5/2011 của Chính phủ về định hướng giảm nghèo bền vững giai đoạn năm 2011-2020;

16. Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;

17. Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, (2010), công bố “*Mục tiêu phát triển thiên niên kỷ 2010 - Việt Nam 2/3 chặng đường thực hiện các mục tiêu phát triển thiên niên kỷ, hướng tới năm 2015*”

18. Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện Lương Sơn, (2018), “*Báo cáo giám sát chương trình giảm nghèo năm 2018*”.

19. Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “*Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020*”.

20. Quyết định số 32/2010/QĐ-TTg ngày 25/3/2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển nghề Công tác xã hội giai đoạn 2010-2020.

21. Quyết định số 14/2012/QĐ-TTg ngày 01/3/2012 của Thủ tướng Chính phủ về khám chữa bệnh cho người nghèo.

22. Quyết định số 59/2015/QĐ-TTg ngày 19/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016-2020.

23. Quyết định số 1905/QĐ-LĐTBXH ngày 28/12/2015 của Bộ Trưởng

Bộ LĐTB&XH về phê duyệt kết quả Tổng điều tra hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2015 theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016-2020.

24. Quyết định số 1722/QĐ-TTg ngày 02/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ quyết định phê duyệt chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020;

25. Quyết định số 1791/QĐ-TTg ngày 15/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ về lấy ngày 25/3 là “Ngày Công tác xã hội Việt Nam”.

26. Quyết định số 565/QĐ-TTg ngày 25/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu phát triển hệ thống trợ giúp xã hội giai đoạn 2016 -2020.

27. Quyết định số 383/QĐ-UBND ngày 3/4/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình về việc giao chỉ tiêu biên chế công chức hành chính năm 2012.

28. Quyết định số 118/KH-UBND ngày 29 tháng 8 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình về triển khai thực hiện chương trình mục tiêu phát triển hệ thống trợ giúp xã hội trên địa bàn tỉnh Hòa Bình giai đoạn 2017-2020.

29. Rebecca Lefton, (2013), *Gender equality and women is empowerment are key to addressing global poverty*” (Bình đẳng giới và tăng quyền cho phụ nữ là chìa khóa để giảm nghèo toàn cầu)

30. Lê Thị, 1996, *Gia đình phụ nữ thiếu vắng chồng*, Tr.98, Trung tâm nghiên cứu Khoa học về gia đình và Phụ nữ, Hà Nội.

31. Phạm Thị Thu, “*Cuộc sống của những người phụ nữ đơn thân giữa xã hội Việt Nam hiện đại*”, Đh khoa học xã hội và Nhân văn.

32. Hà Thị Thu, (2016), “*Sự chuyên nghiệp trong dịch vụ công tác xã hội đối với nhóm đối tượng yếu thế*”.

33. Trần Quang Tiến, Báo cáo đề dẫn hội thảo “*Công tác xã hội với phụ nữ và trẻ em: kinh nghiệm của một số quốc gia*”.

34. Lê Hữu Trác, Cuốn sách "*Nội kim yếu*".
35. Từ điển Bách khoa ngành CTXH (1995).
36. Thông tư liên tịch số 11/2011/TTLT-BLĐTBXH ngày 26 tháng 1 năm 2011 hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện Quyết định số 32/2010/QĐ-TTg ngày 25/3/2010 của Thủ tướng Chính phủ;
37. Thông tư liên tịch số 07/2015/TTLT/BLĐTBXH-BNV ngày 19/8/2015 quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức ngành CTXH;
38. Thông tư số 07/2013/TT-BLĐTBXH ngày 24/5/2013 hướng dẫn tiêu chuẩn công tác viên CTXH cấp xã.
39. Thông tư liên tịch số 09/2013/TTLT/BLĐTBXH-BNV ngày 10/6/2013 của Liên Bộ Lao động – Thương binh & Xã hội; Bộ Nội vụ về hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm cung cấp dịch vụ Công tác xã hội cộng đồng.
40. Thông tư số 01/2017/TT-BLĐTBXH Ngày 02/2/2107 do Bộ Lao động- Thương binh & Xã hội đã ban hành quy định tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp đối với người làm công tác xã hội;
41. Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình, (2010), *Quyết định Số: 268/QĐ-UBND ngày 09 tháng 12 năm 2010 về việc phê duyệt kế hoạch triển khai thực hiện Quyết định số 32/2010/QĐ-TTg ngày 25/3/2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển nghề công tác xã hội giai đoạn 2010-2020*;
42. Ủy ban nhân dân xã Trung Sơn (2018), *Báo cáo kết quả xây dựng Nông thôn mới xã Trung Sơn năm 2018*.
43. Ủy ban nhân dân xã Trung Sơn, (2018), *Báo cáo giám sát chương trình giảm nghèo của UBND xã Trung Sơn năm 2018*
44. Ủy ban nhân dân xã Trung Sơn, (2018), *Báo cáo phát triển kinh tế - xã hội năm 2018. Phương hướng, nhiệm vụ năm 2019*.
45. Ủy ban nhân dân xã Trung Sơn, (2018), *Chương trình công tác năm năm 2018*.
46. Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình, (2018), *Kế hoạch số 20/KH-UBND*

ngày 05 tháng 02 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình về thực hiện Đề án “Đổi mới, phát triển trợ giúp xã hội giai đoạn 2018 -2025 và tầm nhìn đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Hòa Bình.

47. Ủy ban nhân dân xã Trung Sơn, (2018), *Kế hoạch số 13/KH-UBND* ngày 8/2/2018 mở 02 lớp đào tạo nghề may và lớp móc vòng ren cho lao động nông thôn.

48. UNDP, (2012), “*Gender and economic policy management initiative Asia and Pacific: Gender and economic* (Sáng kiến quản lý về giới và chính sách kinh tế ở Châu Á – Thái Bình Dương: giới và đói nghèo).

49. UNDP (2011), *Social services for human development: Viet Nam human development report 2011* (dịch vụ xã hội phục vụ phát triển con người: Báo cáo phát triển con người Việt Nam 2011).

## **II. Tài liệu tiếng Anh**

50. Christensen, Hanne, (1990), “*The reconstruction of Afghanistan: A chance for Rural Afghan Women*” (Geneva: United Nations Rebecca Lefton (2013).

## PHỤ LỤC

### Phụ lục 1

#### BẢNG HỎI

### VAI TRÒ CỦA NHÂN VIÊN CÔNG TÁC XÃ HỘI TRONG HỖ TRỢ PHỤ NỮ NGHÈO ĐƠN THÂN TRÊN ĐỊA BÀN XÃ TRUNG SON, HUYỆN LƯƠNG SON, TỈNH HÀ BÌNH

*(Dành cho phụ nữ nghèo đơn thân)*

Với mục đích đánh giá vai trò của Nhân viên công tác xã hội trong việc hỗ trợ phụ nữ nghèo đơn thân tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản, các chính sách xã hội trên địa bàn, cùng các hoạt động trợ giúp thông qua việc thể hiện các vai trò đối với phụ nữ nghèo đơn thân để đi sâu nghiên cứu đề tài luận văn thạc sỹ: “Vai trò của nhân viên công tác xã hội trong hỗ trợ phụ nữ nghèo đơn thân tại xã Trung Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình”, tác giả tiến hành khảo sát thực trạng về vai trò của nhân viên Công tác xã hội, trên cơ sở đó đưa ra một số giải pháp nhằm phát triển, nâng cao hơn nữa vị trí vai trò của nhân viên CTXH trong việc hỗ trợ đối tượng là phụ nữ nghèo đơn thân cũng như các dịch vụ xã hội chăm sóc cho đối tượng này.

Cô/chị vui lòng điền dấu (x) vào ô phù hợp với ý kiến của Cô/chị và để trống những ô không phù hợp. Cô/chị cũng có thể ghi ý kiến khác của mình bên cạnh mỗi câu trả lời. Tôi xin khẳng định những thông tin thu được chỉ nhằm mục đích phục vụ nghiên cứu và đảm bảo giữ bí mật thông tin mà Cô/chị cung cấp. Xin chân thành cảm ơn sự tham gia của Cô/chị!

#### PHẦN A. THÔNG TIN CHUNG VỀ NGƯỜI TRẢ LỜI

Câu 1: Họ và tên: (Có thể không điền):.....

Địa chỉ:.....

Câu 2: Độ tuổi?

Dưới 18 tuổi

Từ 18 tuổi đến dưới 30 tuổi

Từ 30 tuổi đến dưới 60 tuổi

Câu 3: Trình độ học vấn?

<input type="checkbox"/> Không trình độ (không đi học)	<input type="checkbox"/> Chưa tốt nghiệp tiểu học
<input type="checkbox"/> Tốt nghiệp tiểu học	<input type="checkbox"/> Tốt nghiệp THCS
<input type="checkbox"/> Tốt nghiệp THPT	<input type="checkbox"/> Sơ cấp
<input type="checkbox"/> Trung cấp	<input type="checkbox"/> Cao đẳng, Đại học, sau Đại học

Câu 4: Nghề nghiệp của cô/ chị?

<input type="checkbox"/> Làm nông nghiệp	<input type="checkbox"/> Công việc tự tạo
<input type="checkbox"/> Buôn bán nhỏ	<input type="checkbox"/> Chưa có việc làm
<input type="checkbox"/> Làm công ăn lương	<input type="checkbox"/> Việc làm khác (ghi rõ).....

Câu 5: Nguyên nhân dẫn đến nghèo?

<input type="checkbox"/> Ốm đau nặng, bệnh tật, sức khỏe yếu	<input type="checkbox"/> Đông người ăn theo, thiếu lao động, thiếu việc làm
<input type="checkbox"/> Thiếu vốn, thiếu đất sản xuất, phương tiện sản xuất	<input type="checkbox"/> Mắc tệ nạn xã hội, lười lao động
<input type="checkbox"/> Thiếu kiến thức, thiếu thông tin	<input type="checkbox"/> Nguyên nhân khác (ghi rõ).....

Câu 6: Gia đình thuộc diện hộ nghèo?

<input type="checkbox"/> Nghèo mới năm 2018	<input type="checkbox"/> Nghèo cũ	<input type="checkbox"/> Tái nghèo
---	-----------------------------------	------------------------------------

Câu 7: Cô/chị chia sẻ thêm về các thành viên trong gia đình (nêu cụ thể số lượng, tuổi, tình trạng sức khỏe, học tập.....)

.....  
.....

## PHẦN B

### ĐẶC ĐIỂM TÂM LÝ VÀ NHU CẦU CỦA PHỤ NỮ NGHÈO ĐƠN THÂN

Câu 1. Cô/chị gặp phải những vấn đề tâm lý nào sau đây? (có thể lựa chọn nhiều phương án)

<input type="checkbox"/> Dễ bị tổn thương, tự ái	<input type="checkbox"/> Sống khép kín, ngại giao tiếp
<input type="checkbox"/> Đánh giá thấp bản thân	<input type="checkbox"/> Bi quan, buông xuôi
<input type="checkbox"/> Mặc cảm, tự ti, xấu hổ về bản thân, gia đình	<input type="checkbox"/> Lo lắng, buồn phiền
<input type="checkbox"/> Sống thụ động, không có chính kiến	<input type="checkbox"/> Khác (ghi rõ).....

Câu 2. Những khó khăn mà cô/chị đang gặp phải? (có thể chọn nhiều phương án)

<input type="checkbox"/> Sức khỏe yếu, ốm đau	<input type="checkbox"/> Khó khăn về nhà ở (không có nhà hoặc đã hư hỏng, xuống cấp)
<input type="checkbox"/> Điều kiện sinh hoạt thiếu thốn	<input type="checkbox"/> Thiếu kiến thức, kỹ năng
<input type="checkbox"/> Không có tay nghề, trình độ	<input type="checkbox"/> Thiếu lao động
<input type="checkbox"/> Nhận thức còn hạn chế	<input type="checkbox"/> Thiếu vốn, phương tiện sản xuất,
<input type="checkbox"/> Tâm lý không ổn định	<input type="checkbox"/> Ngại tham gia các hoạt động của hội, đoàn thể
<input type="checkbox"/> Khác (ghi rõ).....	<input type="checkbox"/>

Câu 3. Cô/chị cần những nhu cầu nào sau đây? (có thể chọn nhiều phương án)

<input type="checkbox"/> Chăm sóc sức khỏe	<input type="checkbox"/> Hỗ trợ sửa chữa, xây dựng nhà ở
<input type="checkbox"/> Cải thiện điều kiện sinh hoạt gia đình	<input type="checkbox"/> Hỗ trợ giáo dục
<input type="checkbox"/> Học nghề và tạo việc làm	<input type="checkbox"/> Trợ giúp pháp lý
<input type="checkbox"/> Truyền thông nâng cao nhận thức	<input type="checkbox"/> Hỗ trợ vay vốn, phương tiện sản xuất, chính sách ưu đãi
<input type="checkbox"/> Tư vấn, tham vấn tâm lý	<input type="checkbox"/> Nhu cầu được tôn trọng
<input type="checkbox"/> Nhu cầu khác (ghi rõ).....	<input type="checkbox"/> Nhu cầu được tham gia các hoạt động của hội, đoàn thể

## PHẦN C

### THỰC TRẠNG VAI TRÒ CỦA NHÂN VIÊN CTXH TRONG HỖ TRỢ PHỤ NỮ NGHÈO ĐƠN THÂN TRÊN ĐỊA BÀN XÃ TRUNG SƠN, HUYỆN LƯƠNG SƠN, TỈNH HÒA BÌNH.

**Câu 1.** Địa phương chị có nhân viên công tác xã hội không?(Chỉ chọn một phương án):

- a. Có                                      b. Không có                                      c. Không biết

**Câu 2.** Cô/ chị có nhận được sự hỗ trợ, giúp đỡ của nhân viên CTXH?

<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không
-----------------------------	--------------------------------

Nếu không, xin vui lòng cho biết các lý do?

.....

Nếu có xin vui lòng trả lời các câu hỏi sau đây:

a. Hãy cho biết Cô/chị đã nhận được những hỗ trợ, giúp đỡ nào sau đây? (có thể chọn nhiều phương án)

<input type="checkbox"/> Được hỗ trợ chăm sóc sức khỏe	<input type="checkbox"/> Được trang bị kiến thức
<input type="checkbox"/> Được hỗ trợ tâm lý	<input type="checkbox"/> Được hỗ trợ học nghề, việc làm
<input type="checkbox"/> Được kết nối tới các dịch vụ xã hội: y tế, giáo dục...	<input type="checkbox"/> Được hỗ trợ từ các nguồn lực: chính quyền địa phương, doanh nghiệp...
<input type="checkbox"/> Khác (ghi rõ).....	<input type="checkbox"/> Được giúp đỡ xây dựng kế hoạch giải quyết vấn đề của bản thân

b. Nhân viên CTXH đã vận động những nguồn lực nào để hỗ trợ cho cô/chị? (có thể chọn nhiều phương án)

<input type="checkbox"/> Chính quyền địa phương	<input type="checkbox"/> Các cty, doanh nghiệp trên địa bàn
<input type="checkbox"/> Chi hội phụ nữ thôn, xóm	<input type="checkbox"/> Các nhà hảo tâm, từ thiện
<input type="checkbox"/> Người thân, họ hàng, làng xóm	<input type="checkbox"/> Các đơn vị tổ chức, xã hội
<input type="checkbox"/> Ngân hàng chính sách	<input type="checkbox"/> Khác (ghi rõ).....



c. Nhân viên CTXH đã vận động nguồn lực bằng hình thức nào?

<input type="checkbox"/> Loa phát thanh, bảng tin	<input type="checkbox"/> Băng rôn, tờ rơi, khẩu hiệu
<input type="checkbox"/> Qua các cuộc họp, hội nghị	<input type="checkbox"/> Qua các hoạt động cộng đồng
<input type="checkbox"/> Đến gặp trao đổi trực tiếp	<input type="checkbox"/> Khác (ghi rõ).....
<input type="checkbox"/> Qua điện thoại	

d. Xin vui lòng đánh giá hiệu quả mà nhân viên CTXH đạt được trong vai trò là người vận động các nguồn lực?

<input type="checkbox"/> Rất hiệu quả	<input type="checkbox"/> Hiệu quả
<input type="checkbox"/> Hiệu quả bình thường	<input type="checkbox"/> Hiệu quả ít
<input type="checkbox"/> Không hiệu quả	<input type="checkbox"/> Rất không hiệu quả

Câu 3. Cô/ chị đã được nhân viên CTXH kết nối, giới thiệu tiếp cận với các dịch vụ, chính sách, nguồn tài nguyên sẵn có?

<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không
-----------------------------	--------------------------------

Nếu không được kết nối, giới thiệu, xin vui lòng cho biết các lý do?

.....

Nếu có được kết nối, giới thiệu các dịch vụ xã hội xin vui lòng trả lời các câu hỏi sau đây:

a. Cô/ chị đã được kết nối, giới thiệu các dịch vụ nào sau đây? (có thể chọn nhiều phương án)

<input type="checkbox"/> Dịch vụ truyền thông nâng cao nhận thức	<input type="checkbox"/> Dịch vụ hỗ trợ y tế, chăm sóc sức khỏe
<input type="checkbox"/> Dịch vụ hỗ trợ học nghề, giải quyết việc làm	<input type="checkbox"/> Dịch vụ hỗ trợ đối thoại chính sách
<input type="checkbox"/> Khác (ghi rõ).....	

b. Cô/ chị đã được kết nối tới các cơ quan, đơn vị nào sau đây? (có thể chọn nhiều phương án)

<input type="checkbox"/> Chính quyền địa phương	<input type="checkbox"/> Các cty, doanh nghiệp trên địa bàn
<input type="checkbox"/> Trung tâm học tập cộng đồng xã	<input type="checkbox"/> Trạm y tế xã
<input type="checkbox"/> BHYT huyện Lương Sơn	<input type="checkbox"/> Trung tâm y tế huyện

<input type="checkbox"/> Ngân hàng chính sách	<input type="checkbox"/> Phòng Lao động – TB&XH huyện
Trị g tâm dạy nghề huyện	Kl c (ghi rõ).....

c. Được kết nối bằng các hình thức nào sau đây? (có thể chọn nhiều phương án)

<input type="checkbox"/> Qua các cuộc họp, hội nghị	<input type="checkbox"/> Qua NVCTXH
<input type="checkbox"/> Đến gặp trao đổi trực tiếp	<input type="checkbox"/> Qua các hoạt động cộng đồng
<input type="checkbox"/> Qua thư ngỏ, điện thoại, mail...	<input type="checkbox"/> Khác (ghi rõ).....

d. Xin vui lòng đánh giá hiệu quả vai trò là người kết nối, giới thiệu của NVCTXH?

<input type="checkbox"/> Rất hiệu quả	<input type="checkbox"/> Hiệu quả
<input type="checkbox"/> Hiệu quả bình thường	<input type="checkbox"/> Hiệu quả ít
<input type="checkbox"/> Không hiệu quả	<input type="checkbox"/> Rất không hiệu quả

Câu 4. Trong quá trình làm việc giữa cô/chị và NVCTXH có sự tương tác, chia sẻ, trao đổi thân mật chân tình (tham vấn tâm lý)?

<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không
-----------------------------	--------------------------------

Nếu không, xin vui lòng cho biết các lý do?

.....

Nếu có xin vui lòng trả lời các câu hỏi sau đây:

a. NVCTXH đã giúp cô/chị được những điều gì sau đây? (có thể chọn nhiều phương án)

<input type="checkbox"/> Giúp thay đổi trạng thái cảm xúc, hành vi tiêu cực, cải thiện và tăng cường các động cơ tích cực	<input type="checkbox"/> Giúp cung cấp thông tin, giải thích để hiểu về chính bản thân và hoàn cảnh của mình
<input type="checkbox"/> Giúp đưa ra được nhiều hướng giải quyết có thể thực hiện được và phù hợp	<input type="checkbox"/> Giúp đưa ra được những quyết định đúng đắn
<input type="checkbox"/> Giúp hỗ trợ thực hiện các quyết định và giải quyết vấn đề	Khác (ghi rõ).....

b. Các loại hình nào sau đây mà NVCTXH sử dụng khi tham vấn cho cô/chị?

<input type="checkbox"/> Tham vấn trực tiếp tại nhà	<input type="checkbox"/> Tham vấn qua điện thoại
<input type="checkbox"/> Tham vấn qua báo	<input type="checkbox"/> Tham vấn qua Internet
<input type="checkbox"/> Tham vấn qua đài	<input type="checkbox"/> Tham vấn qua truyền hình
<input type="checkbox"/> Tham vấn qua đài	<input type="checkbox"/> Trực tiếp tại Trung tâm tham vấn
<input type="checkbox"/> Tham vấn qua chat room trực tuyến	<input type="checkbox"/> Khác (ghi rõ).....

c. Các hình thức tham vấn?

<input type="checkbox"/> Tham vấn cá nhân	<input type="checkbox"/> Tham vấn gia đình
<input type="checkbox"/> Tham vấn nhóm	

d. Xin vui lòng đánh giá hiệu quả quá trình tham vấn?

<input type="checkbox"/> Rất hiệu quả	<input type="checkbox"/> Hiệu quả
<input type="checkbox"/> Hiệu quả bình thường	<input type="checkbox"/> Hiệu quả ít
<input type="checkbox"/> Không hiệu quả	<input type="checkbox"/> Rất không hiệu quả

Câu 5. Cô/ chị đã được cung các cấp kiến thức, kỹ năng giúp nâng cao năng lực bản thân?

<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không
-----------------------------	--------------------------------

Nếu không được cung cấp các kiến thức, kỹ năng, xin vui lòng cho biết các lý do?.....

Nếu có được cung cấp các kiến thức, kỹ năng xin vui lòng trả lời các câu hỏi sau đây:

a. Cô/ chị đã được cung cấp các kiến thức nào sau đây? (có thể chọn nhiều phương án)

<input type="checkbox"/> Kiến thức về dinh dưỡng	<input type="checkbox"/> Kiến thức về sử dụng thẻ BHYT
<input type="checkbox"/> Chăm sóc sức khỏe sinh sản	<input type="checkbox"/> Kiến thức về việc sử dụng vốn vay
<input type="checkbox"/> Kiến thức về giáo dục con cái	<input type="checkbox"/> Kiến thức về các chính sách hỗ trợ
<input type="checkbox"/> Khác (ghi rõ).....	<input type="checkbox"/> Kiến thức về Người nghèo, PNNĐT

b. Cô/ chị đã được cung cấp các kỹ năng nào sau đây? (có thể chọn nhiều phương án)

<input type="checkbox"/> Kỹ năng vận động nguồn lực	<input type="checkbox"/> Kỹ năng nuôi dạy con cái
<input type="checkbox"/> Kỹ năng xây dựng kế hoạch	<input type="checkbox"/> Kỹ năng nói trước đám đông
<input type="checkbox"/> Kỹ năng giải quyết mâu thuẫn trong gia đình	<input type="checkbox"/> Kỹ năng quản lý tài chính
<input type="checkbox"/> Khác (ghi rõ).....	<input type="checkbox"/> Kỹ năng phỏng vấn, xin việc làm

c. Cô/chị được cung cấp các kiến thức, kỹ năng từ..? (có thể chọn nhiều phương án)

<input type="checkbox"/> Trung tâm học tập cộng đồng xã	<input type="checkbox"/> Công chức LĐTB&XH xã
<input type="checkbox"/> Trung tâm dạy nghề huyện	<input type="checkbox"/> Trạm y tế xã
<input type="checkbox"/> BHYT huyện Lương Sơn	<input type="checkbox"/> Trung tâm y tế huyện
<input type="checkbox"/> Nhân viên CTXH	<input type="checkbox"/> Phòng Lao động – TB&XH huyện
<input type="checkbox"/> Hội liên hiệp phụ nữ	<input type="checkbox"/> Khác (ghi rõ).....

d. Cô/chị được cung cấp các kiến thức, kỹ năng qua hình thức nào sau đây? (có thể chọn nhiều phương án)

<input type="checkbox"/> Qua các cuộc họp, hội nghị..	<input type="checkbox"/> Qua hệ thống loa phát thanh
<input type="checkbox"/> Qua bảng tin, tờ rơi..	<input type="checkbox"/> Qua các hoạt động cộng đồng
<input type="checkbox"/> Qua các buổi tọa đàm, diễn đàn..	<input type="checkbox"/> Khác (ghi rõ).....

e. Xin vui lòng đánh giá hiệu quả việc cung cấp các kiến thức, kỹ năng của NVCTXH?

a. Hiệu quả

b. Bình Thường

c. Không hiệu quả

**Câu 6.** Trong các cá nhân, tổ chức dưới đây, cá nhân, tổ chức nào trợ giúp chị nhiều nhất lúc chị gặp khó khăn? (điền theo thứ tự)

Stt	Tên cá nhân, tổ chức	Thứ tự
1	Trưởng thôn	
2	Bí thư thôn	
3	Cán bộ lao động – xã hội	
4	Cán bộ hội LHPN	
5	Cán bộ đoàn TN	
6	Cán bộ Hội NCT	
7	Cán bộ Hội nông dân	
8	Nhân viên CTXH chuyên trách	
9	Cộng tác viên công tác xã hội	
10	Các doanh nghiệp trên địa bàn, các nhà hảo tâm....	

**Câu 7.** Nhận xét của chị về đội ngũ cán bộ, nhân viên làm công tác xã hội ở địa phương chị? (bao gồm cả chuyên trách và bán chuyên trách) (có thể chọn nhiều phương án)

- Nhiệt tình, trách nhiệm                       Thiếu trách nhiệm  
 Hiểu biết sâu rộng về người nghèo       Hiểu biết về người nghèo còn hạn chế  
 Thành thạo các kỹ năng                       Thiếu kỹ năng nghề nghiệp  
 Thân thiện, gần gũi                               Khác (ghi rõ).....

**Câu 8.** Đánh giá các hoạt động của NVCTXH trong hỗ trợ PNNĐT?

STT	Nội dung hoạt động	Hiệu quả	Bình Thường	Không hiệu quả
1	Hoạt động vận động nguồn lực			
2	Hoạt động kết nối nguồn lực			
3	Hoạt động tham vấn/tư vấn			
4	Hoạt động giáo dục			

**PHẦN D**

**MỘT SỐ YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN VAI TRÒ CỦA NHÂN VIÊN CTXH  
TRONG HỖ TRỢ PHỤ NỮ NGHÈO ĐƠN THÂN TRÊN ĐỊA BÀN XÃ  
TRUNG SON, HUYỆN LƯƠNG SON, TỈNH HÒA BÌNH**

Câu 1. Đặc điểm của phụ nữ nghèo đơn thân nuôi con

a. Theo Cô/chị những yếu tố nào sau đây của PNNĐT có ảnh hưởng tới vai trò của nhân viên CTXH trong hỗ trợ đối tượng? (có thể chọn nhiều phương án)

<input type="checkbox"/> Yếu tố về nhận thức	<input type="checkbox"/> Tình trạng sức khỏe
<input type="checkbox"/> Yếu tố về tâm lý	<input type="checkbox"/> Hoàn cảnh gia đình
<input type="checkbox"/> Yếu tố về kinh tế	<input type="checkbox"/> Khác (ghi rõ).....

Câu 2. Nhân viên CTXH

a. Theo Cô/chị những yếu tố nào của NVCTXH sau đây có ảnh hưởng tới việc hỗ trợ phụ nữ nghèo đơn thân giải quyết các vấn đề? (có thể chọn nhiều phương án)

<input type="checkbox"/> Kỹ năng nghề nghiệp	<input type="checkbox"/> Kiến thức, trình độ chuyên môn
<input type="checkbox"/> Phẩm chất đạo đức	<input type="checkbox"/> Kinh nghiệm thực tế
<input type="checkbox"/> Điều kiện làm việc	<input type="checkbox"/> Khác (ghi rõ).....

Câu 3. Cơ chế, chính sách

a. Theo Cô/chị những yếu tố về cơ chế, chính sách nào sau đây có ảnh hưởng tới quá trình hỗ trợ phụ nữ nghèo đơn thân giải quyết các vấn đề của NVCTXH ?

<input type="checkbox"/> Việc ban hành chủ trương, chính sách liên quan đến người nghèo	<input type="checkbox"/> Kinh phí thực hiện
<input type="checkbox"/> Việc tổ chức triển khai thực hiện	<input type="checkbox"/> Công tác bố trí, sắp xếp cán bộ
<input type="checkbox"/> Trách nhiệm các bên tham gia	<input type="checkbox"/> Khác (ghi rõ).....

Câu 4. Nhận thức của chính quyền địa phương

a. Theo Cô/chị chính quyền địa phương có nhận thức đầy đủ về vị trí, vai trò của nhân viên CTXH trong hỗ trợ phụ nữ nghèo đơn thân chưa?

<input type="checkbox"/> Rất Đầy đủ	<input type="checkbox"/> Bình thường
<input type="checkbox"/> Không đầy đủ	<input type="checkbox"/> Khác (ghi rõ).....

b. Theo Cô/chị chính quyền địa phương đã thể hiện được chức trách trong việc tạo điều kiện cho đội ngũ nhân viên CTXH thực hiện vai trò hỗ trợ phụ nữ nghèo đơn thân chưa? Nếu có thì đã đầy đủ chưa?

<input type="checkbox"/> Rất Đầy đủ	<input type="checkbox"/> Chỉ đáp ứng được một phần
<input type="checkbox"/> Không đầy đủ	<input type="checkbox"/> Khác (ghi rõ).....

Câu 5. So sánh mức độ các yếu tố ảnh hưởng đến vai trò của NVCTX trong hỗ trợ PNNĐT?

STT	Các yếu tố	ảnh hưởng nhiều	ảnh hưởng ít	Không ảnh hưởng
1	Yếu tố về PNNĐT			
2	Yếu tố về NVCTXH			
3	Yếu tố về chính sách thực hiện			
4	Yếu tố về nhận thức của CQĐP			
5	Yếu tố khác			

## PHẦN E

### MỘT SỐ GIẢI PHÁP NÂNG CAO VAI TRÒ CỦA NVCTXH TRONG HỖ TRỢ PHỤ NỮ NGHÈO ĐƠN THÂN TRÊN ĐỊA BÀN XÃ TRUNG SƠN, HUYỆN LƯƠNG SƠN, TỈNH HÒA BÌNH

Câu 1. Cô/ chị có đề xuất gì để nâng cao vai trò của nhân viên CTXH trong hỗ trợ phụ nữ nghèo đơn thân tại địa phương?

.....

Câu 2. Theo Cô/chị NVCTXH, các cấp chính quyền, đoàn thể ở địa phương cần phải phối hợp và thực hiện như thế nào để vai trò của NVCTXH được phát huy cao hơn trong hỗ trợ phụ nữ nghèo đơn thân tại địa phương?

.....

Câu 3. Cô/chị cần phải làm gì để góp phần vào việc nâng cao vai trò của NVCTXH được phát huy cao hơn trong hỗ trợ phụ nữ nghèo đơn thân tại địa phương đạt hiệu quả?.....

Xin chân thành cảm ơn chia sẻ của cô/chị





## **Phụ lục 2**

### **MẪU PHỎNG VẤN SÂU (Dùng để phỏng vấn phụ nữ nghèo đơn thân)**

1) Xin chị vui lòng giới thiệu đôi nét về bản thân (tuổi, trình độ học vấn, nghề nghiệp, hoàn cảnh đơn thân, số thành viên trong gia đình, thu nhập, mức sống, tình trạng sức khỏe....)?

2) Chị cảm thấy như thế nào về cuộc sống hiện tại của mình? Chị đang gặp khó khăn gì trong cuộc sống?

3) Chị có vay vốn của ngân hàng chính sách không? Ai, cá nhân, tổ chức nào hỗ trợ chị vay vốn?

4) Hiệu quả của việc sử dụng vốn vay? Mục đích vay vốn của chị có đạt được không?

5) Những lúc buồn hoặc gặp khó khăn trong cuộc sống, chị thường làm gì? tìm ai để chia sẻ và giúp đỡ?

6) Địa phương chị có nhân viên CTXH không? Chị biết gì về nghề CTXH? Biết được từ đâu?

7) Chị tham gia công việc gì cùng với NVCTXH? Trong các công việc đó có những hoạt động gì? Khi tham gia các hoạt động, chị thích những hoạt động gì? Tại sao?

8) Chị đánh giá như thế nào về các hoạt động hỗ trợ phụ nữ nghèo đơn thân của NVCTXH, các ban ngành đoàn thể tại địa phương?

9) Chị có mong muốn được tham gia giao lưu với các nhóm PNNĐT ở địa phương khác không? Nếu có thì muốn tham gia giao lưu hình thức như thế nào?

10) Chị có kiến nghị gì với lãnh đạo chính quyền ở địa phương để nâng cao vai trò của NVCTXH trong hỗ trợ phụ nữ nghèo đơn thân?

### **Phu lục 3**

#### **MẪU PHÒNG VẤN SÂU**

**(Dùng để hỏi cán bộ ban, ngành, đoàn thể cấp xã)**

1) Xin anh/chị vui lòng giới thiệu đôi chút về bản thân (Họ và tên, tuổi, trình độ chuyên môn, chức danh, nhiệm vụ được giao, số năm giữ vị trí hiện tại...)?

2) Anh/chị đã làm về công tác hỗ trợ cho PNNĐT được bao nhiêu năm?

Anh/chị cho biết hiện nay tại địa phương có bao nhiêu người phụ nữ đơn thân?

3) Anh/ chị có nhận xét gì về số lượng phụ nữ nghèo đơn thân mấy năm gần đây?

Tăng hay giảm? nguyên nhân? xin vui lòng cho biết phụ nữ đơn thân tại địa phương có được chính quyền địa phương và nhân dân quan tâm hay không?

4) Theo anh/chị, cuộc sống của những PNNĐT tại địa phương anh /chị hiện nay như thế nào? họ có khó khăn và nhu cầu gì? Những ai có trách nhiệm trong việc hỗ trợ phụ nữ nghèo đơn thân giảm nghèo, xây dựng gia đình hạnh phúc?

5) Ở địa phương anh/chị, có những hoạt động gì để hỗ trợ phụ nữ nghèo đơn thân?

Hỗ trợ cá nhân hay hỗ trợ theo nhóm? Do ai thành lập, quản lý và tổ chức các hoạt động? Các hoạt động đó là gì?

6) Anh /chị hãy đánh giá hiệu quả các hoạt động hỗ trợ phụ nữ nghèo đơn thân của NVCTX, các ban, ngành, đoàn thể?

7) Địa phương anh chị có hoạt động công tác xã hội không? Ai là người thực hiện các hoạt động đó? Nhân viên CTX hay cộng tác viên CTXH hay cán bộ các ban, ngành, đoàn thể? Những người này có được đào tạo hay bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng công tác xã hội không?

8) Anh/chị có được đào tạo hoặc bồi dưỡng kiến thức kỹ năng về công tác xã hội không? Nếu có thì được đào tạo ở trình độ nào? Có những kiến thức, kỹ năng gì?

9) Theo Anh/chị các hoạt động của cán bộ cộng đồng nhằm hỗ trợ phụ nữ đơn thân tại địa phương đã đạt hiệu quả chưa? Cụ thể như thế nào?

10) Theo anh/chị, cần phải làm gì? làm như thế nào để nâng cao chất lượng, hiệu quả các vai trò của NVCTXH, cán bộ trong hỗ trợ phụ nữ nghèo đơn thân?.